BÁCH KHOA

SỐ 82 — NGÀY 1-6-1960

KHẢO-LUẬN

NGUYỄN-PHÚC-SA — Một vài yếu-tố của chánh sách tiểu công-nghệ.

HOÀNG-MINH-TUYNH và THONG-KHAM — Bàn về chữ « Tử » trong Phật-giáo.

PHẠM-HOÀNG — Tinh thần khách-quan và tinh thần trách-nhiệm.

J. POLTON, TRỌNG-KHANG *dịch* — Vấn-đề tài trợ ngành trồng tỉa cao-su.

PHẠM-ÁI-BÍCH — Tinh-túy của Triết-lý Phật-giáo.

PHẠM-NGỌC-THẢO — Sao du-kích chưa hết ?

ĐOÀN-THÊM — Người viết và Người đọc.

CÔ-LIÊU — Nước Anh đã và sẽ làm gì cho thanh-niên.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ — Dostoïevsky.

NGUYỄN-VĂN-HÀU — Vấn-đề chánh-tả.

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN — Thành-tích 50 năm khoa-học.

VĂN-NGHỆ — SINH-HOẠT

BÙI-KHÁNH-ĐẢN — Nhân nhủ.

ĐỖ-TẤN — Ngày xưa.

TRẦN-VĂN-KHÊ — Hát ả-đào (II).

Cô PHƯƠNG-THẢO — Điểm sách : Ký thác (Bình-Nguyên-Lộc).

PHAN-VĂN-TẠO — Ông Ba Kim.

HUY-LỰC — Thuyền trăng.

HOÀI-HƯƠNG — Tháng Mười tôi nhớ vụ đòi làng Anh.

THIÊN-GIANG, NGUYỄN *(dịch)* — Miếng tôi tàn

Đồng tiền cắm cuối cùng của Vương tiến-sinh

PHAN-DU — Á-Xíu.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh " *Eau de Vie cũ* " 40° và 50°

— Rượu Tàu *"Lão-Mạnh-Tửu"*

— Rượu Tàu " *Ích-Thọ-Tửu* "

SI-RÔ " *Verigoud* " :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm *Distarome*

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

NƯỚC HOA và DẦU THƠM « **D.I.C.** » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mãi, xin do :

ở **NAM-PHẦN :** HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY **(S.F.D.I.C.)**
135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN :** CÔNG TY THƯƠNG MÃI, KỸ NGHỆ và TIỂU CÔNG NGHỆ **(S.I.C.A.)** — *32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG*

HÃNG RƯỢU **NHIỀU-BÁ**
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SHELL

Để dùng vào KỸ-NGHỆ NÔNG-NGHIỆP và TRONG NHÀ

CÔNG-TY SHELL VIỆT NAM

xin giới thiệu cùng Quý Ngài những hoá-phẩm do dầu hỏa chế ra.

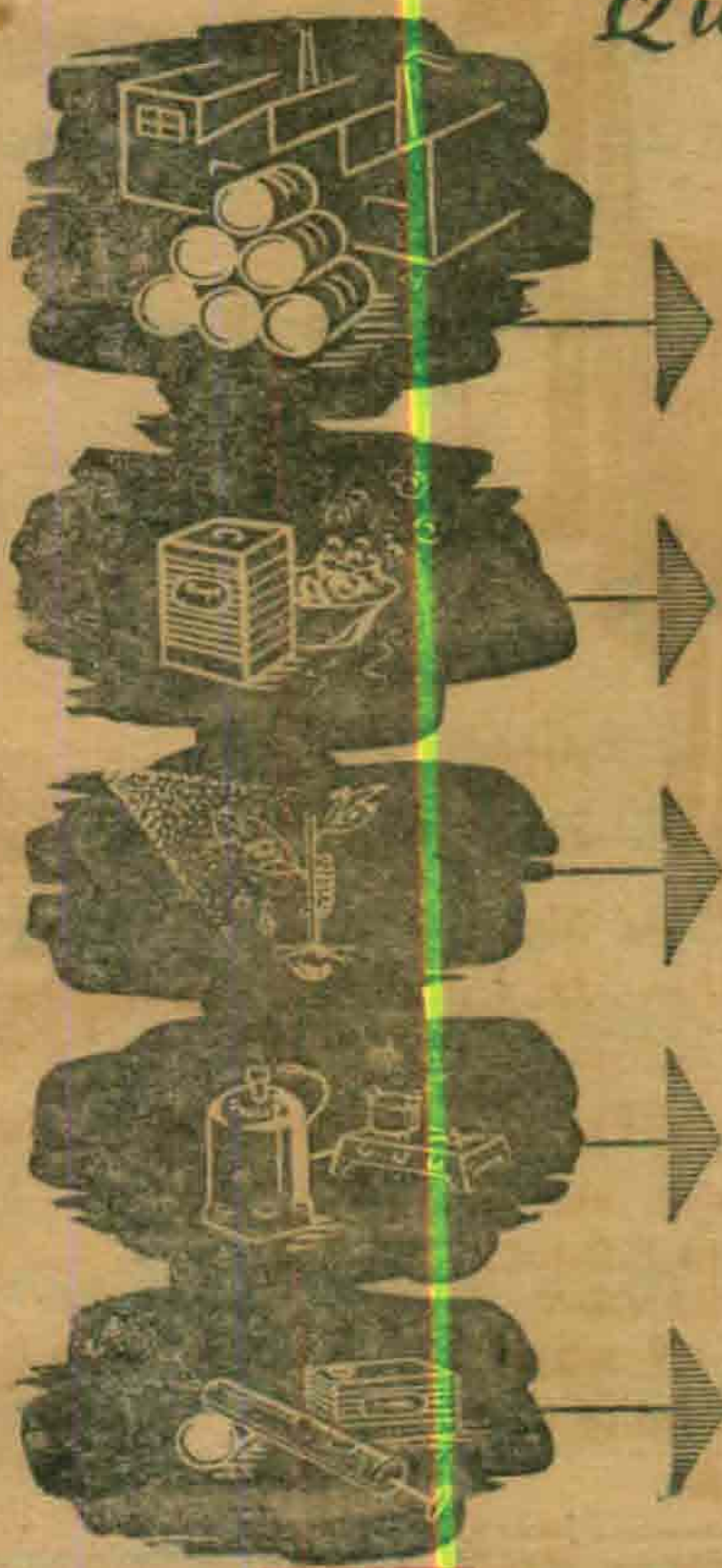

Chất để pha trộn, Acétone, glycérine, toluène

Xà-bông nước hoá-học

Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin, Aldrin, Endrin, trừ các loài sâu bọ cắn hại mùa màng

Hơi Butagaz để đun bếp vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi

Thuốc sát trùng Shelltox, mùi dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhậy

BANQUE FRANCO-CHINOISE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE
VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG
CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM
MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

NHỮNG GIẢM GIA ĐẶC BIỆT
TRÊN NHỮNG ĐƯỜNG BAY TRONG XỨ

CỦA

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

1) *Giảm giá gia-đình 15 %* trên vé bay cho hành-khách trong một gia-đình đi chung nhau và gồm có ít lắm :

— 3 người lớn
— 2 người lớn và 2 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi
— 1 người lớn và 4 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi

2) *Giảm-giá cho các đoàn nghệ-sĩ và thể-thao :*

— 15 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 5 người
— 20 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 10 người
— 25 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn 15 người trở lên

XIN HỎI CHI-TIẾT NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON
Đ. T. : 22.446-47, 21.624-25-26

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : *21.632 - 21.633*

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : *396*

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : *323*

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC

MIS
CHOLON

COTAB

VIRGINIE

GIÁ BÁN
18 $

SILENCE TOTAL

à 800 km-heure

AIR FRANCE

présente

Caravelle

Dans le bleu limpide des hautes altitudes, Caravelle glisse paisiblement, tel un planeur, dont il évoque la ligne pure, fonctionnelle et racée.

Musique en plein ciel

Caravelle est l'avion le plus silencieux du monde. Aucune vibration : dans la cabine, on ne perçoit pas le bruit des réacteurs (placés à l'arrière du fuselage). Détendus, les passagers d'Air France écoutent la musique de Mozart dans une ambiance aussi calme que celle d'un chalet de haute montagne...

L'Europe à 800 km-heure

Caravelle équipe aujourd'hui les lignes européennes d'Air France (*) Parmi les premières lignes desservies : la liaison Paris - Istanbul, grâce à laquelle Paris est seulement à :

1 h 40 de vol de Milan, 2 h 30 de vol d'Athènes
2 h 00 — — Rome, 3 h 30 — d'Istanbul

Air France réalise actuellement le plus vaste programme d'expansion de son histoire : après les "Caravelle", mise en ligne des quadriréacteurs Boeing 707 "Intercontinental"

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

CONSULTEZ VOTRE AGENT DE VOYAGES OU AIR FRANCE 122-130 RUE TU-DO SAIGON TÉL. 20.981 à 84

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MÁY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOÁN
MAY VIỀN ẤN
MÁY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU

PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine

78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON

TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ: Hẽm Eden, Saigon

☆

TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN-HÀNG

☆

Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

☆

Ngân Hàng thừa nhận do Viện Hối Đoái Quốc-Gia Việt-Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime.

DENIS FRÈRES agrée I.A.T.A
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

CÂY KI-NÁP
Ở VIỆT-NAM

Cây ki-náp ở Việt-Nam là một nguồn lợi mới mẻ tối quan-trọng cho nước nhà.

VIETNAM EXPRESS

Công-ty sợi đay Việt-Nam và Việtnam Jute Factory hiện đang tăng gia sản-xuất cây ki-náp để góp phần độc-lập kinh-tế.

Trên thị-trường quốc-tế năm 1960 Việt-Nam được liệt vào hàng thứ ba sản-xuất ki-náp, với 3.300 mẫu. Nhờ thế mỗi năm Việt-Nam sẽ tiết kiệm được nửa triệu mỹ kim ngoại-tệ dùng để mua sợi đay ngoại-quốc.

Kỹ-nghệ mới này cũng như các kỹ-nghệ khác đều cần đến dầu để chạy máy và giữ gìn dụng-cụ.

HÃNG DẦU STANVAC
góp phần khuếch-trương kỹ-nghệ

STANDARD VACUUM OIL COMPANY và các sản-phẩm MOBILGAS — MOBILOIL — MOBILDIESEL, v.v...

BÁCH-KHOA

Số 82 — Ngày 1-6-1960

		Trang
NGUYỄN-PHÚC SA	*Một vài yếu-tố của chánh sách tiền công-nghệ*	3
HOÀNG-MINH-TUYNH và THONG-KHAM	*Bàn về chữ « Từ » trong Phật-giáo.*	9
PHẠM-HOÀNG	*Tinh thần khách-quan và tinh thần trách-nhiệm*	14
J. POLTON *(Trọng-Khang dịch)*	*Vấn-đề tái trợ ngành trồng tỉa cao su*	15
PHẠM-ÁI-BÍCH	*Tinh-túy của triết-lý Phật-giáo* . .	22
PHẠM-NGỌC-THẢO	*Sao đánh mãi du-kích chưa hết ?* .	25
ĐOÀN-THÊM	*Người viết và người đọc* . . .	30
CÔ-LIÊU	*Nước Anh đã và sẽ làm gì cho thanh-niên*	37
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	*Dostoïevsky*	41
BÙI-KHÁNH-ĐẢN	*Nhẫn nhủ.*	50
NGUYỄN-VĂN-HẦU	*Vấn-đề chánh-tả*	51
NGUYỄN-TRẦN-HUẤN	*Thành tích 50 năm khoa-học.* . .	56
ĐỖ-TÁN	*Ngày xưa* (thơ).	62
TRẦN-VĂN-KHÊ	*Hát ả-đào (II).*	64
Cô PHƯƠNG-THẢO	*Điểm sách : Ký thác (Bình-Nguyên-Lộc).*	70
PHAN-VĂN-TẠO	*Ông « Ba Kim »* (truyện vui). .	79
HUY-LỰC	*Thuyền trăng* (thơ).	84
HOÀI-HƯƠNG	*Tháng Mười tôi nhớ vụ đổi làng anh (thơ)*	85
THIÊN-GIANG	*Miếng trời làn* (Hồi ký) : . .	88
NGUYÊN	*Đồng tiền cắm cuối cùng của Vương tiên-sinh* (truyện dịch). .	92
PHAN-DU	*Ă-Xíu* (truyện ngắn) :	98

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HOÀNG-MINH-TUYNH	:	*Hiện tình Ấn-Độ* *Vị Tổng-thống tương-lai ở Mỹ-quốc?*
NGUYỄN-PHÚC-SA	:	*Vay mượn giữa tư nhân và phát-triển kinh-tế.*
NGUYỄN-ANH-LINH	:	*Nguồn gốc tôn-giáo*
BỬU-KẾ	:	*Châu bản triều Nguyễn*
CÔ-LIÊU	:	*Viễn-ảnh về xe không gian*
BÌNH-NGUYÊN-LỘC và NGUIỄN-NGU-Í	:	*Tiếc thay duyên Tấn phận Tần.*
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	:	*Cảm tưởng sau khi đọc cuốn « Văn học Việt-Nam » của Phạm-Văn-Diêu*
H. Đ.	:	*Nghề xuất-bản với loại sách Tết cho thanh-thiếu-nhi bên Pháp.*
NGUYỄN-VĂN-HẦU	:	*Thi ca và cuộc đời của nhà cách-mạng Nguyễn-Quang-Diêu*
NGUIỄN-NGU-Í	:	*Thử bàn về vài cái « nhỏ nhặt lặt vặt » chưa giải-quyết trong chữ Việt : chữ ghép (viết có gạch nối, viết dính, viết rời) ; cách viết tên người, tên đất, chức tước... ; cách viết âm i...*
VŨ-HẠNH	:	*Vàng Hời (truyện ngắn).*
XUÂN-TÙNG	:	*Trận banh đầu (truyện ngắn)*
PHAN-VĂN-TẠO	:	*Bài toán lớp Đệ-Tam*
MẶC-THU	:	*Mầu thuốc lá (truyện ngắn).*
NGUYỄN	:	*Con người không tưởng (truyện dịch)*
TRÚC-LIÊN	:	*Xe « buýt » và Tôi (truyện ngắn)*
PHẠM-PHẠM	:	*Đôi mắt (truyện ngắn)*

NGUYỄN-PHÚC-SA

MỘT VÀI YẾU-TỐ CỦA CHÁNH SÁCH TIỂU CÔNG-NGHỆ

Từ mấy chục năm nay, người ta đã bàn cãi rất nhiều xung quanh vấn-đề tiểu công-nghệ. Tiểu công-nghệ đã trải qua những thời kỳ oanh-liệt ; suốt mấy năm đại-chiến thứ hai khi việc nhập cảng hàng ngoại-quốc bị gián đoạn, nhiều nhà sản-xuất, với những phương-tiện thô sơ nhưng giầu tính kiên nhẫn và óc sáng kiến, đã cung cấp cho thị-trường đủ loại hàng thiết dụng. Ngày nay, mặc dầu việc nhập cảng dễ dàng, hưởng ứng chính sách độc-lập kinh-tế, công-nghệ gia của ta đã tỏ ra rất hoạt-động. Ngắm các cửa hàng ta sẽ ngạc nhiên thấy biết bao hàng nội-hóa ! Có những thứ, nếu người bán không cho biết xuất xứ, ta sẽ dễ lầm là hàng ngoại-quốc. Ấy thế mà khi ta có dịp tiếp xúc với người làm nghề, phần đông không khỏi than vãn những sự khó khăn gặp phải, những kinh-nghiệm chua cay. Ngay người ngoại cuộc lắm khi cũng tự hỏi tương lai của ngành này hay ngành khác rồi đây sẽ ra sao ? Phải chăng vì thiếu một đường lối rõ rệt và phương-tiện thích nghi trong lãnh vực này, hay là đường lối ấy tuy có nhưng không được mô diễn một cách minh xác, và thực-hiện một cách cương quyết, điều hòa, để mọi người vững tâm tiến tới, biến tiểu công-nghệ thành một lực-lượng kinh-tế và đưa nó lên một địa vị vững chắc trong nền kinh-tế nước nhà ?

Trước khi đi sâu vào vấn-đề, tưởng hãy thử định nghĩa danh từ tiểu-công-nghệ. Bộ luật lao-động, điều thứ 5, ghi rằng : « Tiểu-công-nghệ » là những công nhân tự làm cho mình một nghề thủ-công, làm tại nhà hay ở ngoài, có dùng phát-động-cơ cùng không, có lập cửa hàng và đăng bảng hiệu cùng không, cốt nhất là bán đồ của

mình sản-xuất, làm việc một mình hay có chồng hoặc vợ, hoặc thân thuộc, hoặc thợ thuyền hay người học nghề giúp việc với mình.

Số người giúp việc cho một nhà tiểu-công-nghệ, dầu là thân thuộc hay không của người này, không thể quá mười người, nhưng nhà tiểu-công-nghệ phải tự mình giám-đốc công việc của mình. »

Nhà làm luật chỉ chú trọng đến hai yếu-tố khách quan và cụ thể : tính cách gia-đình của xí-nghiệp và số người làm việc. Bộ luật lao-động nhằm mục đích quy định những mối tương quan giữa chủ và thợ, định rõ nghĩa vụ của đôi bên, nhất là của chủ nhân. Tiểu-công-nghệ gia, hành xử một nghề nghiệp có tính cách gia-đình, lại không có khả-năng tài-chính dồi dào, được hưởng những điều khoản nhẹ hơn những đại-xí-nghiệp.

Rất có thể một số người không hài lòng với định nghĩa trên vì trong trí óc họ, danh-từ tiểu-công-nghệ thường khêu gợi một vài yếu tố khác, nhứt là yếu tố khéo léo, mỹ-thuật. Người chủ lán mua cây về cưa, bổ thành củi, người chủ hãng sửa chữa xe không được coi là tiểu-công-nghệ-gia.

Tại các nước công - nghiệp phát - triển, người ta phân biệt kỹ-nghệ dưới hình-thức những xí-nghiệp lớn trang bị bằng nhiều máy móc, dùng hàng trăm, hàng ngàn nhân-công, sản-xuất những số lượng quan-trọng để cung cấp cho một thị-trường rộng lớn, tiểu-kỹ-nghệ (tiếng Anh gọi là Small scale industry) khác loại trên ở chỗ quy mô nhỏ bé và tiểu-công-nghệ. Lẽ dĩ nhiên, tiểu-công-nghệ chỉ đóng một vai trò nhỏ trong ngành công - nghiệp nhưng có những đặc tính rõ rệt. Người thợ ít dùng máy móc, vận dụng tài khéo riêng. Từ cách trình-bầy đến kỹ-thuật sản-xuất, người sành nhận thấy ngay dấu hiệu dân - tộc. Công - trình đòi hỏi nhiều thì giờ, nhưng vì giá bán tương đối cao nên người thợ có lợi tức dồi dào. Muốn trở thành tiểu-công-nghệ-gia, người thợ phải có khiếu mỹ-thuật, óc sáng-kiến, học nghề lâu năm dưới sự hướng dẫn của thợ cả. Phần đông các thợ kim-hoàn, thợ mài kim - cương, thợ pha - lê,

---

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

THUẬT TRÁCH VẤN

✶ Người lãnh-đạo sợ không dám trách vấn khi cần-thiết, viện lẽ không muốn kiếm chuyện, là một người lãnh-đạo bất lực, người ấy sẽ gây ra xung quanh sự rối loạn, sự buông tuồng dưới mọi hình-thức và kết quả bất ngờ là đang khi tưởng với tinh-thần bao dung, mình có thể lôi cuốn được nhiều cảm-tình của người bề dưới, thì rút cuộc, người lãnh-đạo nhu-nhược lại bị toàn-thể nhân-viên khinh miệt.

✶ Việc đáng làm thẳng tay mà không làm thẳng tay thường hay di hại (Hán Thư).

thợ mài kính, thợ đóng sách mỹ-thuật v.v..., nếu chỉ kể những nghề ta thường gặp, thuộc vào loại này. Nếu ta vào một hiệu đóng giầy để sắm một đôi giầy, thế nào ta cũng phải trả đắt hơn là mua ở các tiệm lớn. Người chủ tiệm nhỏ này không cần quảng cáo om sòm, không cần có cô bán hàng sinh sắn để tiếp khách, trái lại ông rất hãnh diện tự giới thiệu mình là thợ ủng chứ không phải thợ giầy thường.

Ở nước ta, cũng như ở các nước khác, đại kỹ-nghệ còn thưa thớt, hoạt-động tiểu-công-nghệ là hình thức rất thông thường của công nghiệp. Cũng vì vậy, toàn bộ tiểu công-nghệ không thể có những đặc tính như vừa phân tách trên cầy.

Một phương sách đối với tiểu công-nghệ có hợp thời và cần thiết không ?

Những điều viện dẫn trên đây đã trả lời câu hỏi thứ nhất. Các nước hậu-tiến còn lâu mới đi đến trình độ kỹ-nghệ hóa như ở Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Pháp, Ý. v. v . . Muốn phát triển sản xuất công-nghiệp để đi đến một nền kinh tế thăng bằng hơn tất phải mở mang tiểu-công-nghệ. Bên cạnh phương-diện số lượng sản xuất còn có phương-diện sử dụng nhân công, tập trung tư-bản mà ưu thế về bên tiểu-công-nghệ.

Mặt khác, không nên lầm tưởng rằng tiểu-công-nghệ sẽ bị tiến bộ đào-thải như công việc đập đá làm dao, dùi cây lấy lửa, săn thú bằng cung tên, dao mác, sản-xuất khiên mộc v. v. . . Ta thấy nó vẫn tồn tại ở các nước tiền tiến, vẫn giữ được một phạm vi hoạt động và nhất là nuôi sống người làm nghề một cách đàng-hoàng.

Trong hiện tình kinh-tế nước nhà, ai cũng đồng-ý phải phát-triển ngành công-nghiệp. Dân số hoạt-động nghĩa là nói một cách giản-dị, những người đến tuổi làm việc tăng lên khá nhanh, trong khi lối 4 triệu nông dân chỉ thực sự làm việc khoảng 150 ngày trong một năm mà thôi. Công phẩm dủ các loại chiếm phần lớn nhứt trong tổng số hàng nhập-cảng. Ngoài cao-su và gạo, những hàng xuất-cảng khác của ta, trong ba năm vừa qua, chưa bao giờ vượt qua 14% trị giá. Phát-triển công-nghiệp, ta tạo công ăn việc làm cho nhiều người ; trong một tương lai khá dài, ta sẽ chỉ cung cấp thị-trường trong nước để trau dồi kinh-nghiệm ngõ hầu đến khi cần xuất-cảng công phẩm, có thể cạnh tranh thuận lợi trên thị-trường quốc-tế.

Nhưng mở mang công-nghiệp dưới hình-thức đại xí-nghiệp, trang bị bằng máy móc tối tân, đặt nhiều vấn-đề khó giải-quyết. Nhìn lại mấy năm qua, ta thấy công cuộc này tiến hành rất chậm. Lý do sự chậm trễ rất phức-tạp : thiếu nghiên-cứu, thiếu tư bản, thiếu người điều khiển, thiếu nhân-viên chuyên-môn. Trong tình-trạng này, song song với việc thiết-lập đại kỹ-nghệ, khuếch-trương công-nghiệp dưới những hình-thức thích hợp với khả-năng hiện tại của đa số doanh-nhân ta, là một thái-độ thực-tế.

Ta không quá băn khoăn như nhà làm luật, về ranh giới giữa công-nghệ và tiểu-công-nghệ nhất là khi tiểu-công-nghệ sản-xuất những thứ hàng thông thường cho đại chúng như vải sợi, giầy dép, bát đĩa, đồ làm bếp v.v...

Tiểu-công-nghệ thường được coi là nghề phụ thuộc, sinh kế chính của đồng-bào ta là nghề nông. Thực vậy, ta nhận thấy ở thôn quê những làng chuyên về tiểu-công-

nghệ thường rất ít đất cày cấy. Ở những nơi dân cư đông đúc nhưng đồng thời có nhiều ruộng đất, hoạt-động tiểu-công-nghệ không có tính cách thường xuyên, vì phải tạm dẹp khi công việc đồng áng bề bộn. Trái lại, tại những miền đất rộng, dân thưa, nông-nghiệp thừa nuôi sống người ta, tiểu-công-nghệ không nảy nở được.

Trước hết nên phân biệt tiểu-công-nghệ có tính cách mỹ-thuật và tiểu-công-nghệ sản-xuất hàng thông dụng. Người thợ làm bàn ghế chạm phải có tài khéo và học nghề lâu năm, phải dùng thứ gỗ quý, gọt dũa tỷ mỷ. Đồ làm ra phẩm chất cao, bán được nhiều tiền, nên người thợ được trả công xứng đáng cho thời gian làm việc. Trong trường hợp dệt vải, giá sợi chiếm phần lớn, công việc của người thợ không có tính cách chuyên môn nhiều nên tiền công không thể quá mức thường áp-dụng cho các thợ có năng lực tương tự được ; tại một vài nước, để sự cạnh tranh của các nhà máy lớn khỏi quá thiệt thòi cho nhà tiểu-công-nghệ, chánh-quyền trợ cấp một phần số giá sản-xuất. Sau hết là người thợ dùng một nguyên liệu rẻ tiền để sản-xuất một thứ hàng ít giá-trị, thí dụ : người đan rổ rá ; trường hợp này khó khăn nhất vì làm thế nào để người thợ hưởng một số thù lao đủ sống ?

Thứ đến nên phân biệt tiểu-công-nghệ nghề chính và tiểu-công-nghệ nghề phụ. Trong trường-hợp thứ nhất, sản xuất có tính cách liên tục. Người hành nghề phải kiếm đủ tiền sinh sống nên sẵn sàng khuếch-trương xưởng thợ, canh tân phương pháp sản xuất, hưởng ứng những tổ-chức nghề-nghiệp để bảo-vệ quyền-lợi họ. Trong trường-hợp thứ hai, người thợ đòi hỏi ít hơn nhưng lại cũng không sẵn sàng chấp nhận một kỷ-luật làm việc. Tổ-chức sản xuất trong điều kiện ấy không phải là một việc dễ dàng. Đồng thời, đối với những nông-dân có một nghề phụ, chính sách tạp bác hóa nông-nghiệp sẽ giảm bớt thì giờ nhàn rỗi của họ và sự hào-hứng của họ đối với hoạt-động tiểu-công-nghệ sẽ kém đi một phần nào.

Trong cuốn « Người dân quê Trung-châu Bắc-Việt » (Le paysan du delta tonkinois) Ô. P. Gourou, một giáo-sư địa-dư nổi danh, đã sống lâu năm ở Việt-Nam, ghi chép nhiều điều xác thực về tiểu-công-nghệ ở miền Bắc. Tuy vậy, những nhận xét và giải thích của ông có thể áp dụng cho tiểu-công-nghệ hiện có trên phần đất Việt-Nam Cộng-Hòa ngày nay. Đồng bào di-cư đã mang vào Nam nhiều nghề không có trước đây. Chương-trình phát triển tiểu-công-nghệ không thể không chú ý đến những sự kiện đã khiến ngành sản xuất này sống vất vưởng trong quá khứ.

Hiện xuất của người thợ rất thấp vì hầu hết mọi tác động trong công việc sản xuất có tính cách thủ công, đòi hỏi nhiều thì giờ. Do đó tiền công hằng ngày ít ỏi và mực sống thấp kém. Thực ra, vấn đề mức tiền công của người thợ tiểu-công-nghệ tế nhị vô cùng. Nhiều khi giá bán của hàng sản-xuất còn kém giá nguyên liệu cộng với tiền công nếu phải thuê thợ. Dù cho lấy công làm lãi, phần lãi này cũng rất nhỏ. Người thợ tiểu-công-nghệ phụ lực người thợ cả hay người chủ thường được trả khoán mỗi đơn vị bao nhiêu tiền; số tiền công hằng ngày tùy theo sự cố gắng của mỗi người. Đòi hỏi những điều kiện làm việc như một xí nghiệp sẽ đi đến chỗ bế tắc.

Tiểu-công-nghệ chỉ đạt được mục đích nếu người làm nghề được hưởng phần lợi lớn nhất. Những tình trạng gây sự phí công, phí sức, sự lợi dụng của trung gian cần được loại bỏ hay thâu hẹp. Nên lựa chọn địa điểm sản-xuất hợp-lý. Ô. P. Gourou dẫn chứng trường-hợp làng Gia-Bình thuộc tỉnh Bắc-Ninh chuyên nghề làm đồ đồng. Làng này ở xa đường giao-thông thủy bộ. Nguyên-liệu sản-xuất cùng đồ làm ra đều do người gồng gánh cực nhọc hàng mấy cây số. Một xưởng làm đồ sành ở Đèo Le tỉnh Quảng-Nam được thiết-lập tại một địa điểm không kém phần cán cách, trên lưng chừng núi, khiến việc chuyên chở bát đĩa sản-xuất đến đường lớn, có xe vận-tải chạy qua để phân phát đi các nơi tiêu-thụ rất bất tiện. Nếu tất cả các công việc chuyển vận rất ít hợp-lý ấy đều phải thuê mướn, giá hàng sẽ lên quá cao.

Tiểu-công-nghệ gia cần được giúp đỡ trong việc mua nguyên-liệu và bán hàng sản-xuất. Trừ trường-hợp làm khoán, người thợ thường mua nguyên-liệu đã qua tay nhiều nhà buôn ; từ người sản-xuất đến người tiêu-thụ cũng lại có nhiều nhà buôn khác. Như vậy phần lợi của người có công chế-biến còn bao nhiêu ?

Vì tài-chánh eo hẹp, tiểu-công-nghệ gia cần đứng trong một tổ chức thương-mại có khả-năng tín-dụng nhưng không đóng vai trò mua buôn để bóc lột người sản-xuất. Muốn bán chạy, hàng phải hợp với sở-thích và nhu - cầu của người tiêu-thụ. Tổ-chức thương-mại sẽ lãnh nhiệm-vụ thăm dò thị - trường để hướng dẫn sản-xuất, hoặc giới - thiệu và quảng - cáo cho những thứ hàng mới lạ. Đây là tất cả nghệ thuật quảng cáo. Hình thức tổ chức thường được đưa ra là hợp-tác-xã. Những hợp-tác-xã phải tiến bộ lắm mới đủ khả-năng nhận lãnh công việc trên.

Đối với những hàng cần cho đời sống hàng ngày, vấn-đề thị trường có thể giải quyết nhờ cố gắng song song của chánh-quyền và của người làm nghề. Những người này nên thỏa thuận với nhau để tung ra thị-trường một nhãn hiệu duy nhất. Thí dụ vải dệt trong một dùng sẽ có tiêu chuẩn giống nhau. Như vậy, dễ gây tín nhiệm với khách hàng và dễ bán hơn. Về phía chính quyền, biện pháp thường áp-dụng tới nay là hạng chế nhập cảng những hàng tương tự. Nhưng nay ta có các kỹ-nghệ thiết lập trong nước, tưởng cần nghĩ đến việc phân chia thị-trường, nếu không tiểu công-nghệ gia làm sao chống chọi lại được ? Trong khi ta còn phải nhập cảng ngoại-hóa, trong khi các nhà máy lớn chưa được thiết lập, chẳng lẽ ta lại không cho tiểu-công-nghệ góp phần vào công cuộc sản-xuất ? Nhưng nếu người ta quan-niệm vai trò tiểu-công-nghệ có tính cách giao thời vì sẽ bị thay thế bằng kỹ-nghệ, những thể thức thanh toán tình-trạng giao thời cần được nghiên-cứu kỹ lưỡng, những biện pháp chuyển hướng phải sẵn sàng, nếu không sẽ gây nhiều khó khăn cho người có thiện chí. Như trong một tương lai gần đây, nước ta sẽ có 4 nhà máy kéo sợi và dệt vải tối tân. Vải tiểu-công-nghệ sẽ không bán được nếu sức sản-xuất của 4 nhà máy lớn kia đủ cung cấp phần lớn thị-trường rồi. Tình cảnh ngành làm đường mía cũng tương tự.

Nói tóm lại, tiểu-công-nghệ sản - xuất hàng thông dụng cần một thị-trường che chở.

Nhiều người thường ngộ nhận về sự nâng đỡ của chính quyền và quên rằng

chính các tiểu-công-nghệ gia phải cải-tiến kỹ-thuật, làm ra những hàng tốt hơn, rẻ hơn để giữ khách hàng.

Không chịu tăng tiến thì khó tồn tại được. Mũ nylon làm bằng nguyên liệu nhập cảng đẹp, nhẹ không kém gì mũ ngoại-quốc, lại bán rẻ hơn gần một trăm bạc. Trái lại, ta có thể nói rằng nghề làm đồ da như va-ly, cặp không tiến được chút nào. Từ hình dáng đến cái khóa, đường khâu, trông thực quê kệch. Người thợ cần tỏ ra khắt khe với chính mình, nhất định không hạ phẩm để bán rẻ và mất tín nhiệm của khách hàng. Xưa kia, suốt phố Ngõ Trạm ở Hanoi bán đồ da, nhưng không hiệu nào có tiếng bằng hiệu C.K. Phần lớn khách hàng của hiệu này là người ngoại-quốc thượng lưu. Nếu khách mang lại một thứ hàng Paris, hiệu C.K. có thể theo mẫu làm ra thứ hàng y hệt về phương-diện mỹ-thuật và bền bỉ. Dụng cụ làm việc đâu có được đầy đủ như ngày nay. Nhưng chủ hiệu nhất định không làm dối, khách hàng khó tính đến đâu cũng phải hài lòng.

Tiểu-công-nghệ có tính cách mỹ-thuật là phần có tương-lai tươi sáng hơn hết vì không sợ sự cạnh tranh của sản-xuất cơ-giới. Tại phòng trưng bầy của Trung-Tâm Khuếch-Trương tiểu-công-nghệ hay các cửa hàng chung quanh đường Tự-Do, du khách hàng ngày có dịp ngắm biết bao thứ hàng vừa mắt. Người ngoại-quốc đã từng thăm viếng nhiều nơi đều công nhận óc mỹ-thuật và lương tâm nghề nghiệp của thợ Việt-Nam. Tuy nhiên, phần nhiều các hàng này giá khá cao đối với túi tiền của khách hàng trung-lưu. Không nên quan-niệm rằng hàng tiểu-công-nghệ là thứ hàng dành riêng cho những nhà sưu tập, như đồ cổ hay tranh vẽ. Giá bán phải tính sao để nhiều người có thể mua được. Đó là một ưu điểm của tiểu-công-nghệ Nhật-Bản chẳng hạn.

Người thợ cần phải học tập để có kỹ-thuật vững vàng, biết dùng máy móc một phần nào để tăng hiệu xuất. Công việc vẽ mẫu hàng nên dành cho những họa-sĩ luôn luôn theo rõi sở thích của thị-trường trong nước hay ngoài nước.

Việc bán hàng nên ủy thác cho cơ-quan công hay tư có trách-nhiệm phát-triển tiểu-công-nghệ. Cơ-quan này cần tỏ ra khắt khe trong việc nhận hàng gửi bán để bảo-đảm phẩm hàng và thúc đẩy người thợ cố gắng luôn luôn. Trái lại, cơ-quan sẽ nhận lãnh việc quảng cáo, tìm thị-trường, những công việc mà người thợ riêng rẽ không thể nào có phương tiện làm được.

Đối với một vài thứ hàng, việc tổ-chức những tuần lễ trình-bầy đặc-biệt sẽ giúp hàng bán chạy hơn. Khẩu hiệu « dùng hàng nội hóa » sẽ không kiến hiệu bao nhiêu nếu người tiêu thụ không hào hứng, không thấy lợi. Nói như vậy không có nghĩa là phủ nhận khả năng và bổn phận tích-cực khuyến khích ngành tiểu-công-nghệ của người công-dân quan-tâm đến sự thịnh vượng của xứ sở. Giữa người sản-xuất và người tiêu thụ có một mặc ước chân thành ; một bên cố gắng tăng tiến, một bên sẵn sàng phê-bình xây dựng hay diễn thiện cảm bằng cử chỉ cụ thể dùng hàng.

Những yếu tố trình-bầy trên đây đã được chánh-quyền hay sáng-kiến tư-nhơn chú ý và vận dụng một phần nào. Nếu những biện-pháp khuếch-trương, nâng đỡ được hệ-thống-hóa và thi-hành liên-tục, ta lo gì tiểu-công-nghệ nước nhà không có tương-lai tươi sáng ?

NGUYỄN-PHÚC-SA

NHÂN NGÀY PHẬT-ĐẢN

BÀN VỀ CHỮ « TỪ » TRONG PHẬT-GIÁO

HOÀNG-MINH-TUYNH
và THONG-KHAM

(Xin xem từ Bách-Khoa số 80)

So sánh « từ » trong Phật-giáo với « ái » trong Ki-tô-giáo

TRƯỚC những chứng cứ chúng tôi đã trình-bày trước đây, những chứng cứ viện dẫn tự trong kinh-điển nhà Phật, chúng ta liệu có thể kết-luận rằng « từ » trong Phật-giáo có một nghĩa giống in như « ái » trong Ki-tô-giáo không ?

Burnouf, vị học-giả có công lớn trong việc hướng dẫn Tây-phương vào rừng học Phật-giáo, đã dùng tiếng *charité* (La-tinh : *caritas*, Việt-Nam : bác-ái) để dịch tiếng *maitrì*. Và ông nói vì sao ông dùng tiếng đó : « Tôi không ngần ngại dùng tiếng *charité* để dịch tiếng *maitrì* là tiếng không chỉ diễn-tả mối tình riêng của người đối với một hay nhiều đồng-loại, mà còn diễn-tả mối tình rộng lớn của người thương yêu toàn-thể đồng-loại và lúc nào cũng sẵn lòng cứu giúp họ. Đức tính lột được một trong những sắc thái đặc-biệt nhất trong luân-lý Phật-giáo đó, tôi tưởng đã được biểu-diễn bằng tiếng *maitrì*... » Edmond Laboulaye, nhà luân-lý-học Phật-giáo nổi tiếng, cũng tán thành ý-kiến của Burnouf : « Tất cả mọi đức tính đều bắt nguồn tự *maitrì*, và tiếng ấy chỉ có thể dịch được bằng tiếng *charité* và *amour* thôi ». Tháng 2 năm 1862, Alfred de Vigny khi suy gẫm về Đức Phật viết trong nhật-ký của ông : « *Charité* là linh-

hồn của Đạo Ngài ». — Gần đây hơn, cha Léon Wieger cũng nói như vậy. Taine, Renan, nhiều người khác nữa đều xác nhận Phật-giáo, cũng như Ki-tô-giáo, là « một tôn-giáo-chủ ở *charité* ».— Amiel, trong tập nhật-ký tâm-sự của ông có câu in hệt. Đối với nhà triết-học Renouvier « pháp qui tối thượng của Phật - giáo là *amour* tuyệt đối, *charité* tuyệt đối, đúng in như lề luật của Phúc - Âm ». Đối với Léon de Rosny, « Phật-giáo cũng như Ki-tô-giáo, lấy luật *amour* làm chủ yếu ». Nhà học - giả Đức Pischel cho « nhân-đức căn-bản của Phật-giáo, về hết mọi phương - diện, có thể so sánh được với nhân-đức căn-bản của Ki-tô-giáo ». Mới đây, ông Henri Brocher chỉ thấy trong hai tôn-giáo duy có một điểm khác nhau : trong Ki-tô-giáo, *charité* bị lý-trí giới hạn và dành cho loài người ; còn trong Phật-giáo, *charité* triển dương cho hết mọi sinh - vật, và không có giới hạn nào ».

Tuy nhiên, ý-kiến trên không phải là ý-kiến của mọi người. Như Lehmann cho pháp qui của Phật - giáo chỉ có tính chất tiêu cực và rút lại trong phạm-vi *ahimsa* (vô não). Người khác, như Oldenberg, Foucher cho *charité* của Phật-giáo có tính chất chủ yếu vị-kỷ và chỉ chăm chú giải-thoát cá-nhân, cứu cánh của nó nằm ngay trong nó và không có một chút chi giống với chủ-nghĩa vị tha mà Taine đã tưởng-tượng ra hết ».

Hai phe có hai ý-kiến đối lập nhau. Ý-kiến của phái sau đây có lẽ đã căn-cứ vào kinh-điển của phái Phật-giáo nguyên-thủy. Song ý-kiến của phái trên có khuynh hướng muốn đồng-hóa hai ý-niệm *charite*, tưởng có lẽ không thật đúng hẳn vì đã ngộ nhận bản chất chính xác của *charité* (caritas) trong Ki-tô-giáo ; người gọi *charité* là *maitri* có lẽ đã ngộ nhận vì thiếu sự phân tích minh bạch, khúc chiết.

Dù hiểu theo hình-thức cao cả nhất, siêu-tuyệt nhất, *maitri* khác với *charite*, khác vì cảm-niệm khác nhau. Ý-niệm *charité* khác ý-niệm *maitri*, nó giữ một địa-vị khác trong một hệ-thống khác. Càng đem so sánh hai tiếng với nhau, ta càng thấy rõ tinh-thần dị biệt giữa hai tôn-giáo.

Mấy nhận xét sơ bộ

Trước khi phán đoán, chúng tôi thấy cần phải lưu ý tới ba nhận xét khai đoan, mà chúng tôi xin diễn trình dưới đây :

Trước hết, căn cứ vào Truyện-kỳ, ta có thể chắc chắn Đức Phật Thích-Ca là một vị thánh nhân có tâm từ, có phúc thiện, có khoan ái ; song lý-tưởng « từ » lập thành trong Phật-Giáo phần nhiều dựa vào những tín-ngưỡng không hoặc chưa được xác nhận có tính chất lịch-sử. Những diễn tả về tiền thân của Đức Phật khiến người ta chỉ có thể thừa nhận tính chất và giá trị tượng trưng, chứ khó lòng cho phép người ta thừa nhận được tính chất và giá trị của một sự kiện lịch-sử đã được minh chứng rõ ràng : Kinh điển tiếng Pali hay sanscrit, thuộc Phật-giáo nguyên thủy hay Đại-thừa, đều kể lại những Truyện-kỳ chưa được đầy đủ căn cứ xác đáng, khiến nhà Phạn học Oltamare đã nói : « Người ta có thể ngạc nhiên khi thấy các nhà viết sách đạo Phật không dùng những thí dụ trong đời sống thiết thật hay đương thời, nếu người ta không hiểu

rằng chủ tâm của các vị ấy là xưng tụng các vị đại thánh hơn là muốn truyền bá luân-lý thật hành ».

Do đấy — đây là nhận xét thứ hai — tính chất Truyện-kỳ trên làm cho lý-tưởng cũng nhuốm một mầu sắc huyền-ảo, linh-dị. Nhiều tích truyện Phật thuật lại, trưng diễn, phô bày được một tinh-thần nhân-bản rất tinh-vi tế-nhị, song có chiều như thiên về tượng hình, và nhân-vật có vẻ như là những « tưởng kiến kỳ nhân-vật » vậy. Coi như truyện tả « khi Đức Phật qua một cánh đồng nắng như thiêu như đốt, có hàng triệu chư-thiên, chư-thần chạy đến giương lọng, dù che trên ngài cho ngài khỏi nắng thì dưới mỗi lọng, dù liền hiện lên một Đức Phật nhỏ, đó là ngài có ý làm vui lòng những vị đã có hảo tâm với ngài và ngài muốn tỏ cho họ biết lòng thành của hết mọi vị đã được ngài chứng giám. Ngày khác, Đức Phật tới trước một con sông lớn, không lội qua được, bỗng có nhiều người từ tâm tới xây-dựng nhiều cầu để ngài bước qua ; ngài liền hóa thành nhiều Phật, khiến mỗi cầu có một Phật qua và ai cũng tưởng Đức Phật chỉ qua có cầu của mình... (1). »

Cảm động hơn, nhưng cũng có tính-chất thần-thoại hơn là truyện Đông-Cung Thái-Tử Vesantara nuôi được một con voi trắng, có phép hô phong hoán-vũ. Vị vua nước kế bên bị nạn hạn-hán, đòi Thái-tử phải cống con voi ấy. Thái-tử liền cho ngay. Dân chúng tức giận, nổi lên trách vấn. Thái-tử nhân từ, đành chịu đi đày với Công-chúa Matri và hai con. Nửa đường gặp hai người Bà-la-môn xin ngài mấy con ngựa, ngài cho luôn. Người thứ ba xin ngài cỗ xe, ngài cho nốt ; gia-đình phải lặn lội, trải qua thiên nan vạn nan mới tới một khu rừng già...

Vợ chồng con cái phải sống ở đó bằng rễ cây, quả dại. Cây động lòng thương xót, ngả cành xuống cho công chúa Matri và hai hoàng-tử nhỏ hái quả ăn. Nhưng rồi bỗng có một người bà-la-môn nữa tới xin thái-tử hai hoàng-tử đem về làm tôi tớ. Mặc dù ngài khiếp sợ và buồn cực, ngài cũng đành cho. Sau hết, vị thần Indra (Đế-thích, là chủ chư thiên) đội lốt thầy Bà-la-môn tới xin ngài công chúa Matri để đem về làm nô-lệ, ngài đau lòng khôn xiết vì thương vợ vô cùng, nhưng cầm lòng không đậu, ngài lại cứ cho (2)

Tích truyện thật là cảm-kích, khiến người nghe phải xúc động, song phải công nhận một điều là giá tích truyện được kể lại một cách gần gặn với hoàn-cảnh và tính-chất thật của con người hơn, chắc còn

(1) Bộ kinh Mahavastu và bộ kinh Lalitavistara.

(2) Thái-độ của Vesantara có chỗ giống với thái-độ của Makar Ivanovitch trong truyện l'Adolescent (Chàng thanh niên) của Dostoiewski. Makar Ivanovitch rũ bỏ vợ như cởi bỏ một manh áo để theo đuổi một cái hoàn hảo hơn. Ô. Jacques Madaule phê-bình thái-độ ấy đại-khái như sau : « Lương tâm của chúng ta bất mãn trước hành-vi của một người nhường vợ mình cho kẻ khác, dù chỉ là nhường chứ không phải bán. Dostoiewski không hiểu rằng, cũng như Giáo-hội nhục hóa... thế-giới này có nhiễm nhục dục và khốn nạn đến đâu chăng nữa, cũng vẫn không phải là một thế-giới đã mất hết giá-trị. Cái trường sở thị giác của Dostoiewski tới cùng đường, sẽ làm phát sinh tình-trạng hỗn loạn trong Ki-tô-giáo, khiến người ta lãng quên quyền lợi và nghĩa-vụ cùng để coi khinh, coi rẻ qui-luật tối-thiểu về gia-đình là nòng cốt, là tế bào của mọi xã-hội. Le Christianisme de Dostoiewsky, tr. 176.

có thể đi sâu vào lòng người nghe hơn nữa. Kể lại với hoàn-cảnh và tính-chất có phần quá độ dễ làm cho người ta có khuynh hướng coi tích truyện là linh dị và có giá-trị của một tích truyện có mục-đích răn đời theo lối Á-đông, thường khi đi quá một chút để dễ thuyết-phục người nghe có nhiều tình cảm.

Chính do bởi sự ưa dùng một lối hình dung đó, mà — đây là nhận xét thứ ba — lý-tưởng Phật-giáo thường có chỗ rất khó thật hiện. Như Jataka (Túc sinh truyện) kể lại tích một người là tiền thân của Đức Phật Thích-Ca, thấy một con cọp vì đói quá sắp sửa ăn thịt cả con, liền hiến thân mình cho cọp ; và một lần khác, trong một kiếp thỏ, ngài đã tự nướng mình cho một thầy Bích-Khưu ăn. Cha Allo đã phải thán phục những cử chỉ đó : « Thật là trác tuyệt, không còn nói vào đâu được, có lẽ người Công-giáo chúng ta cũng không làm như thế, tuy-nhiên những tích truyện đó thuật lại một cách khiến người ta tự thấy khó lòng có trường hợp nào noi theo mà bắt chước được ». Những tích truyện đại loại như thế, ta thấy nhiều khi lẫn vào trong cả pháp qui của Phật-giáo. Thuyết pháp Paramita của Đại Thừa tin tưởng « các vị Bodhisattva không những có tâm từ, đạo đức, nhẫn nại » v.v..., mà các ngài còn có tính căn tâm từ, đạo đức, nhẫn nại, vô lượng vô biên. Đối với mỗi chúng sinh, các ngài muốn hóa thành người « nhiều như cát sông Hằng » để mà cống hiến và cống hiến mãi mãi trong những thời gian cũng « nhiều như cát sông Hằng ». Theo pháp qui thông thường, một Bodhisattva khi ăn, phải bố thí cho kẻ khó một phần : pháp qui thông thường đó, tác-giả Ratnasari cho là chưa đủ : « Ở nơi tôi, có tám vạn đàn sán lãi, tôi nguyện cho chúng được dùng của ăn đây ; lúc này tôi cho chúng ăn thịt, tới chừng khi tôi đạt tới đại-giác, tôi sẽ cùng cho chúng hưởng Dharma (Pháp) ».

Nếu là một Bodhisattva chính xác, vị ấy còn phải nguyện nhiều điều phi thường hơn nữa :

« Vị Bodhisattva (Bồ-tát) của Pháp-thân, trong chốc lát, có thể biến hóa thành nhiều thân để thờ Phật thập phương ; trong chốc lát vị ấy có thể tạo ra của cải vô số và ban phát cho chúng sinh ; dù nói lớn tiếng, nhẹ tiếng hay nhỏ tiếng, trong chốc lát, vị ấy cũng có thể thuyết pháp cho hết thảy ; vị Bodhisattva tiếp tục hành đạo như thế cho tới khi ngồi dưới cây Đại-giác ; có hành đạo như vậy vị Bồ-tát của Pháp-thân mới thật-thi dànaparamita (bố thí ba la mật) ».

Trước những thí dụ, những pháp qui siêu đẳng ấy, thường nhân làm sao có thể thật hành được ? Tự nhiên, một vị Bodhisattva bằng xương bằng thịt chỉ coi đó là những hình bóng, những tượng-trưng nêu ra cho mình soi mà bắt chước được chừng nào hay chừng nấy mà thôi. Tất cả những hành-vi thường nhật như đi, đứng, ăn, nghỉ, rửa tay, mở cửa sẽ có một giá-trị vô biên, nếu người làm nhằm mục-đích mưu hạnh-phúc chung cho toàn thể chúng-sinh Đại-đức Santideva dạy : « Ý-tưởng hy-sinh mọi sự mình có cho toàn thể chúng-sinh và kết-quả của sự hy-sinh ấy gọi là tâm-từ thập-toàn, vậy nên tâm-từ thập-toàn chỉ ở trong tâm thần chứ không ở đâu khác ». Nói như vậy, có nên e rằng đi hơi quá xa trong cái luân-lý gọi là luân-lý trong ý muốn, ý tưởng

chăng? Muốn đạt tới luân-lý đó, chỉ cần phải theo một phương sách rất giản-dị: đó là phương sách paranamana (hồi tâm): « Mọi hành vi phước thiện làm bằng ba cách (thân, khẩu, ý) và mọi công-đức như xám hối hay khuyến thiện rút cuộc sẽ có lợi cho toàn thể chúng-sinh trong Dharmadhata, để cho toàn thể chúng-sinh được tự-giác. » Chính vì vậy mà đại-đức Vasubandhu tuyên-bố nơi đoạn sau bộ Karmasiddhiprakarana (Bộ kinh giải về nghiệp) của ngài rằng: « Ta muốn dùng công đức của ta để tế-độ chúng-sinh: ta nguyện cho mọi chúng-sinh được tịnh tâm. » Phương-pháp thật hay, căn-cứ trên nguyên-tắc hợp với nguyên-tắc trong Công-giáo gọi là « công-đức phản chuyển » (1); song có nên sợ rằng phương sách ấy dễ dẫn người ta tới chỗ lạm dụng để miễn cho mình những cố-gắng anh dũng hoặc cả những nhiệm-vụ có đôi chút khó-khăn chăng? Sau nữa, những lời nguyện của các vị bodhisattva muốn hóa thân trong những kiếp tân khổ hoặc muốn trầm luân trong Avici (a-tỳ địa-ngục) để cứu kẻ tội lỗi, có thiết thật không? Mặc dù phải công nhận là những lời nguyện thật anh-dũng, hào-hiệp, nhất là khi thấy các phái Đại-Thừa chủ-trương rằng avici không bao giờ mất mà cũng không bao giờ hết kẻ trầm-luân. Lòng sốt sắng phát sinh ra lời nguyện cao cả đến nỗi coi sự trầm luân trong địa ngục như là một cuộc « du ngoạn một nơi đầy hứng vị! » (2)

Dù sao, Phật-giáo cũng nhìn cuộc nhân sinh như một cuộc « phù sinh thấm thoắt » và Phật-giáo muốn đem lại cho cuộc « phù sinh thấm thoát » ấy một nghĩa lý và một phương thế để giải quyết những phiền nan cho chúng sinh trong cuộc. Nghĩa lý và phương thế ấy dù có mông-lung và huyền-ảo khó thuyết phục được những não thật-tế, qui củ, vẫn chứng tỏ được hoài-bão của một tôn-giáo muốn từ những thật-tại nhỏ nhen vươn lên những khoảng bao la, tuyệt-đối, vô cùng: hoài bão của một tôn-giáo, nhưng cũng là hoài bão thâm sâu của mỗi người trong nhân-loại.

HOÀNG-MINH-TUYNH
và
THONG-KHAM

KỲ TỚI: **Di biệt chủ yếu giữa « tử » và « ái ».**

(1) Reversibilité des mérites...

(2) Khi vị đại bồ tát Avalokita vào avici, hơi nóng bỗng hóa nên mát mẻ và cái lò nấu kẻ bị sa vào biến thành một hồ yên tịnh đầy bông sen.

---

* Khi cần phải trách vấn thì nên trách vấn ngay; người đáng bị trách vấn, thấy mình không bị trách vấn ngay khi xảy ra việc, thường có khuynh-hướng coi như trước bạn đã chấp-thuận hành-vi của họ và đến sau vì bị xúc-siểm, bạn mới thay đổi ý-kiến. (Courau)

* Kẻ trách vấn người kịch-liệt quá thường tỏ ra là kẻ thiếu tâm-lý và bất-công. Người có lỗi chẳng bao giờ có lỗi nặng nề như kẻ bề trên của người ấy vẫn tưởng, nên khi bị trách vấn kịch-liệt, người ấy thường bị chạm lòng tự-ái mà thối chí, chán nản, hoặc trái lại, nổi lòng phẫn uất.

Dòng tư-tưởng...

Tinh - thần khách - quan và tinh-thần trách-nhiệm

Có người tôn-trọng tinh-thần khách quan, cho rằng trong mọi công việc, phải giữ thái-độ chính đáng, ngay thẳng, không thiên-vị. Họ coi thái-độ ấy là thái-độ xứng đáng nhất với người trung thật.

Có người tôn-trọng tinh-thần trách-nhiệm, cho rằng trong mọi công việc, cần có thái-độ tham-gia, tích-cực, không thoái-thác. Họ coi thái-độ ấy là thái-độ thích hợp nhất cho người đấu tranh.

Cố giữ khách quan để trung thật, đảm lãnh trách-nhiệm để đấu tranh, đó là hai phương-diện của một thái-độ, thiết-yếu cho người chiến-sĩ sống trong một xã-hội muốn tiến văng mà mau.

Tuy nhiên, trong thật tế, chúng ta lại thấy có nhiều người dè dặt, nghiêm khắc, lãnh đạm, ít muốn, ít dám, ít cho, thường dựa vào tinh-thần khách-quan để lần trốn trách nhiệm; người nóng nầy, cuồng đãng, tư-vị, hay ham, hay liều, hay phí, thường dựa vào tinh-thần trách nhiệm để khỏi nỗ lực xét đoán khách quan. Do đấy, tự phản để kiểm-điểm lại mình, phải chăng là điều cần-thiết — mà cũng khó khăn — cho người chiến-sĩ ?

PHẠM-HOÀNG

VẤN-ĐỀ TÀI TRỢ NGÀNH TRỒNG-TỈA CAO-SU

J. POLTON
TRỌNG-KHANG (dịch)

Dịch bài Thuyết-trình của O. J. Polton, phụ-tá Tổng Thanh-Tra sở cao-su CEXO, đọc tại phiên nhóm thứ 3 cuộc hội thảo về ngành Cao-su ở Việt-Nam do hội Văn-Hóa Bình-Dân tổ-chức.

NHỮNG dự án phát-triển ngành trồng tỉa cao-su ở Việt-Nam đòi hỏi những ngân-khoản lớn lao. Người ta hy-vọng sẽ giải-quyết vấn-đề tài-chánh một phần bằng số vốn đầu tư tư-nhân trong nước hay ngoại-quốc, nhưng phần lớn chắc là phải trông vào công quỹ.

Dĩ nhiên một tư-nhân ngoại-tịch không thể định đoạt, dù chỉ là ước đạc, những khoản tiền chính-phủ xét ra có thể chi dụng vào việc phát-triển sâu rộng nghề trồng cao-su. Mặc dầu sự sản-xuất cao-su có lợi cho nền kinh-tế Việt-Nam đến bực nào, Chính-Phủ cũng còn phải đảm-nhiệm nhiều trách-vụ khác, và chăng việc quyết-định sự sử-dụng những phương-tiện của chánh-phủ là một vấn-đề chánh-trị mà chúng tôi không thể bàn đến.

Mặc dầu ngân-khoản chi dùng vào việc trồng cao-su đa hay thiểu, đại-khái cũng sẽ có những khoản phân-phối cho các đồn-điền do nha Tổng-Ủy Dinh-Điền quản-trị, và những khoản dành cho các đồn-điền khai-thác với phương-tiện khác. Nhiều chương-trình trồng tỉa quan-trọng của những người định-cư đang được thực hiện (hình như 5.000 mẫu trong năm 1960). Có lẽ khai phá dưới hình-thức tập thể sẽ có kết-quả hơn, mặc dầu sau này chia lô cho từng người tự-lực khai-thác.

Chúng ta không cần nói nhiều về những thực hiện đó vì đã giao cho một cơ-quan

chuyên-trách, nhưng tôi muốn nhấn mạnh điểm này : trong những thôn xã còn bỏ hoang có thể trồng cao-su được nên khuyến khích thành-lập những vườn nhỏ để kỳ hào trông coi. Tài - chính sẽ do quỹ nhà nước đài thọ, vì cần phải trả công những người làm tuyển-mộ trong hàng xã. Nên trù liệu những chương-trình nhỏ, hạn giải nhất là hai ba năm, ta có hy-vọng rằng những công cuộc đó sẽ khuyến-khích dân làng tự ý thực-hiện những vườn nhỏ khác. Đã tham-dự vào việc khai thác vườn công-cộng họ sẽ rút được kinh-nghiệm để khai-thác vườn riêng. Việc kiểm-soát những vườn ấy sẽ giao cho các cố-vấn nông-nghiệp bây giờ cần đào luyện ngay tại các viện khảo-cứu, các trường canh-nông hay các đồn-điền cao-su.

Nếu tôi không thể nói nhiều về những hình-thức tài trợ trực-tiếp của chính-phủ hay những công cuộc thực-hiện hoàn-toàn của chánh-phủ, thì trái lại tôi xin trình-bày chút ý-kiến riêng về những biện-pháp nâng đỡ mà chánh-quyền có thể thi-hành hay tùy nghi vận dụng để khích lệ sáng-kiến tư-nhân ngõ hầu góp phần sâu rộng vào chương-trình lớn lao đã dự liệu.

Trước hết xin nhắc lại ý-kiến của ông R. H. E. Michaux, Chủ-Tịch hội I.R.R.B. I.R.D.C. mới đây có ghé Saigon, về cơ hội tốt đẹp để quảng cáo cho nước Việt-Nam nhân dịp Hội-Nghị Kuala Lumpur nhóm họp vào tháng chín tới đây. Tại đấy sẽ hội họp nhiều nhà tư-bản và kỹ-nghệ trên hoàn-cầu chú trọng đến vấn-đề cao-su, và chắc là họ sẽ có ý muốn sang thăm Việt-Nam để biết khả-năng trồng tỉa cao-su, những công việc đã thực-hiện được, và nhất là những điều kiện dễ dàng đặc-biệt về phương-diện đầu tư. Tôi xin nhắc lại một câu nói của ông chủ-tịch Michaux : Tư-bản ngoại-quốc cũng như nước, chảy mạnh theo chỗ dốc nhiều. Nếu điều kiện thật lợi thì tự khắc nó đến.

Tôi thiết-tưởng nhấn mạnh điểm sau đây cũng không phải là thừa : tư nhân chỉ chịu bỏ vốn trong những điều kiện nào đó, một vài biện - pháp vụng về có thể trong một thời gian làm phương hại vô chừng hay tiêu diệt những cố gắng đã thực-hiện để khuyến khích sự đầu tư ngoại-quốc. Hẳn là những công-ty ngoại-quốc đã khai thác ở Việt-Nam đã cho những nước tiêu thụ nhiều sao-su biết rằng Việt-Nam có điều kiện đặc-biệt thuận lợi để trồng cao-su, như khí hậu, nhân công và đất tốt, những điều đã nhiều lần nhắc đến. Những kỹ-nghệ gia của các nước đại kỹ-nghệ đã tìm cách thực-hiện những vườn trồng-tỉa ở Nam Mỹ và Phi-Châu thì không có lý gì họ lại không lưu ý tới những điều-kiện thuận-lợi ở Việt-Nam. Nhưng ta phải tỏ cho họ biết ở đây có tự-do kinh-doanh, và giảm thiểu những biện-pháp hành-chánh có thể mâu-thuẫn với quan-niệm ấy: tự-do nhượng lại đồn-điền, xuất-nhập Việt-Nam dễ-dàng, xin phép chặt cây dễ-dàng, củng-cố thời-hạn khai khẩn đất hoang v. v. . .

Những sự kiện đó ai cũng biết, nhưng tư-bản mới của ngoại-quốc chỉ có thể đầu tư vào Việt-Nam, nhất là về ngành trồng-tỉa cao-su, nếu người ta nhận định rõ sự cần thiết đó, và nếu người ta khuyến-khích thiện chí của mọi người bằng cách áp dụng một cách rộng-rãi hơn, khoáng-đạt hơn, những thủ tục hành-chánh liên-hệ đến bản Tuyên - Ngôn ngày 5-3-57 của Tổng-Thống.

Tuy nhiên trong lúc chờ đợi tư-bản ngoại-quốc dồn dập tới Việt-Nam, chúng ta cũng phải biết đến những công cuộc đang thực hiện, *hoàn-toàn do sáng kiến tư-nhân* như sự khuyếch-trương và trồng lại những đồn điền hiện có. Đành rằng những công cuộc đó được sự trợ giúp tài-chánh của chánh-phủ trong khuôn khổ sắc lệnh 287/1 KT ngày 18-8-58, nhưng tư nhân phải cố gắng tự xuất vốn thêm để hoàn bị sự nâng đỡ của chánh-phủ.

Riêng chúng tôi không có những con số đích xác về những trung và tiểu đồn điền ở Việt-Nam — nghĩa là diện tích dưới 500 mẫu — nên chúng tôi chỉ căn cứ vào những con số của các công-ty lớn mà tôi biết để trình bầy sự cố gắng xuất vốn của tư nhân. Nhưng tôi chắc rằng ông bạn tôi, ông Huyên có thể sác nhận được rằng hội viện nghiệp đoàn của ông cũng đã cố gắng xuất vốn như thế hay hơn thế — từ 1957 đến 1960 các công ty lớn đã khuyếch-trương hay trồng lại hơn 10.000 mẫu cao-su đã trồng xong hay đang làm ; — Đến ngày nay những công-ty ấy đã nhận được một khoản trợ cấp của chính-phủ trong khuôn khổ nghị-định 287/KT, từ 200 triệu đồng đến 250 triệu, trong khi tổng số vốn đầu tư lên gần 1 tỷ vào thời kỳ thực hiện 10.000 mẫu ấy.

Hình-thức cho vay này, áp-dụng từ hơn hai năm nay, đã tỏ ra có kết-quả hay, chúng ta nên lấy làm hoan hỉ mà tri-ân Chánh - phủ đã sáng suốt ấn - định những biện-pháp có ảnh-hưởng kinh-tế vô cùng tốt đẹp mặc dầu có những luồng dư-luận khác biệt.

Chúng ta cũng mong mỏi rằng chánh-phủ tiếp tục chính-sách viện-trợ. Hơn nữa, muốn xúc-tiến những công cuộc đã khởi xướng để thực hiện chương-trình quan-trọng của chính - phủ, nên tăng gia ngân-khoản dành cho Quỹ khoáng trương ngành trồng cao - su, và đặc - biệt cho các nhà trồng tỉa nhỏ vay nhiều, hạng này vì năng-xuất thấp, nếu muốn mở mang vườn của mình đều gặp nhiều khó khăn trước vấn-đề tự-động đầu tư : theo thể-lệ hiện hành, phân xuất tự-động đầu-tư đối với họ lớn quá.

Tuy rằng người ta đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần, nhưng tôi thiết-tưởng nên nhấn mạnh lần nữa điểm này : phải nâng đỡ những người có thiện-chí mặc dầu khai thác những diện tích lớn hay nhỏ, chỉ cần bắt buộc có một sự bảo đảm kỹ-thuật tối thiểu : chọn đất làm vườn lúc khởi sự, sau đó cứ hàng năm kiểm-soát chặt chẽ điều kiện thực-hiện và trông nom những vườn mới mở đó.

Cũng nên dự-định những thể lệ riêng cho người mới bước chân vào nghề để công thức của ta thêm hiệu nghiệm, bởi vì ta không thể tính khoản tiền cho vay theo tỷ-lệ sản xuất hoặc diện tích đang lấy nhựa.

Trong một vài trường-hợp có lẽ có một vườn đang thành lập cũng đủ để đem ra làm bảo đảm. Cách thức cho vay như thế có hai điều đáng ngại. Thứ nhất, gặp thiên tai những công cuộc thực hiện đầu tiên có thể bị phá hủy, nhưng nếu nhiều vườn khác thực-hiện tới mức trung bình thì sự rủi ro phân chia đều đi, cơ-quan chánh-quyền có thể chịu đựng những rủi-ro thuộc loại ấy.

Điểm thứ hai là công việc khai phá có thể làm không đúng puương-pháp hay

không tương xứng với số tiền cho vay. Như vậy phải cần theo dõi cận-kẽ việc làm về phương-diện kỹ-thuật và kiểm-soát triệt-để sự sử-dụng ngân khoản. Những nguyên-tắc của nghị-định 287/KT đã áp-dụng nhằm mục-đích ấy đều còn hiệu lực với điều kiện mở rộng phương tiện kiểm soát cho Quỹ Khuếch Trương ngành cao-su để theo kịp đà tiến triển của sự trồng tỉa.

*

Ngoài sự trợ cấp trực tiếp của chính-phủ đã thực hiện hoàn hảo trong vòng hai năm nay, có lẽ nên có biện pháp thúc đẩy thêm sự xúc tiến công cuộc khoáng trương, nhất là sự thúc đẩy đó sẽ đem lại kết quả đáng chú ý. Ay là việc nghiên cứu những phương-pháp áp-dụng hết sức khoáng đạt bản Tuyên - Ngôn của Tổng-Thống ngày 5/3/57 để khuyến khích sự đầu tư.

Bản Tuyên - Ngôn ấy và những thông-tư áp-dụng đã ấn-định nguyên-tắc miễn thuế cho số tiền lời về kỹ-nghệ và thương-mại.

Tôi không biết rõ nguyên-tắc ấy đã được áp-dụng thiết thực, cho vài xí-nghiệp kỹ-nghệ hay chưa, nhưng riêng về việc khoáng trương ngành trồng cao - su cho đến ngày nay điều khoản đó chưa mang lại kết-quả thiết thực nào. Nha thuế - vụ quy - định rằng chỉ miễn thuế cho những phần lời của số vốn mới đầu tư, thành thử chúng tôi phải trả thuế tới 24% vào những khoản tiền lời đem đầu tư vào những công cuộc mở mang mới.

Chúng ta phải thành thật mà nói rằng, thoạt mới trông thì một tình - trạng như thế hình như khó mà ăn nhịp với đường lối của chính - phủ luôn luôn khuyến-khích sự mở mang sâu rộng ngành cao-su. Đối với nhà trồng tỉa thì đương nhiên giảm ngay thuế cho phần lời đem dùng vào việc khai thác mới, là cho họ hưởng ngay những sự dễ dàng lâu dài nói trong bản Tuyên Ngôn của Tổng Thống, sự kiện ấy có tác dụng tăng gia diện tích trồng trọt hàng năm sẽ mở mang thêm.

Tất nhiên sẽ có hai quan điểm nghịch nhau như vẫn thường có khi người ta đề cập đến những vấn-đề chính-yếu mở mang kinh-tế, đó là phương-diện thuế khóa và ngân sách thuần túy với nguyên-tắc không được bỏ sót một phần tài sản đáng đánh thuế nào, và phương-diện kinh-tế thuần túy. Trong trường-hợp này qnan điểm kinh-tế phải đi trước quan điểm thuế khóa và ngân sách.

Tuy nhiên tôi cũng không nói nhiều về vấn-đề ấy, bởi vì dầu sao vấn-đề tái đầu tư những phần tiền lời chỉ đặt ra cho các đồn điền đang khai thác, mà các đồn điền ấy đã gần đạt tới mức tối đa khuếch-trương diện-tích và trồng cây lại.

Như vậy, muốn thực-hiện chương-trình to rộng của Chính-phủ, cần phải tìm ra một công-thức mới, công-thức ấy còn phải là công-thức quốc-gia trong khi chờ đợi tư-bản ngoại-quốc đầu tư vào trong nước.

Như O. Schmitz đã nêu ra trong bản thuyết-trình ngày 10-4, và chúng tôi cũng đã từng thảo-luận với các nhà trồng-tỉa trong tháng Hai mới rồi, nhân dịp Ô. Chủ-Tịch Michaux ghé thăm Saigon. Về phương-diện này sự can-thiệp

của chính-quyền sẽ có ảnh-hưởng quyết-định nếu chánh-quyền dành mọi sự dễ-dàng cho sự huy-động những trái phiếu Cải-Cách Điền-Địa để chuyển sang lãnh vực cao-su.

Quả vậy, muốn phát-triển ngành Cao-su, cũng như việc phát-triển kỹ-nghệ nước Việt-Nam, người ta phải huy-động được thật nhiều vốn liếng tư-nhân trong nước, mục-tiêu đó khốn thay còn phải khó khăn mới đạt được

Trong thực-tế, trước sự ngần-ngại của tư nhân đối với những cuộc đầu-tư dài hạn, Chính-phủ đã phải tự ý xuất vốn thay tư-nhân trong giai-đoạn đầu để thực hiện những cơ sở kỹ-nghệ đầu tiên đang thành hình, rồi sau sẽ khuyến khích tư-nhân thay thế. Một trong những biện - pháp khuyến khích là dành nhiều sự dễ dàng như quý vị đã biết cho việc đổi những trái phiếu nói trên lấy cổ phần các công-ty kỹ-nghệ trong đó đa số phần hùn là của Chánh-phủ.

Sự hiện-diện của chúng ta trong buổi này đủ chứng tỏ chúng ta chú-trọng đến ngành cao-su, mọi người chúng ta đều tin tưởng rằng tại Việt-Nam phải mở mang ngành hoạt - động ấy trước rồi sau mới trang bị kỹ - nghệ. Nếu Chính - phủ đã trù định những biện-pháp đặc-biệt thích hợp để tư-nhân dần dần hợp tác với Chính-phủ trong công cuộc tạo lập và mở mang kỹ - nghệ, thì còn gì hợp lý hơn là thi - hành những biện-pháp tương tự hay thuận tiện hơn để khuyến khích người có trái phiếu Cải-Cách Điền-Địa đem đầu tư vào ngành cao-su để góp phần vào công cuộc phát-triển kinh-tế Việt-Nam.

Tôi không dám cho rằng đã sáng-tân khi phát biểu ý-kiến ấy vì sự quan-trọng trên thị trường tài-chính ở Việt-Nam của những trái phiếu ấy đã lưu-ý các nhà đương cục và các đại ngân hàng, có tham dự những cuộc thảo-luận của chúng ta.

Vì không đủ chứng từ chánh thức mới, nên tôi chỉ có thể ước lượng tổng số trái phiếu đã lưu hành trị giá gần 600 triệu đồng, và khi thanh toán song cuộc Cải Cách Điền-Địa, tổng số trái phiếu sẽ lên tới khoảng vài tỉ. Chính sách cho vay trực tiếp của chánh-phủ từ năm 1958 đã khuyến khích tư nhân thực-hiện được hơn 15.000 mẫu mới mà chỉ cần dưới 300 triệu đồng trợ giúp ở ngoài, như vậy nếu có sự dễ dàng khả dĩ lôi cuốn tư nhân để huy động trái phiếu vào ngành cao-su, thì trên lý-thuyết sẽ thực hiện được một tổng số diện tích ít ra 5 hay 6 lần lớn hơn, có lẽ lên tới 100.000 mẫu.

Hiện nay có những sự dễ dàng ấy không ? Riêng tôi, tôi không thấy có, và khi tôi hỏi những người chuyên trách, người ta cũng xác nhận như thế : những điều chỉ dẫn và những tài liệu đầy đủ chi tiết họ đem lại cho tôi tỏ rõ rằng đến nay chưa hề có ấn-định một sự dễ dàng đặc biệt nào để khuyến khích điền chủ chuyển sang nghề trồng tỉa cao-su.

Chắc chắn là chính-sách trên sẽ đặc-biệt điều-hòa với công cuộc kiến-thiết xứ sở của chính-phủ vì nó thống hợp một cách chặt chẽ sự thực-hiện các mục-tiêu lớn xã-hội và kinh-tế : một mặt nâng-cao tá-điền lên địa-vị chủ đất, mặt khác nâng đỡ sự khai khẩn nhanh chóng các vùng đất đỏ ở miền Đông, nhất là để trồng cao-su, một loại cây kỹ-nghệ có thể đem lại cho nước Việt-Nam một

nguồn lợi để quân-bình mau chóng cán cân chi thu ngoại-tệ.

Trong số các điền-chủ chuyển sang ngành hoạt-động khác, tuy đã có ít nhiều người chú trọng đến việc thiết-lập những vườn trồng các loại cây, nhưng nhờ sự khuyến-khích của chính-phủ sẽ có rất nhiều người quay về hợp-tác với công-cuộc mở mang ngành cao-su, trên bình-diện xã-hội sự chuyển hoán đó sẽ có một tầm quan-trọng ngang với chương-trình định-cư vĩ-đại đã thực-hiện với kết-quả mỹ-mãn như ta đã biết.

Hiện giờ, Dụ số 57 ngày 22-10-56 và Dụ số 500 ngày 4-12-57 tuy có xác định rằng những trái phiếu Cải-Cách Điền-Địa có thể dùng làm vật thế-chấp để vay Nông Tín Cuộc và có thể dùng để trả các món nợ đế-đương cho cơ-quan ấy, nhưng theo tôi biết các trái phiếu đó không dùng được để bảo-đảm tiền vay trong khuôn-khổ sắc-lệnh 287/KT về sự trợ-cấp ngành trồng cao-su, và theo sự hiểu biết của tôi thì đến ngày nay chưa từng thực-hiện một nghiệp-vụ nào về loại đó.

Không những người có trái phiếu phân vân không biết có nên lao mình vào một ngành hoạt-động hoàn-toàn xa lạ với họ, lại còn nhiều khó khăn thực tiễn ngăn cản họ dùng trái phiếu để hùn vốn trồng cao-su.

Vì vậy mà, trừ trường hợp đặc-biệt, tiền qui cho các địa chủ còn ít quá, so với tư-bản cần phải huy động để thiết-lập các vườn cao-su. Theo những con số của Kinh-Tế Tập-San tháng 9-1959 do Ngân-Hàng Quốc-Gia Việt-Nam xuất-bản, thì hồi ấy tổng số trái phiếu cấp cho 500 điền chủ nhượng điền trị giá 226.146.000 đồng, trung-bình mỗi người độ 450.000 đồng. Tuy có vài đại điền chủ lãnh được nhiều hơn, nhưng dẫu sao tình thế vẫn không thay đổi, bởi vì vấn-đề không phải là chỉ lôi kéo một vài người vào ngành cao-su mà thôi, mục-đích của ta là chuẩn bị một cuộc huy-động khổng lồ để thực-hiện một chương-trình toàn-diện.

Theo nguyên-tắc thì trái phiếu Cải-Cách Điền-Địa không nhượng lại được. Sắc-Luật số 8 ngày 1-4-59 chỉ chấp-thuận phá-cách trong trường-hợp đổi trái phiếu lấy cổ phần của các xí-nghiệp kỹ-nghệ mới cho Chính-phủ thiết-lập.

Có lẽ nên cho sở hữu chủ trái phiếu hưởng những sự dễ dãi hơn nữa đối với ngành cao-su, thí dụ như có thể đem phiếu đổi lấy cổ phần của những công-ty lập bổn chỉ có mục-đích thiết-lập các đồn điền cao-su mới.

Nhưng theo tôi sự khó khăn chính-yếu cần phải san bằng để khuyến-khích người có trái phiếu chuyển vốn sang ngành cao-su, là : theo điều-kiện hiện hành quy định cho sự đầu tư kỹ-nghệ, người ta chỉ có thể sử-dụng được một phần tiền nhỏ trong trái phiếu, bốn (4) niên khoản trong số mười hai (12) niên-khoản và chỉ được sử-dụng 95% số tiền ghi trên phiếu. Chắc hẳn trong một công cuộc dài hạn hay ít ra trung hạn, như sự trồng cao-su, người ta cần phải xét đến yếu-tố thời-gian khi thương-lượng công việc : huy động vốn phải hòa-điệu với thời-gian sử-dụng tiền, nếu muốn được hữu ích thực sự thì phần tiền sử dụng được ngay trong phiếu phải nhiều hơn những khoản chi phí đầu tiên đôi chút.

Nếu không kể những khoản chi phí để lập cơ-sở kỹ-nghệ, quản-trị và xã-hội vào năm thứ bảy, thì trong hai năm đầu kể từ ngày khởi sự phải dùng đến những khoản tiền lớn lao hơn cả. Đối với những trái phiếu được dùng để đầu tư vào ngành cao-su, theo liền với khoảng đầu gồm có 4 niên-khoản, phải có thể lưu-động ngay năm sau một khoản tương-đương, nghĩa là tổng cộng 8 niên-khoản lưu-động trong hai năm chứ không phải là 5 niên-khoản như hiện thời. Trung tâm khuếch-trương kỹ-nghệ chấp nhận.

Dĩ nhiên, về phương-diện liên-quan đến chúng ta, những sự dễ dàng này chỉ dành riêng cho trái phiếu đầu tư vào ngành cao-su, đồng thời phải kiểm-soát chặt chẽ việc sử-dụng tiền vốn như đã quy-định trong các điều khoản áp-dụng luật 287/KT.

Chúng ta vừa nghiên-cứu một vài điểm lợi ích về mặt xã-hội của một công thức kinh doanh, và một vài thể-thức tài-chánh có thể thi hành được. Bây giờ chúng tôi xin giải đáp một thắc mắc quan-trọng về nguyên tắc huy động cấp tốc những trái phiếu Cải Cách Điền-Địa để kinh doanh kỹ-nghệ hay dùng vào mục tiêu khác : Đó là sự lo ngại có lạm phát, vì muốn hoàn tiền cho một số trái phiếu lớn lao như thế, người ta không khỏi nghĩ đến biện pháp quá dễ dàng phát-hành thêm giấy bạc.

Tôi thiết-tưởng ở đây nên để ý rằng việc trồng cao-su tự nó cũng là một nguyên-cớ lạm phát bởi vì người trồng tỉa đã phân tán mãi lực trong bảy năm trường không sản xuất sản phẩm tiêu thụ. Mặc dầu những đồn điền cao-su dùng vốn tư nhân hay vốn trước kia đã sử dụng trong các hoạt-động thương mại, hay nhờ tiền ứng trước cho trái phiếu Cải Cách Điền-Địa, tình thế vẫn không có gì thay đổi.

Nhưng, cố gắng thành-lập những đồn-điền cao-su mới, là Chính-Phủ Việt-Nam ký một tấm hối phiếu huy-hoàng bảo chứng bởi tương-lai, và tôi thiết-tưởng người ta chẳng có lý do quan-trọng nào để lo sợ về những sự rủi ro của một sự lạm phát như thế,

— *lạm phát chậm*, do tính - chất cuộc đầu tư, vì sự chi phí để thành - lập một đồn-điền cao-su sẽ phân-phối trong một thời-gian từ 7 đến 8 năm ;

— *lạm phát có kiểm-soát* bởi vì cho vay tiền ở Quỹ Khuyếch - trương ngành cao-su hay huy-động trái phiếu — trong hay ngoài khuôn khổ nghị-định 287/KT —, Chính-phủ vẫn giữ được quyền bách thúc hay trì hoãn phong-trào đầu tư ấy...

— *lạm phát có giới hạn* bởi vì, căn-cứ vào số 20.000 mẫu thực - hiện mỗi năm, thì những năm đầu chỉ chi phí hết 400 triệu đồng, và ít hơn nếu chỉ tính những khoản chi phí tại chỗ, nghĩa là dưới 4% khối tiền tệ sẵn có ở Việt-Nam, hay là dưới 4% ngân-sách quốc-gia 1960.

Nếu có sự lạm phát thì sự lạm phát đó không thể đặt lên đòn cân với những lợi ích kinh-tế của một công cuộc đầu tư, mà theo những con số đã nêu ra, có thể đem lại 16.000.000 Mỹ-kim mỗi năm cho một diện-tích 20.000 mẫu.

Tôi xin nhường lời cho các chuyên gia xác-định vấn-đề, hưng vì phương-tiện trái phiếu Cải-Cách Điền-Địa có cơ thành-tựu, cho nên tôi mong rằng sẽ thi-hành mau chóng để nhiều người trong chúng ta tham-gia vào công cuộc phát-triển ngành cao-su của toàn-quốc.

J. POLTON

PHẠM-ÁI-BÍCH

TINH-TÚY CỦA TRIẾT-LÝ PHẬT-GIÁO

(Tiếp theo B.K. số 81)

Vấn-đề đặt ra không phải tìm hiểu ý-nghĩa của cuộc đời này là gì. Vấn-đề duy-nhất là tìm hiểu : chúng ta có thể làm gì cho cuộc đời này ?

LOUIS GUILLOUX
(Le sang Noir — 1935)

IV

CHÚNG TA đã từng nghe rằng đạo-lý nhà Phật thu gọn trong bài thuyết-pháp đầu-tiên của ngài. Chúng ta hãy dở kinh *Mahavagga*, chúng ta hãy mở lòng lắng nghe lời giảng của bậc Đại-giác tự ngàn xưa vẳng lại, giọng rõ-ràng, vừa thanh-thoát vừa thâm-trầm ; âm-hưởng rung-động mọi tâm-hồn thiết-tha đi tìm hướng sống cho kiếp đời cơ-cực này :

« Các con ơi, hãy lắng tai nghe ta : con đường giải-thoát khỏi sự chết đã tìm được. Ta dạy các con giáo-pháp của ta. Nếu các con theo đạo-lý của ta, các con sẽ đi tới sự thành-tựu tối-cao của những ước-vọng cao-quí. Ngay trong đời sống này, các con sẽ thấu hiểu Chân-lý, các con sẽ nhìn Chân-lý, mặt giáp mặt [...] *Hỡi các con, có hai cực-đoan mà kẻ nào muốn đeo-đuổi*

một đời sống tâm-linh đều phải tránh xa. Hai cực-đoan ấy là gì ? Một là đời-sống khoái-lạc, buông-thả theo nhục-dục và lạc-thú: như vậy thì rất ty-tiện, ô-trọc, phù-phiếm... Cực-đoan kia là đời sống khổ-hạnh, phiền-não, hèn-hạ, vô-ích. Các con ơi, ta đã tránh hai cực-đoan ấy và đã tìm được con đường chính giữa (Trung-đạo), con đường này mở những con mắt và tâm-trí, con đường này dẫn đến An-tĩnh, Trí - tuệ, Giác - ngộ, Niết-bàn. Hỡi các con, con đường chính-giữa mà ta đã tìm được là con đường gì ? Đó là con đường cao-quí gồm có tám nhánh, gọi là bát chính-đạo : *chính-kiến, chính tư-duy, chính-ngữ, chính-nghiệp, chính-mệnh, chính tinh-tiến, chính-niệm, chính-định. Đó là con đường chính giữa (Trung-đạo) mà ta đã phát-giác, con đường này mở những con mắt và tâm-trí, con đường này dẫn đến An-tĩnh, Trí - tuệ, Giác - ngộ, Niết-bàn.*

Hỡi các con, đây là Thánh-đế về sự đau-khổ : *Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ ; gần-gũi với những gì ta ghét là khổ, ly-biệt những gì ta yêu là khổ, thèm muốn những gì ta không thể có được là khổ, nói tóm lại triền-miên trong ngũ-uẩn là khổ.*

Hỡi các con, đây là Thánh-đế về nguồn-gốc của sự đau khổ : *sự ham sống đã đem con người đầu-thai từ kiếp này đến kiếp nọ, cùng với sự tham-dục, tìm cách thỏa-mãn ở đây ở đó, nghĩa là sự thèm-khát nhục-dục, thèm khát cuộc sống, thèm-khát quyền-thế, hưng thịnh.*

Hỡi các con, đây là Thánh-đế về sự diệt khổ : *diệt sự thèm khát, tuyệt-diệt dục-vọng, khu-trừ, từ-bỏ, giải-thoát cho ra khỏi dục-vọng.*

Hỡi các con, đây là Thánh-đế về con đường dẫn đến sự diệt-khổ : *Đó là bát chính-đạo, gọi là chính-kiến, chính tư-duy, chính-ngữ, chính-nghiệp, chính-mệnh, chính-tinh-tiến, chính-niệm và chính-định* » *(1).*

Trong kinh *Samyutta Nikâya*, V - 437 sqq., đức Phật có nhắc lại đạo-lý cơ-bản của ngài cùng các đệ-tử : « *Hỡi các đệ-tử, thầy đã dạy các con những gì ? Thầy đã dạy các con : khổ, nguyên - nhân khổ, diệt khổ và con đường đưa đến sự diệt khổ. Hỡi các đệ-tử, đó là tất cả những gì thầy đã dạy các con* ».

Trong một đoạn Phật-kinh khác, chúng ta được nghe ngài nhắc lại nữa : « Vì chúng ta không hiểu, vì chúng ta không thấu *Tứ thánh - đế* mà chúng ta phải chịu hành-trình lâu dài như thế này, phải chịu đầu - thai liên - tục như thế này. Vậy *Tứ thánh-đế* ấy là gì ? Đó là thánh-đế về khổ, thánh-đế về nguồn-gốc khổ, thánh-đế về sự diệt-khổ, thánh-đế về con đường dẫn đến sự diệt-khổ. Khi các con đã hiểu thấu suốt Tứ thánh - đế này thì sự thèm khát cuộc sống sẽ được hủy-diệt và các con không còn bị đầu-thai nữa... Khi các con không hiểu thấu suốt những thánh-đế này thì các con sẽ bị đầu-thai mãi-mãi. Khi các con thấy rõ những thánh-đế này, nguồn-gốc đầu-thai bị hủy-diệt cỗi-rễ của sự đau-khổ bị nhổ mất và sự hiện-hữu không còn nữa ».

Đọc mấy đoạn Phật-kinh trích ở trên, chúng ta đều thấy rằng *Tứ thánh-đế (hay Tứ diệu-đế)* giữ một vai trò tối ư trọng-

---

(1) E.H. Brewster : *Gotama le bouddha*, trang 71-81 (Payot, Paris, 1951).

đại trong tư-tưởng Phật-giáo ; bao nhiêu lời dạy của đức Phật đều qui-tụ trong *Tứ thánh-đế* :

I.— *Khổ thánh-đế* (sự hiện hữu của khổ) ;

II.— *Tập thánh-đế* (nguyên - nhân của khổ) ;

III.— *Diệt thánh-đế* (sự khổ-diệt) ;

IV.— *Đạo thánh-đế* (con đường phải theo để giải-thoát, để diệt-khổ).

Những thuyết rất quan-trọng của Phật là vô-thường (anicca), vô-ngã (anatta), thập - nhị - nhân - duyên (paticcasamuppada). Đáng lẽ chúng tôi phải trình bày rõ-ràng những thuyết quan-trọng này, nhưng vì khuôn-khổ của tạp-chí có hạn-định, chúng tôi xin dành lại một dịp khác. Thật ra, ba thuyết trên đều nằm trong Tứ thánh-đế. Xét cho cùng, bản thể-luận, hiện-tượng-luận và đạo-đức-học Phật-giáo cũng nằm trong Tứ thánh-đế. Giáo-sư thạc-sĩ Henri Arvon quả-quyết rằng Tứ thánh-đế là tinh-túy của Phật-giáo (la quintessence de la doctrine de Bouddha). (1) Đệ nhất thánh-đế tóm-tắt những gì mà người ta có thể gọi là bản - thể - luận của Phật-giáo (ontologie boudhique), vì nó xác-định thực-chất của vật-thể (l'être) ; đệ-nhị thánh-đế và đệ-tam thánh-đế triển khai những dạng-thái sai-biệt của vật-thể : có thể gọi là hiện-tượng-luận Phật-giáo (phénoménologie bouddhique) ; đệ-tứ thánh-đế vạch ra một con đường giải-thoát thực-tiễn : có thể gọi là đạo-đức-học Phật-giáo (éthique bouddhique). (2)

(1) Henri Arvon : *Le Bouddhisme*, trang 36 (Presses universitaires de France, 1956).

(2) H. Arvon, *opere citato, ibidem*.

Thật vậy, chúng tôi nghĩ rằng bốn thánh-đế này là cốt-tủy của Phật-giáo. Quả như nhà Phật-học uyên-bác André Migot đã nói trong buổi diễn-thuyết ngày 11 tháng 5 năm 1952 tại chùa Quán-sứ ở Hànội : « Tứ thánh-đế là **Tinh-túy của Phật-giáo** và như vậy, chúng ta thấy ngay rằng Phật-giáo nguyên-thủy không phải là một tôn-giáo — theo nghĩa Tây-phương — mà là một *kỹ-thuật thuần-lý* để chống lại sự đau-khổ » (c'est l'essence de la doctrine du Bienheureux, et cela vous montre bien que le Bouddhisme originel n'était pas une religion, au sens occidental du terme, mais *une technique rationnelle* pour combattre la douleur).

∴

Đức Phật chỉ là một người. Trải qua bao gian nan khó-khăn, ngài đã tìm được ánh-sáng cho cuộc đời, thấy được hào-quang giữa đêm tối và, với lòng từ-bi vô hạn, ngài đã trao lại hậu thế một chiếc bè vững chắc để qua bên kia bờ sông thanh-tĩnh.

Giống như ta, ngài chỉ là người ; giống như ngài, ta cũng có thể tự giải thoát để đạt Niết-bàn.

« Cũng như ngày hôm nay, bậc giác-ngộ, bậc Hoàng-tử của chiến thắng, bậc Đại sư tối cao, bậc Toàn năng, Toàn thiện đã đi vào Niết bàn, rồi đây ở thế gian này, vạn vật cũng sẽ cởi bỏ kiếp đời trần-tục » (Kinh *Mahâparinibbâna Sutta*).

PHẠM-ÁI-BÍCH

DU-KÍCH CHƯA HẾT...

★ PHẠM-NGỌC-THẢO

Tự ngàn xưa đến giờ. ở Đông-Phương như Tây-Phương, nếu có một cuộc chiến đấu võ trang giữa hai phe, phe yếu và phe mạnh là có chiến-tranh du-kích.

Xưa kia trên đất Pháp, Quân-đội Đức hùng mạnh biết bao mà không trừ được du-kích Pháp. Và vừa đây, Quân-đội Pháp lớn gấp 10 lần, phương-tiện lại nhiều gấp trăm lần du-kích Algérie mà cũng không thắng được họ.

Thử hỏi tại sao vậy?

Trước tiên, phải nói rằng Đức lúc chiếm nước Pháp, cũng như Pháp lúc đang chiếm Algérie, cả hai đều không có chánh-nghĩa. Đó là nguyên-nhân chánh của sự thất bại.

Tại Mã-Lai, quân-đội Anh cũng chẳng có chánh-nghĩa gì hơn, nhưng cũng may là họ đã kịp thời trao quyền lại cho dân-tộc bản xứ, nên mới giải-quyết được vấn-đề du-kích trên đại-cương.

Sự-kiện đã chắc-chắn như vậy.

Dù hiện nay Quốc-trưởng Pháp có khôn-ngoan đến đâu, dù các nước Tư-bản có yểm-trợ bằng lời nói, bằng tinh-thần, bằng tiền bạc hay bằng vũ-khí cho đến mấy, nước Algérie nhứt-định cũng sẽ độc-lập. Việc đó chắc-chắn và rõ rệt, cũng như việc đã xảy ra tại nước Việt-Nam chúng ta. Yếu-tố chánh-nghĩa là yếu-tố căn-bản.

Nhưng vấn-đề chánh-nghĩa để qua bên, ta thử nhớ lại những « biện-pháp cao siêu » của những tướng-tá các nước gọi là văn-minh và tân-tiến Đức Pháp-Anh đã áp-dụng để chống lại du-kích như thế nào?

Trước hết, họ dùng quân-đội càng đông, với phương-tiện càng ngày càng tối tân để rượt các đội du-kích. Từ lối bao vây gọng kềm tới lối bao vây chữ O, đến lối bao vây nhét nút, và cả lối bao vây bốn mặt dưới đất, một mặt trên trời mà họ tiêu diệt du-kích cũng không hết. Hành-quân nầy đến hành-quân khác cứ tiếp diễn mãi, Tướng-lãnh nầy mệt đến Tướng-lãnh khác, nhưng đâu cũng vào đấy. Biện-pháp hành-quân là biện-pháp căn-bản, nhưng không đem lại được bao nhiêu kết quả.

Hành-quân chánh-quy không thành, họ xoay ra dùng biện pháp trừng phạt. Một tiếng súng nổ trong làng thì mười thanh-niên bị bắt để « trừng phạt». Tiếng súng vẫn nổ.Họ nưng cao mức trừng phạt hơn lên. Thay vì bắt mười thanh-niên, họ lại bắn một trăm người. Tiếng súng vẫn lại nổ. Họ lại còn tăng-cường trừng phạt thêm lên nữa. Thay vì bắn một trăm người, họ tiêu-diệt luôn cả làng, từ ông già, trẻ nhỏ đến cây cối, vườn tược, nhà cửa...: tất cả đều phải chịu tội cho các anh du-kích không còn dám hoạt-động nữa. Nhưng kết-quả, du-kích tồn-tại mãi và từ từ lớn mạnh.

Rồi họ lại dùng biết bao nhiêu mánh khóe tinh xảo để mua chuộc lòng dân,nhưng xi gạt nhân-dân không thành, họ quay lại trừng phạt nhân-dân, song cũng không thắng lợi. Họ lại đi tới biện-pháp cảnh-giác đề-phòng nhân-dân. Các trục giao-thông được canh giữ cẩn mật và các nhà dân chúng bị bắt buộc phải tản ra xa, các đô-thị có đồn kiên-cố bảo-vệ. Họ dạy lính của họ đề-phòng từ anh thanh-niên trai tráng, đến chị phụ-nữ yếu đuối. Họ nghi ngờ luôn mấy ông già bạc tóc. Và trong một tạp-chí quân-đội, họ lại viết câu này : « Anh lính ơi ! Thằng nhỏ kia mới 7 tuổi mà anh trông dễ thương đó, anh hãy coi chừng nó, nó có thể sẽ là đứa liên-lạc dẫn du-kích đến giết anh ».

Tuy bề ngoài họ tuyên-bố đem quân-đội từ xa đến để mang lại văn-minh và tự-do cho nhân-dân thuộc-địa, nhưng họ lại áp-dụng những biện-pháp không có chút nào tin-tưởng nơi dân. Trái lại, thông thường, họ coi nhân-dân rất rẻ. Viện lý-do khẩn trương quân-sự, họ cho xe chạy không coi mạng người dân quê ra gì. Viện lý-do cần-thiết về quân-sự, họ không ngần-ngại bắn xả vào dân, nếu có lẫn lộn trong ấy một hai tên du-kích. Hơn nữa, họ bắt dân địa-phương đi trước quân-đội của họ, gọi là phương-pháp chống mìn và chống cạm bẫy của du-kích.

Còn một biện-pháp nữa mà họ tưởng đâu rất hiệu-nghiệm, là biện-pháp bắt bớ và tra tấn. Họ dùng những tên lưu manh bị địch xa thải để chỉ điểm và bắt bớ. Lẽ tất nhiên trong mười người bị bắt, thường có đến sáu bảy người oan ức. Họ bày ra những phương-pháp tra tấn càng ngày càng thêm dã-man và càng chó má : nào giựt điện, nào đổ nước, nào đóng đinh, nào treo thúc kế rút lên cao gọi

là đi tàu bay và trăm ngàn hình-thức của những bộ óc đê-hèn thối-nát sáng tạo ra . . .

Điểm lại các biện-pháp của quân-đội Pháp áp-dụng trên các thuộc-địa, của quân-đội Đức áp-dụng trên đất Pháp, của quân-đội Anh áp-dụng trên lãnh-thổ thuộc Hoàng-gia Anh, ta thấy rằng, đứng về phương-diện hiệu-nghiệm, họ tưởng đâu sẽ tiêu-diệt được du-kích, nhưng thực-tế lại khác hẳn.

Tại sao họ lầm tưởng như vậy ?

Họ đâu phải ngu-si, vì họ có học trường võ bị, có bằng cấp cao, có mặt mũi sáng sủa nhưng khổ một điều, họ không hiểu du-kích là gì. Chính vì thế nên họ chỉ nghĩ đến quân-sự và vũ lực để mong tiêu-diệt du-kích. Sự thật vấn-đề đâu phải đơn giản như thế. . .

Vậy du-kích chiến là gì ?

Khi một dân - tộc muốn chống lại một kẻ địch có quân-đội đông-đảo và đầy đủ phương - tiện, họ có thể tìm cách huy - động toàn thể nhân - dân dưới hình-thức nầy hoặc hình-thức khác để đứng lên chống giặc. Việc đó thường được gọi là *cuộc chiến-tranh nhân-dân*. Và chiến-thuật áp-dụng được gọi là *chiến - thuật du - kích-chiến*. Do đó du - kích - chiến có hai đặc tính để tồn tại và phát-triển.

Trước hết là *tính-chất nhân-dân*. Du-kích phát khởi và lớn mạnh trong lòng dân. Nó có chánh-nghĩa và tác-phong thân dân. Người đội-viên du-kích chỉ có thể sống trong làng nếu hầu hết bà con trong thôn xóm có cảm - tình với họ và che chở cho họ. Họ thường đối - sử với dân hết sức khôn-khéo. Họ không ngần-ngại làm như người đày tớ trong nhà của

Danh dự

Thi-sĩ Juvénal, trong tập Châm biếm, có câu thơ mạt sát tục hư, thói xấu của bọn quí tộc thời ông, rất mực sâu sắc. Ông giảng đạo đức cho một người đối-thoại tưởng-tượng và kết luận rằng : « *Để sống còn, đành chịu mất cái lý do để sống còn* » *(Et propter vitam, vivendi perdere causas)*, thâm ý của nhà thi-sĩ muốn đề cao danh-dự, khuyên người nên lấy danh dự làm lẽ sống cho đời mình. Câu ấy nhắc lại ta mấy châm ngôn của người Đông-Phương : « *Người quân tử phi nhân nghĩa thì không sống được* » (Hoài-Nam-Tử) ; « *chịu nhục để sống ở đời, người trượng phu lấy làm xấu hổ* » (Yên-Đan-Tử) ; « *liêm sỉ là việc lớn, tử sinh là việc nhỏ* » (Diệp-Mộng-Đắc).

người nào họ vận-động : xách nước, quét nhà, làm cỏ, cho heo ăn v.v... Không việc gì mà họ từ chối, vì chỉ có được lòng dân họ mới sống và chiến-đấu được.

Đặc-tính thứ nhì là du-kích-chiến có *tánh-chất trường-kỳ*. Nó là cuộc chiến-đấu bền-bỉ không thời-hạn. Khi bị đánh mạnh thì nó phân - tán mỏng và bí-mật ẩn-úp trong dân. Khi có thể tập-trung hoạt-động thì nó lại chiếm đất thiết - lập căn - cứ - địa, tổ - chức nhân - dân và các cơ - cấu chánh - trị, kinh-tế, xã-hội, quân-sự. Dựa vào dân, tranh-đấu cho dân, từ từ nó xây-dựng lên lực - lượng. Nếu một năm không thành thì, 2, 3, 10, 15 năm. Kế-hoạch tác-chiến của nó đặt trên cơ-sở lâu dài.

Vậy công-tác đầu tiên để xây-dựng du-kích là phải gây cơ-sở trong nhân-dân. Khi nhân-dân được tổ-chức và có ý-thức chống giặc thì họ mới đứng ra chiến-đấu võ-trang. Lúc bấy giờ, họ cố-gắng giành những thắng-lợi nho nhỏ để gây tin - tưởng trong dân. Những thắng-lợi của trận tác-chiến nầy chỉ có một phần mục - đích xây-dựng bản thân đơn-vị ku-kích. Nó còn nhiệm-vụ quan-trọng hơn nữa, là lôi cuốn nhân-dân đứng lên phối-hợp với họ để chiến-đấu. Họ đặt tin-tưởng không phải trên cơ-sở bản thân lực-lượng và phương-tiện đơn-thuần của họ. Họ trông cậy nhiều ở sức tranh-đấu của toàn thể nhân-dân. Nếu không huy-động được nhân-dân trong chiến-tranh thì cuộc chiến-đấu của họ không còn ý-nghĩa.

Du-kích-chiến tức là tư-tưởng vận-động nhân-dân, tổ-chức nhân-dân, và nhịp-nhàng phối-hợp với nhân-dân mà chiến-đấu. Hiểu du-kích-chiến là phải hiểu tư-tưởng căn-bản đó, chớ không phải nghiên-cứu cách gài lựu-đạn, đặt bãi cạm chông, phục-kích chận xe vận-tải để đốt và lấy hàng-hóa v.v... Mấy thủ-đoạn công-tác trên không phải là căn-bản của vấn-đề du-kích-chiến. Muốn chống lại du-kích, nếu chỉ tìm cách trừ những thủ-đoạn nói trên thì không thể thắng-lợi.

Vậy muốn chiến-thắng du-kích, phải kiểm-điểm lại xem những chủ-trương đường-lối của mình có hợp với nguyện-vọng chánh-đáng của nhân-dân không ? Đó tức là kiểm-điểm mình có chánh-nghĩa hay không ?

Và sau khi xác-nhận chánh-nghĩa của cuộc đấu-tranh của mình, thì lúc bấy giờ phải gây cho nhân-dân ý-thức tìm về chánh-nghĩa chống lại những phần tử phản-động phi-nghĩa. Như vậy, công-tác chống du-kích đầu tiên là một công-tác chánh-trị chớ không phải quân-sự.

Nếu chỉ dùng chánh-trị để nói suông cũng không thành-công được, bởi vậy nên, kề đó cần có phối-hợp của hoạt-động quân-sự. Phải thực-hiện những cuộc hành-quân khôn-khéo tránh được thiệt-hại cho dân và tiêu-diệt lần hồi các lực-lượng võ-trang địch. Những thắng-lợi quân-sự nầy cần-thiết để củng-cố lực-lượng quân-sự bản-thân và tiêu-diệt lực-

lượng quân-sự địch. Nhưng đồng-thời nó phải có mục-đích lôi cuốn nhân-dân.

Thừa cơ-hội thắng-lợi quân-sự, phải có biện-pháp tổ-chức nhân-dân. Nhẫn-nại, mềm-mỏng và bình-tĩnh tranh-thủ nhân-dân, biến họ thành hậu-thuẫn của lực-lượng mình, và thúc đẩy nhân-dân tự mình đứng lên tranh-đấu. Thiết-lập và chấn-chỉnh các cơ-sở hành-chánh, quân-sự, chánh-trị, xã-hội cho hợp với đường lối thân-dân. Như vậy, những hoạt-động quân-sự không bị cô-lập và hướng về xây-dựng lực-lượng nhân-dân. Du-kích là một thứ quân sanh ra trong nhân-dân, sống nhờ nhân-dân. Nếu ta tranh-thủ được nhân-dân và tổ-chức được họ, thì lúc bấy giờ du-kích địch mất chỗ nương-tựa và sẽ là một lực-lượng rất dễ bị tiêu-diệt, vì nó không còn cơ-sở để tồn-tại.

Cũng vì lý-do đó nên những cuộc hành-quân chống du-kích phải có nhiệm-vụ chánh và căn-bản, là tranh-thủ lòng dân trong khi diệt du-kích chỉ là nhiệm-vụ thứ-yếu. Vì diệt du-kích cũng là để lấy lòng dân. Ta phải đóng vai trò của một kẻ đem lại an-ninh và công-bằng xã-hội cho dân. Trái lại, nếu diệt du-kích mà mất lòng dân, thì cuộc hành-quân không còn ý-nghĩa, vì chính nó tạo cho địch những điều-kiện thuận lợi để kéo nhân-dân ngả thêm về phía địch.

Nhìn lại biện-pháp chống du-kích, ta có thể ví như một người có nhiệm-vụ diệt trừ một cây thuộc loại có sinh-lực mạnh. Nếu mài dao búa cho thật bén để chặt nhánh nầy, rồi lại sang chặt nhánh khác, thì cây đó sẽ nảy nở lên càng mau chóng và càng đâm chồi mọc nhánh càng nhiều. Chặt nhánh mãi, cây không chết mà người có nhiệm-vụ diệt cây đó sẽ mỏi mòn. Tốt hơn là cương-quyết nhẫn-nại và trì chí đẽo từng nhát búa vào gốc cây nói trên. Gốc dù có to và cứng rắn hơn nhánh, vẫn phải bền chí từ từ mà đốn. Một khi đứt tận gốc, thì dù tàn nhánh có to lớn mấy đi nữa cây cũng sẽ ngã quỵ.

Chống du-kích thành-công là phải chặt góc rễ của nó trong nhân-dân vậy.

P. N. T.

★ Trách vấn quá đáng đối với lỗi phạm của người dưới thường đưa tới kết quả trái ngược hẳn với kết quả mong muốn. Người dưới tất sẽ phẫn nộ đối với người trên, khi bị trách vấn nặng lời về một lỗi không đáng, lần lần mất tin-tưởng nơi người trên và coi đó là một lý-do để quên hẳn phần lỗi của mình.

★ Cần tránh sự hấp tấp qui tất cả một lỗi vào một thói xấu bẩm sinh, không còn thể sửa chữa được nữa, vì mặc dù có đúng như vậy chăng nữa, sự yên trí của ta cũng khiến cho người mất hết khả năng cải hóa.

ĐOÀN - THÊM

NGƯỜI VIẾT
VÀ
NGƯỜI ĐỌC

BẠN tôi là nhà văn Cống, đã có lần gạn hỏi : khi viết, anh chỉ ngắm về đề-tài, hay có nghĩ tới độc-giả ? và nếu có, thì như thế nào ?

Về phần Cống, thú thiệt là không : thấy tình cảnh ý tứ gì cho là đẹp là hay, thì vận dụng hết khả-năng để viết thành một tiểu-thuyết ngắn, dài. Anh không có dụng-ý chiều lòng ai hết, vì theo Anh, nghệ-thuật dẫu nên phổ-biến cũng vẫn có tánh-cách cao quý không thể lệ-thuộc xu-hướng của tầng lớp nào trong xã-hội. Anh còn có tham-vọng thông-thường của nhiều người cầm bút, cố đi tới những tác-phẩm lâu bền vượt quá thế-hệ này để truyền lại cho đời sau.

Bạn tôi quả-quyết bao nhiêu, tôi lại phân-vân bấy nhiêu : ở những phạm-vi phức-tạp như văn-chương, tôi hay nghi ngại những thái-độ cực-đoan thường không sát thực-tế. Cống tha thiết với công-cuộc sáng-tác, có một quan-niệm mạnh mẽ nhưng hơi thiếu khiêm-tốn, không ngần ngừ tách biệt, nếu cần, nghệ-thuật siêu-việt vĩnh-cửu với sở-hiếu nhất-thời của một lớp người trong đó có tôi.

Tôi đã băn-khoăn tự hỏi : viết báo in sách, dĩ-nhiên phải cầu có người mua và đọc ; đợi ba trăm năm sau mới có kẻ cười hay khóc, thì hơi lâu, vì báo chắc đã bị đem gói đồ và mọt gặm còn đâu ? trong khi chờ đợi, toà báo chẳng dám cạy

viết, nhà xuất-bản cũng không còn can-đảm ấn hành giúp, viết để rồi sống với sự ngạo-nghễ suông hay sao ?

Tôi thiết nghĩ vấn-đề mà Cống nêu ra cần được đặt theo cách khác : nhà văn mong được hiểu biết để làm gì, nếu không để giúp ích về mặt này hay về mặt khác, nêu vấn-đề, góp ý-kiến, mách tài-liệu, gợi mỹ-cảm, cống hiến hứng-thú... Họ muốn gây tình thân với người trí-thức bốn phương bằng cách chính-đáng nhất (ít ra về phương-diện lý-thuyết). Họ đi bước trước, chìa tay ra với hy-vọng được những người đồng-thời xa lạ bắt chặt. Nghiên cứu hay sáng-tác, họ là những kẻ đi tìm tâm-hồn bạn : chẳng được thì đành chịu, nếu có thể, sao lại thiếu thành-thực mà ngỏ ý không cần ? Chẳng nhiều thì ít, người cầm bút có nghĩ tới độc-giả.

Mối liên-quan quí hóa nhất giữa tác-giả và độc-giả là dây thân-hữu. Nhưng muốn đạt mục-đích, tất phải dò đúng nhu-cầu, nguyện-vọng, sở-thích, khuynh-hướng của người đọc : biết lấy chi mà đo lường chắc chắn ? Mà giả thử có biết rõ, chưa hẳn đã có thể chiều lòng, vì thiếu tài, hoặc vì thị-hiếu của đa-số không hợp với tôn-chỉ của nhà văn. Bởi những điều-kiện để lôi cuốn khó khăn quá, thay đổi tùy loại văn và tùy mỗi giới, nên chưa ai mách nổi một cách *tích-cực* và vĩnh-viễn cần viết ra sao để hấp dẫn. Song, từ quan-niệm « bạn », nếu người viết nghĩ tới người đọc và coi như bạn, thì ít nhất cũng có thể suy-luận ra về phương-diện *tiêu-cực*, những điều tự-giới tự-giác, những sự nên tránh vì ngăn trở sự thông-cảm để tương thân.

***

Trước hết, đã là bạn bè ngang hàng với nhau, có lẽ nào không nể vì, nên người viết sau có thể coi rẻ người đọc ? Chính Cống cũng vẫn bực mình, khi nhắc nhở tới những ông như V. Hugo tự coi là bó đuốc, ngọn hải-đăng, sao bắc-đẩu soi sáng để dẫn đường cho quần-chúng. Người ta mở sách của ông để tìm an-ủi, vui thú, cười khóc, mơ màng hay cọ sát ý-kiến : tác-giả lại chỉ muốn người ta mù loà để dìu dắt. Sự khuất-phục nếu có, phải tự-nhiên chớ khó lòng đòi hỏi, mà chắc đâu đã thú bằng cảm-tình ? Coi nhau là bằng hữu thì mong được mến.

Cống thường bảo tôi : mình không nên lên giọng dạy đời, biết đâu trong số độc-giả lại chẳng có những vị đáng bậc thày mình ? Nên khi viết bài phê-bình các tác-phẩm, Cống cố tìm hiểu để giúp người ta dễ thưởng thức, hoặc yêu cầu tác-giả thử xét lại một vài điểm xem có thực hợp-lý chưa hay có đặc-sắc gì không : khác xa giọng ông thày giảng bài vạch lỗi bắt bẻ học-sinh cho cả lớp rút bài học. Tôi cũng muốn theo gương Cống ; vì thế, ở một vài phạm-vi, khi gặp vấn-đề nan-giải, tôi thấy người viết chỉ nên tỏ rõ tánh-cách quan-trọng hay cần-cấp, với các trạng-thái, để người đọc cùng tìm giải-pháp, đưa ra ý-kiến khơi mào, chớ không tự hào cố ý ấn vào đầu bạn những quan-niệm cứng nhắc của kẻ yên trí nắm vững cả chân-lý trong tay.

Ngoài ra, bạn bè tuy cùng nhau giúp vui chia sầu, không thể quá đà chiều chuộng mà khuyến khích sự bậy bạ. Nếu lỡ ra bạn thích những nguồn say sưa vẩn đục, không

can ngăn nổi thì thôi, nhà văn lẽ nào dùng tài trí xúi giục ? Nhiều thứ u-tình, dục-vọng và ác-tính tiềm tàng, dù chẳng khiêu gợi cũng đủ sức mạnh ngấm ngầm và chỉ cơ-hội vọt ra ; các triết-học, các luân-lý và các tôn-giáo, mấy ngàn năm nay, không diệt được mà cũng chưa tìm hẳn được biện-pháp gì hiệu-nghiệm, để chế ngự mà đưa vào hướng thiện. Trong khi đó, nhất là từ nửa thế-kỷ nay, văn-chương nhiều nước tân-tiến lại bị tràn ngập bởi những tác-phẩm về văn những tâm-trạng kể trên một cách trắng trợn, và một số nhà văn tuy đã nổi danh cũng không có can đảm đi ngược trào lưu. Họ tài cao học rộng, biết hơn ai những điều hay lẽ phải, mà vẫn tung ra những sách có hại, nên tôi có cảm tưởng rằng hành-động của những vị đó bao hàm một ẩn-ý bi-quan và khinh bỉ ; hình như họ muốn nói : hỡi độc-giả, con người của các anh chỉ có những sự xấu xa đó thôi, các anh thích thì chúng tôi cho mê ly ! Trái lại, nếu trọng phẩm-cách bạn, nếu khi viết nhớ rằng bạn là những người cha đương cần dạy dỗ các con, những bà mẹ hiền, những người vợ ngay thẳng, những thiếu-nữ trong trắng, những thanh-niên chờ đợi sự cao quí hùng mạnh... thì không thể nào múa bút ngông cuồng : viết một bức thư cho bạn, còn không thể nói bậy bạ, huống hồ viết sách ?

Về điểm này, Cống hơi phân vân và hỏi lại tôi : nhiều khi cũng cần trình-bày hay mổ xẻ ; có những pho tượng bức tranh khỏa thân của những nghệ-sĩ như Michel Ange hoặc Raphael, ở nhiều cung điện lăng miếu tôn-nghiêm, các viện bảo-tàng, các trường mỹ-thuật ; có những lời xưng tội nhận lỗi thầm kín của J.J. Rousseau hay A. Gide, những sự phân-tích hay thổ-lộ thiết-tha của những Verlaine, Colette, P. Louys, bà De Noailles : phải nhận là đẹp và có sức hứng khởi người viết và quyến rũ người đọc. Làm thế nào mà tránh ? Nếu không ai nói tới hay phô ra, chẳng cũng thiệt thòi cho nghệ-thuật thuần-túy ?

Tôi cũng nhận thấy vấn-đề rất tế-nhị nan-giải, và ở nhiều trường-hợp, khó lòng quả quyết rằng có mục-đích khiêu gợi đáng trách hay là chỉ có mỹ-quan mỹ-cảm ? Ai dám đề nghị vứt bỏ tượng lồ lộ Venus de Milo đi, hay mặc cho nó cái áo ? Trong những đào hát phô thân ngà ngọc, tôi cũng thấy nhiều khi quá trớn : song các bà hoàng, bà chúa, bà đại-sứ, bà thủ-tướng nhiều nước tân-tiến, trong các buổi dạ-hội, triều-kiến, yến-tiệc quốc-tế, cũng có những cánh tay, những tấm lưng... của G. Lollobrigida hay A. Ekberg : thế thì tán thành hay bài bác ? và sao cho khỏi hoang mang ? Đối với những sự hiển-nhiên như vậy, còn băn khoăn lương-lự, huống chi ở phạm-vi vô hình, lời văn, điệu thơ ?

Phải ngẫm mãi, tôi mới trả lời được Cống : theo tôi, Đẹp đáng quí, nhưng quí hơn và cần hơn cho đời sống chung mà Đẹp phải nhượng bộ, là sự thanh-nhã, điều-kiện tối-yếu để các tâm hồn yên tĩnh và trật-tự xã-hội khỏi bị đảo điên. Đối với dục-tình, nên xoa dịu, tôi không muốn, không dám và không thể khiêu khích. Tôi tin rằng có những bản-tính tốt, nên kêu gọi những tính tốt đó ở những con người mà tôi mong thành bạn.

Cống còn bảo : nếu đã dè dặt như vậy, tất phải thận-trọng cả về lời lẽ. Tôi nhận là rất cần, cũng vì lý-do phải kính nể bạn

đọc. Trong đời sống hàng ngày, dĩ-nhiên phải tránh những ngôn ngữ suồng sã, nhảm nhí, thô tục ; có ai dám đứng trước ngã ba mà hoa chân múa tay kêu gào những tiếng bẩn thỉu khiến người nghe phải phát ngượng ? Thế thì khi viết, giấy trắng mực đen, bút-tích có thể còn lâu dài, lẽ nào Cống và tôi không giữ gìn ? Người viết một cách buông thả, cho ta cảm tưởng rằng không coi thiên-hạ vào đâu, bất cứ ý nào lời nào của đương-sự cũng hay cũng đẹp không cần chọn lọc. Khi cầm bút, riêng tôi không dám như vậy và thường tự bảo : người đọc, rất có thể đầu râu tóc bạc như các bậc tôn-trưởng tôi, trẻ trung như các em tôi, bằng tuổi ngang hàng tôi : giả thử tôi vung tay múa bút ném ra những câu thiếu lễ-độ, khinh bạc, sàm báng, khác nào tôi bất kính đối với người trên, gợi sự khinh nhờn của người kém tuổi, dù sao cũng sỗ sượng đối với chúng bạn. Ấy là chưa kể một điều khác rất đáng quan tâm : văn-tự là của cả một dân-tộc, nếu không đủ năng-lực tô điểm, ít nhất tôi không dám bôi nhọ ; và giả thử có người ngoại-quốc nào tò mò xem xét, tôi cũng mong rằng không có đoạn sách dòng chữ nào của Cống hay của tôi khiến cho họ ngộ nhận tai hại về phong-tục và tâm-tình của người Việt-Nam.

Cống cũng đồng-ý với tôi, nhưng còn hoài nghi : mới chỉ có những điều-kiện tiêu-cực thế thôi, đã chắc chi thành công, nghĩa là gây được thiện-cảm ?

Tôi biết Cống nghĩ về tài-năng cần có và sự tri-ngộ tùy ở sự may rủi : dĩ-nhiên rồi, bất-tất phải bàn, nhất là tôi vẫn chỉ tìm đường tránh lỗi. Dù sao, rồi cũng thấy chưa đủ để thực-hiện ý-nguyện cầu thân. Muốn giao kết, mỗi bên phải một chút thiện-chí, người này phân trần bộc lộ, người kia phải sẵn lòng tìm hiểu. Nên khi xét về phận-sự tối-thiểu của nhà văn đối với người đọc, tôi còn trông cậy nhiều vào thái-độ mà người viết mong mỏi ở độc-giả.

Là độc-giả, tôi đã, vẫn, và sẽ còn mãi tư-cách đó, nên muốn công-bằng, tôi tự xét xem thường đọc và đối với các tác-giả như thế nào.

Tất-nhiên khi cầm cuốn sách hay tờ báo, tôi đòi hỏi trước hết những gì hợp với sở-thích và nhu-cầu riêng. Song một điều mà tôi từng nghiệm rõ-rệt, là sự thay đổi tâm-trạng tùy trình-độ trí-thức, tùy tuổi, tùy cả ngày giờ.

Tôi đã ưa rồi ghét tiểu-thuyết Tàu hay truyện Eugène Sue, ghét rồi ưa tác-giả ngụ-ngôn La Fontaine, thi-sĩ Baudelaire hay bao nhiêu nhà văn nữa. Chẳng thấy những yêu-đương nồng thắm hay màu sắc rực rỡ, tôi đã chán thơ Les Destinées của Vigny cho tới khi băn-khoăn về định-mệnh con người trong vũ-trụ lặng thinh, cũng như đã nản vì đọc thơ Valery trước khi tập thăm dò tiềm-thức và thắc-mắc về những bí-huyền của bản-ngã và trí-tuệ.

Vừa đi làm việc về, đầu óc còn rối ren vì vài vấn-đề khá phức-tạp, muốn tạm quên cho đỡ nhọc, vớ một số tạp-chí toan đọc, lại thấy toàn những «bàn về...» «xét về...» những luận-thuyết vỡ đầu, mà nhiều lúc khác tìm tòi tra cứu tôi chẳng thấy nát óc. Trái lại, mặt hoa dịu sầu của một công-chúa thất-tình với những bài phóng-sự về

duyên phận nàng, mà tôi rất thích coi mỗi khi gặp ở các báo ngoại-quốc, có lúc làm cho tôi cáu tiết vì đương băn khoăn chờ đợi tin con đi thi...

Lâu dần, tôi không tin lắm ở những đòi hỏi chủ-quan của tôi nữa : nhiều khi tác-giả chẳng tội tình gì, văn hay là khác, mà tôi để cho những xúc-cảm chốc lát tràn ngập lôi cuốn ngả nghiêng nên tôi thiên lệch : thôi, hãy đợi lúc thăng bằng trở lại, tâm tình yên lắng hãy đọc, may ra xét đoán ngay thẳng hơn.

Nguyễn - Du vẫn là Nguyễn-Du muôn thuở ; nhưng có bận tôi xem Kiều, thần trí đương lúc căng thẳng, giải phẫu từng câu từng chữ, thấy nhạt nhẽo hoặc cầu kỳ ; nhưng lần khác, rầu rĩ chốn thư-phòng hiu quạnh, tôi ngâm mấy đoạn, lại thấy thâm cảm vì giọng điệu não nùng tha-thiết ; cho nên từ đó, tôi không vội vàng chê trách, chẳng thấy hứng thì hãy cất sách vào tủ, để lúc canh trường nào đó, tôi lại mượn lời tác-giả cho hả nguồn cơn : thì ra muốn thưởng thức, người đọc cần chuẩn bị tâm hồn.

Cống và tôi tập đọc đã lâu năm, mà mãi mới khám phá ra sự thiệt-thòi, cũng chỉ vì không có ý-niệm rõ rệt về mục-đích. Hồi xưa, chúng tôi mua sách xem báo, chỉ ưa có tiểu-thuyết và thơ, rồi có cảm-tưởng mơ hồ rằng văn-chương chỉ có thế, hoặc chỉ có thế là đáng đọc. Mua tờ tạp-chí nào, hai đứa cũng chỉ mở ngay các mục kể trên, và lời phê phán của chúng tôi tùy ở truyện và thơ hoặc dở hoặc nghe được. Chúng tôi dửng dưng đối với các mục khác, và chưa coi đã yên trí là khô khan buồn ngủ. Về sau, thấy mua báo như thế phí lắm, tiếc tiền nên cố đọc qua xem sao, may ra lại trúng vào một số bài viết rành mạch, nhiều luận - điệu có lý, nhiều tài - liệu mới lạ, hiếm-có, đến nỗi chúng tôi phải thú với nhau : giá thử không chịu xem, thì quả là nhiều vấn-đề quan-trọng bị bỏ qua. Để đề phòng trường - hợp đó khỏi xảy ra nữa, đến những số tạp - chí sau, chúng tôi thi đua đọc hết. Rồi quen đi và nhận ra : trước kia thờ ơ vì thực ra chỉ đọc để giải trí, nên quên rằng phải hiểu biết sâu rộng hơn. Nhưng tại sao có thói quen kia ? Có lẽ một phần lớn vì khi ở tiểu - học hay cao - đẳng tiểu - học, duy có thày dạy văn-chương dẫn giải cho những điều hay ở truyện và thơ, còn các giáo-sư khác đi ngay vào bài chuyên - khoa, không bao giờ bắt đầu giảng cho hiểu thấu sự ích-lợi, sự cần-thiết về mọi phương-diện của địa-dư, sử-ký, hội-họa, vạn-vật, vật-

Chân nhân, đạt nhân

Thi-sĩ Virgile (Géorgiques, II, 489) có câu thơ bất hủ, tán tụng kẻ quán triệt càn khôn, vượt trên mọi mê-tín dung-phàm. Đó là câu : « *Félix qui potuit rerum cognoscere causas, Đại phúc cho kẻ thấu hiểu được nguyên-lý sâu kín của sự vật* ». Đông-Phương gọi những bậc ấy là « chân nhân », « đạt nhân ».

lý v v... Thành ra tiểu-thuyết và thi-ca dễ được thích thú, còn các môn khác chỉ là những thứ « nhồi sọ » phải học cho đủ chương-trình thi, và sự cưỡng-bách càng tăng tánh-cách khô-khan ; về sau học trò trở nên độc-giả, thì mặc-nhiên báo thù bằng cách sử dụng quyền tự-do mà gạt bỏ cho bõ ghét những đề-tài khắc-khổ. Đến khi tự hiểu nổi giá-trị của các ngành kiến-văn, thì đã lỡ mất nhiều dịp học hỏi. Ngoài ra, cũng tại một số khá đông tác-giả hễ bàn xét về xã-hội, chánh-trị kinh-tế... cứ cố ý hoặc vô-tình dùng những giọng quá trịnh-trọng, những câu quá hàm-súc, những chữ rất khó hiểu, đại-khái như một bài học trong lớp, nên dễ nản lòng người đọc.

Dù sao, từ khi nhớ rằng đọc sách đọc báo còn có mục - đích học hỏi, chớ không phải chỉ để mua vui mua buồn, Cống và tôi không ngại tìm hiểu, và đã muốn như vậy, thì không ngại khó-khan nữa. Nếu ngại mà không đọc e sẽ lạc-hậu lỗi-thời, không theo kịp đà tiến-hóa chung của nhân-loại. Nếu người trí - thức ở thế - kỷ thứ XVII chỉ cần biết ngâm vịnh hay nói khéo cũng đủ lên mặt « kẻ sĩ » (l'honnête homme) thì ở thời nay, Cống và tôi sẽ rất thẹn nếu so sánh trình-độ của mình với mức trung-bình của người dân nước tiến - tiến : mỹ-thuật, khoa-học, chánh-trị, các vấn-đề dân-sinh, không có gì quan - trọng xảy ra trên thế-giới hiện-tại mà họ không theo dõi, cứ ngó qua những tạp-chí ngoại-quốc phổ-biến cho hàng bốn năm triệu độc-giả, cũng đủ rõ ngay có bao nhiêu sự không thể không biết. Khi người ta thi nhau tranh đoạt các tinh-cầu ; khi số phận cả thế hệ đương tùy thuộc những giải - pháp phải tìm cho những vấn - đề ngoại - viện, khai - thác những miền chậm tiến, tài - giảm binh - bị, tổ-chức văn-hóa quốc-tế, cộng-đồng kinh-tế, nhân-mãn và thực-phẩm cho 2.500 triệu người... trong khi đó, lẽ nào người công-dân có học ở Việt-Nam độc-lập, lại chẳng hề quan tâm ? Tại sao chúng tôi không lợi dụng để hiểu biết, khi sẵn có người xem xét trước hộ, ngẫm nghĩ hộ, mổ xẻ hộ, dẫn giải hộ ? Thấy cần, thì chúng tôi cố đọc, đọc quen đi thì triết-lý Bergson cũng có thể cho hứng thú để rung đùi : do đó, chúng tôi không ghét và không sợ những nhà học-giả nữa.

Tội-nghiệp. Người ta học mờ cả mắt, nghiền ngẫm bao ngày, lục lọi mãi mới được vài con số thống-kê hay đôi câu trích lục, cân nhắc lẽ phải điều trái, lo lắng rằng lỡ kiểm điểm không kỹ thì đưa người đọc vào chỗ lạc lầm, có khi đắn đo về từng cảnh tình, từng vần điệu, từng câu, từng chữ, chữa bản thảo của nhà in cũng nhức đầu, bứt rứt từ lúc thai nghén đến khi tác-phẩm ra chào đời. Rồi chúng tôi bỏ ra 10$, 30$ mua tờ báo hay cuốn sách, thấy không ưa, chẳng buồn đọc, hoặc xem qua loa, may ra tôi gật gù tặc lưỡi ban cho một chữ : « được », nhiều khi chúng tôi chiếu quyền tự-do bất-diệt vô-biên quyết đoán một cách bất-khả-kháng-cáo, bẻ chỗ này, chê chỗ khác dù tác-giả có tên tuổi.

Rồi đến lượt Cống theo gót người ta : ác giả ác báo, và qua cầu mới biết nỗi khổ-tâm của người cầm bút, bút-đàm hầu chuyện độc-giả, mà mấy khi có cơ-hội : ai chê trách, Cống chẳng có mặt mà phân trần bào chữa, vả chăng đã chắc gì được đọc và đọc kỹ cho ? Tôi nhớ ra mấy câu thơ cổ do E. Faguet nhắc lại :

« Số phận của con người như sau :
« Nhiều kẻ được vời, ít kẻ được tuyển,
« Số phận của sách như sau :
« Nhiều cuốn được đánh vần, chẳng mấy cuốn được đọc kỹ »

« Le sort des hommes est ceci :
« Beaucoup d'appelés, peu d'élus,
« Le sort des livres est ceci :
« Beaucoup d'épelés, peu de lus. »

Song nhận xét đó chỉ khiến chúng tôi chăm chú đọc, lỡ có điều chi hơi khó hiểu hoặc xa lạ, chúng tôi không hấp tấp buộc tội nhưng thường hỏi nhau : chắc tác-giả có dụng ý gì đây chăng ? Đọc cũng để tìm thanh khí bốn phương. Chúng tôi cố khám phá những điểm gì hay, những vẻ gì đẹp, những điều gì có ích cho mình chẳng nhiều thì ít, ở bất cứ loại bài loại sách nào có thể đọc : nếu không hợp với tôi, có khi lại hợp với Cống, và biết đâu đấy ? với nhu-cầu của đa-số và của văn-học Việt-Nam, của những gì vượt quá cá-nhân tôi.

Đem thiện-chí đáp lại công-phu của các tác-giả được chọn lọc, tôi đã biến dần những vị đứng trong tủ sách của tôi thành những người thân mến : nói chuyện thầm với các bạn đó, thú hơn cả với Cống cũng như Cống ưa hơn là cãi vã với tôi. Tôi cảm ơn họ đã cho tôi những giờ phút hào hứng và giúp đỡ tôi nhiều ; và giả thử A. Maurois trông thấy bộ sử « Histoire du Peuple Américain » của ông ở bàn tôi, với nhiều tờ đã mang vết hoen cùng những vạch bút chì xanh đỏ, chắc ông cũng không tiếc gì tôi một nụ cười và một cái bắt tay.

Đ. T.

✱ Thường những lỗi khiến cho người trên giận dữ nhất lại là những lỗi mà người trên phải chịu trách-nhiệm nặng hơn hết, bởi lẽ người trên đã không biết cách biện giải cho người dưới hiểu mình hoặc đã không kiểm-sát khi thi-hành công việc.

✱ Trách mình nhiều, trách người ít thì không hay gây ra oán hận (Luận Ngữ)

✱ Khi phải trách vấn, muốn cho đỡ bất công, nên xét đến những trường-hợp giảm khinh hơn là chỉ nghiêm khắc xét nguyên đến những sự kiện đã xảy ra. Người ta ít khi thật muốn điều xấu, điều dở. Sự sơ khoáng, sự vô tâm mặc dù đáng trách đến đâu, cũng có thể lý giải bằng những nguyên-nhân mà người trên có quyền tìm kiếm cho ra và có nhiệm-vụ phải sửa chữa cho được.

✱ Đang khi giận dữ và cáu kỉnh, nên tránh sự trách vấn ; vì trách vấn trong những lúc ấy, lời trách vấn thường kém hiệu quả và bạn cũng mất uy-tín đối với cộng sự viên vì tỏ ra thiếu bình tĩnh ôn hòa.

NƯỚC ANH ĐÃ VÀ SẼ LÀM GÌ CHO THANH-NIÊN ?

* *CÔ-LIÊU*

BÊN Anh số thanh-niên và thanh-nữ từ 15 đến 20 tuổi lên tới bốn triệu người. Sự sinh-sản tăng-gia từ thời hậu chiến, theo đà ấy thì từ 3 đến 5 năm nữa số thanh-niên cỡ tuổi ấy sẽ lên tới con số năm triệu, con số kỷ lục chưa từng có từ sau hồi chiến tranh.

Tình trạng ấy đặt ra cho nước Anh nhiều vấn-đề quan-trọng phải giải quyết. Dưới đây chúng tôi sẽ trình bầy những quan-điểm của đảng Lao-Động Anh đã được công bố dưới hình-thức một bản điều-tra nhan đề là Younger Generation (1). Có thể rằng thiên điều-tra này chưa nêu ra hết các vấn-đề thanh-niên, và chỉ phản-ảnh cách nhìn riêng của một đảng-phái, nhưng cũng đem lại cho ta nhiều tài-liệu để suy ngẫm.

*

Sự kiện thứ nhất dễ thấy hơn cả là thanh-niên Anh ngày nay có tiền nong dư dật hơn các thế-hệ trước, vì nền kinh-tế quốc-gia phồn thịnh và họ đều có công ăn việc làm. Trung bình thanh-niên kiếm được mỗi tuần lễ 5 bảng rưỡi (độ 550 đồng bạc Việt-Nam), phụ nữ 4 bảng rưỡi (độ 500 đồng). Họ đưa lại cho cha mẹ ít hơn ngày trước và giữ một số tiền túi khá nhiều. Do đó xuất hiện một « thị trường cho thanh-niên dưới 20 tuổi » gồm những vật phẩm chỉ có thanh-niên ưa dùng.

Điều thứ hai là thanh-niên chóng lớn hơn thế-hệ trước, có lẽ vì y-tế tiến bộ và họ được nuôi dưỡng đầy đủ hơn. Vì cơ thể sớm phát-triển nên họ sớm biết tình-dục. Ngày nay bình thường con gái 13 tuổi đã có ý thức tình-dục thay vì trước kia 17 tuổi.

Thanh-niên sớm biết tình-dục lại sẵn phương-tiện tài-chánh nên sớm có khuynh-hướng về hôn-nhân.

Về phương diện tôn-giáo, thanh-niên kém phần sùng đạo, họ không năng lui tới giáo đường, trái lại họ thích đọc báo chí, coi vô-tuyến truyền hình.

(1) Transport House Smith square London Sw.

Ngày nay thanh-niên được trau dồi kiến thức và văn-hóa mới, khác hẳn những phương tiện dạy dỗ, những quan-niệm về đời sống đã đào luyện cha anh họ, bởi vậy rất khó có một sự cảm thông giữa hai thế-hệ trẻ già. Xã-hội người lớn không có liên-lạc thân-mật với thanh-niên, đã căn-cứ vào vô-tuyến truyền-hình, điện-ảnh, báo-chí để tạo ra một hình-ảnh cứng ngắc và vụng về về thanh-niên. Thanh-niên không được người ta hiểu mình nên đã lẩng tránh người lớn để tự tạo một lối **sống riêng.**

Tình-trạng ấy không khỏi làm cho phụ huynh và thầy học phải bận tâm. Người ta đã cố gắng tìm hiểu những nhu-cầu của thanh-niên trên mọi phương diện giáo-dục, giải-trí, hôn nhân và đời sống cộng đồng để cải thiện và bổ cứu guồng máy xã-hội cho thích hợp với những đòi hỏi ấy.

Phương thức giáo-dục phải vượt tiêu chuẩn kiến thức phổ-thông và chuyên môn và phản ảnh đời sống.

Bên Anh trẻ con bắt buộc phải theo học cho đến năm 15 tuổi. Hết tuổi ấy 80% trẻ em thôi học. Người ta nhận thấy không có lợi khi đứa trẻ mới hiểu biết đã bị cắt đứt liên lạc với nhà trường. Các nhà giáo-dục đều đồng ý nên tăng thêm tuổi học bắt buộc đến 16 tuổi. Về phương-diện pháp luật, Bộ Giáo-dục đã ban hành đạo luật « Education Act » năm 1944 quy định cho trẻ em đã học nghề có phương-tiện theo học lớp bổ túc cho đến năm 18 tuổi nhưng luật đó không bao giờ thi-hành vì thiếu nhân viên, lớp học v..v... Tuy rằng đã có biện pháp bớt giờ làm việc cho thanh-niên tập việc để họ theo lớp luyện nghề nhưng chỉ có 1 phần 4 thanh-niên theo các lớp đó mà thôi.

Quan điểm của đảng Lao-Động là phải định rõ ngày áp dụng luật tăng thêm tuổi học bắt buộc, mặt khác bắt buộc một thời hạn học ít giờ bổ túc về kiến-thức phổ-thông đến năm 21 tuổi, cho những trẻ em đã thôi học. Các chủ nhân phải bớt giờ làm việc cho những thanh-niên theo học lớp bổ túc. Ngày áp-dụng có thể xa hay gần tùy tình-trạng xã-hội, nhưng phải có một quyết-định cụ-thể để bắt buộc nhà cầm quyền chuẩn bị thi hành, bằng không thì không bao giờ những dự định ấy thành hình **được.**

Trong khi chờ đợi phải có những biện-pháp khuyến-khích thanh-niên học thêm như sửa lại chương-trình trung-học cho rộng-rãi hơn trước để thỏa-mãn sự đòi hỏi của thanh-niên. Đối với học trò lớn, thầy học phải bớt sự kiểm thúc gắt-gao như đối với trẻ nhỏ. Đối với thanh-niên, nhà trường không những chỉ là nơi học chữ nghĩa mà còn phải là nơi sinh-hoạt cộng đồng. Thầy học và bạn bè phải là những người chỉ cho họ biết những phim hay, những bản nhạc, những bài báo nên đọc, nên nghe, họ phải có người để bàn-bạc về một trận banh, một giải đua xe đạp. Nếu họ thấy nhà trường là nơi chỉ dẫn cho họ biết rõ những vấn-đề muốn biết, giúp họ phân biệt hay dở trong bước đầu mới vào đời, tự dưng họ quyến-luyến nhà trường.

Mục đích của các tổ-chức thanh-niên là huấn-luyện về mặt xã-hội, huấn-luyện thân-thể và giải-trí cho thanh-niên từ 15 đến 20 tuổi đã thôi học.

Tuổi trẻ là tuổi hoạt-động, trông tìm và khám phá. Thanh-niên cần tiêu-thụ nguồn sinh-lực dồi-dào, họ cần chỗ khoảng-khoát, họ cần những mục tiêu hoạt-động hợp với sở thích.

Nhiều thanh-niên quan-niệm khoảng thời gian làm việc là những « giờ chết » không sinh thú gì cả. Xã-hội phải có biện-pháp quân-bình sinh-lý của họ, nghĩa là thỏa-mãn những nhu cầu giải-trí hay hoạt-động thể-thao, văn-hóa để bù lại những giờ bị bó-buộc trong công việc.

Trong lớp thanh-niên ngoài 15 tuổi chỉ có 20% được theo học các lớp trên, còn 80% phải bỏ hẳn nhà trường. Số 20% thanh-niên trên, đã được dự vào những hoạt-động thể-thao du-hí của nhà trường. Nên chỉ còn vấn-đề phải thỏa-mãn nhu cầu hoạt-động của 80% thanh-niên đã thôi học.

Đành rằng đã nhiều xí-nghiệp, nhiều thị-trấn có tổ-chức riêng cho thanh-niên nhưng nhận xét trên bình-diện quốc-gia thì như thế còn quá đơn-giản và thiếu-thốn.

Vấn-đề thanh-niên đã được chính-phủ Anh chú trọng đến và hoạt-động của chính-phủ đã được cụ-thể hóa bằng 2 văn-kiện: Thông-tư năm 1939 về việc thành-lập Nha Thanh-Niên và đạo Luật Giáo-Dục 1944. Nhưng sự thi-hành không được xúc-tiến mạnh-mẽ, quỹ chi tiêu về thanh-niên chưa đến mức quan-trọng đáng ra phải có.

Vì công quỹ eo hẹp người ta không có phương-tiện đào-tạo một số huấn-luyện-viên chuyên-nghiệp. Theo phúc-trình của một ủy-ban nghiên-cứu thì con số huấn-luyện-viên phải từ 5000 tới 6000, mà hiện nay chỉ có vào khoảng 700 người mà thôi.

Những hoạt-động về thanh-niên hiện nay đặt dưới quyền bảo-trợ của những ty giáo-dục địa-phương (Local Education Authorities) đều phải mượn các lớp học làm nơi hội họp.

Cũng vì các tổ-chức thanh-niên chưa được quan-niệm đúng tầm quan-trọng cho nên chưa có một sự nhất chí. Mỗi đoàn-thể theo sáng-kiến riêng tự ý định đoạt mục-tiêu và đường lối hoạt-động cho Hội Thanh-niên của mình. Những hội thanh-niên của đoàn-thể tôn-giáo theo đuổi mục-đích khoáng trương hoạt-động tôn-giáo qua những hoạt-động về thanh-niên. Những hội thanh-niên khác chú-trọng về những mục-tiêu công-dân giáo-dục, xã-hội, luân-lý hay đạo-đức. Những tổ-chức thanh-niên của chánh-phủ lại nhằm mục-đích giáo-dục hay chỉ cốt giữ cho thanh-niên bớt chạy bông lòng ngoài đường.

Có nơi lại đặt cho hội thanh-niên những mục-tiêu chi chít, bao biện để « làm nảy nở toàn-diện thể-chất, tinh-thần và đạo-đức, nhất là dạy cho thanh-niên biết dùng thì giờ nhàn rỗi một cách khôn ngoan ».

Phê-bình những quan-điểm trên đây, đảng Lao-Động cho rằng mục-tiêu tham lam quá cho nên rất dễ thành ra không tưởng, vả lại một hội thanh-niên có mục-đích « rèn luyện tâm tính » sẽ vì lẽ đứng đắn quá mà tự nhiên kém phần hấp dẫn, số hội-viên sẽ ít ỏi.

Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục Anh đã định rõ mục-tiêu của Nha Thanh-niên là: « Huấn luyện về mặt xã-hội, huấn luyện thân thể, và giải trí cho thanh-niên từ 15 đến 20 tuổi đã thôi học ».

Quan-niệm như thế người ta có thể phác họa một Hội thanh-niên thế nào cho hợp với yêu-cầu của Thanh-niên : phải có các môn thể thao, nhiều thú vui khác nhau từ chơi chụp ảnh, chơi tem đến may vá, câu cá, từ chơi âm nhạc, khiêu vũ đến bàn luận văn-chương mỹ thuật. Thanh-niên lại có chỗ giải khát, bơi lội, đọc sách, hay ngồi nghỉ ngơi không làm gì cả.

Trong một hội thanh-niên như thế nội quy đừng có nhiều điều bó buộc. Phải để cho thanh-niên nhiều tự-do hoạt-động.

Một tổ chức thanh - niên như thế hẳn là tốt đẹp, nhưng không thể thực hiện ngay được, mà phải thực hiện dần dần từng giai đoạn một. Trước hết phải dành cho thanh-niên một ngân quỹ rộng rãi hơn trước. Sau đến biện pháp bắt buộc các trường trung-học phải có những căn phòng phụ thuộc dành riêng cho thanh-niên, nếu cất trường học mới thì tự nhiên phải có gian « nhà thanh-niên ». Khuyến khích các chính quyền địa-phương lập những trung tâm thanh-niên, những lớp đào tạo huấn luyện viên thanh-niên. Trên bình diện quốc-gia sẽ thành lập những Hội-đồng tư vấn thanh-niên vụ.

Sự can-thiệp sâu rộng của chánh-quyền vào các vấn-đề thanh-niên để giúp đỡ phần nào các tổ-chức tư mà đến nay hầu như không thoả mãn được nhu-cầu mỗi ngày một tăng.

CÔ-LIÊU

KỲ TỚI : Làm thế nào để luyện nghề và tìm việc cho 200.000 thanh-niên mỗi năm thêm vào thị-trường nhân-công.

✶ Những xét đoán dẫn giải một cách ôn hòa và bình tĩnh thường dễ khiến cho người thuận theo hơn.

✶ Dùng « *nhân* » để trị người, dùng « *nghĩa* » để trị mình (Đồng-trọng-Thư)

✶ Khi trách vấn thì nên đặt mục-đích sự trách-vấn trước mặt mình, đó là mục-đích giáo dục, chỉnh huấn người dưới quyền ; do đấy, khi trách vấn, ta nên nghĩ tới phản ứng nảy ra nơi người dưới quyền, chứ không nên để mặc cho sự cáu kỉnh của ta lộng hành.

✶ Trách người để đến nỗi người phải câm miệng, im tiếng, đỏ mặt, toát mồ hôi, mình tuy hả giận, song làm như thế tỏ ra mình còn nông cạn và khe khắt thái quá (Lã-Khôn)

✶ Khi trách vấn, nên cẩn thận tránh việc nhắc lại những làm lỗi trước của người. Không có gì làm nản lòng một người, bằng cảm-giác đã bị kẻ bề trên liệt hạng một cách bất nhẫn và quyết tuyệt.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

DOSTOÏEVSKY

(1821—1881)

Một kẻ suốt đời chịu đau khổ để viết

Pour bien écrire, il faut souffrir, souffrir

DOSTOÏEVSKY.

Cung Tinh hậu công

ÂU-DƯƠNG-TU.

TRONG đại chiến vừa rồi, giới đọc sách và chơi sách ở Sài-Gòn thường gặp nhau tại một tiệm ở gần góc đường Gia-Long và Nguyễn-Khoa-Huân ngày nay. Lúc đó sách báo ngoại-quốc không nhập cảng được, người ta phải tìm những sách báo cũ để đọc. Chủ nhân khéo kiếm sách báo cũ ở đâu mà tài thế, luôn mấy năm tiệm lúc nào cũng đầy và thỉnh-thoảng thấy bầy những bộ rất quý. Chính ở đó tôi đã tìm được cuốn *Le roman russe* (Tiểu thuyết Nga) của E. M. de Voguë. (1) Giá năm sắc, mà bây giờ có ai bán 300$ tôi cũng mua liền. Tôi chưa thấy một cuốn phê-bình văn-chương nào làm cho tôi say mê như cuốn ấy. Đọc xong, tôi cất kỹ, tính sau sẽ dịch, nhưng rồi phải tản-cư ; đến khi về thì sách không còn. Không biết nay nó ở đâu hay đã trở về với tro

(1) Xuất-bản lần đầu tiên năm 1889.

bụi ? A ! Sách vở mà cũng phong trần nhỉ ?

Tác-giả là người Pháp, hình như có máu Nga, ở Nga trong một thời-gian khá lâu, giao-thiệp với nhiều văn-nhân thi-sĩ Nga, đem tất cả tấm lòng yêu văn-học và dân-tộc Nga để viết cuốn đó mà theo tôi, tới nay vẫn chưa có cuốn nào hơn. Đọc nó, tôi trông thấy những cánh đồng tuyết mênh mông, trên đó văng-vẳng tiếng chuông nhà thờ và tiếng nhạc của những con chó kéo xe trượt băng, trông thấy nét mặt căm hờn, thái-độ khúm-núm của các nông-nô Nga, và tưởng như sống chung cái đời hoặc quý phái, hoặc đê tiện, nhưng bao giờ cũng thắc-mắc, hối-hận, sôi nổi, đầy tội lỗi — mặc dầu tâm hồn thì cao-cả, — của những văn-hào Nga đã tả thảm cảnh của dân-tộc họ trong thế kỷ 19.

Tôi nhớ Voguë không khen Dostoievsky bằng Tolstoï, bằng Tourgueniev (1). Trong một bức thư cho nhà xuất-bản Plon (ở Pháp), ông chê *bộ Ba anh em Karamazov* (Les frères Kanamazov) của Dostoïevsky là kém, nặng nề, lê thê, đọc rất chán, và khuyên nhà xuất-bản đó dịch cuốn *Địa ngục trên trần* (Souvenirs de la maison des morts). Ông đã lầm, và cả thế hệ Pháp của ông cũng lầm như ông. Hồi đó người Pháp chưa biết thích Dostoievsky, mãi qua đầu thế-kỷ này người ta mới biết thưởng thức văn-hào đó, và danh Dostoïevsky mỗi ngày một tăng, bỏ xa Tourgueniev, muốn lướt cả Tolstoï. Các nhà phê-bình ngày nay cho Tourgueniev là không thuần-túy Nga, chịu ảnh hưởng của Tây Âu nhiều quá, hời hợt, kém sâu sắc, mạnh mẽ ; chê Tolstoï là đôi khi rườm, cồ lỗ, ngây thơ, truyện nào cũng xen tiểu-sử của mình vô cho được. Hai nhà đó chỉ là có tài thôi ; đáng gọi là thiên tài thì chỉ có Dostoïevsky ; mà khắp thế-giới, có thể đứng ngang hàng được với Shakespeare thì cũng chỉ có Dostoïevsky, vì chỉ trong kịch của Shakespeare và trong tiểu thuyết của Dostoïevsky ta mới gặp những tình mãnh liệt phi thường, những tâm hồn đau khổ, và thành thực một cách đáng sợ, những thắc mắc, u uẩn của nội tâm mà không ai tả nổi hoặc có gan tả ra, một bút pháp mới mẻ kỳ dị, vượt hẳn các quy tắc, tới cái mức gần như cuồng loạn. Hơn Shakespeare, hơn cả Tolstoi, Dostoievsky, đã nêu được lên trong tác-phẩm nhiều vấn-đề rất hoang mang về chính-trị, xã-hội, tôn-giáo.

Henri Troyat trong cuốn *Dostoievsky* (Arthème Fayard-1940) nói : « Đọc xong *Ba anh em Karamazov* của ông, chúng ta đã thành những con người khác trước. Trước kia chúng ta tưởng mình đã cắm rễ sâu trong một thế-giới già cỗi mấy ngàn năm, mà những luật khoa-học, những lễ giáo, tập tục xã-hội là thiêng liêng, bất di bất dịch. Và thình lình, cảnh trí nghiêng ngả hết, đất sụt dưới chân ta. Chung quanh chúng ta toàn là vực thẳm. » Cảm giác đó đúng. Bất kỳ trong truyện nào, Dostoievsky cũng nắm tay ta kéo tới và chỉ cho ta nhìn những vực thẳm của tâm hồn nhân loại. Mà sở dĩ ông thấy được những sự đó,

(1) Hai tiểu-thuyết-gia đồng thời với Dostoïevsky. Về Tolstoï (1828-1910) coi bài Léon Tolstoï (Bách-khoa số 48). Tourgueniev (1818-1883) tả đời sống dân quê Nga và đả đảo chế-độ nông-nô trong cuốn *Récits d'un chasseur*, dịch (Truyện một người thợ săn kể).

chính là vì ông đã rớt xuống đó, dẫy dụa trong đó, gần hết đời sống trong đám cặn bã của dân tộc ông.

* * *

Coi tướng ông cũng biết là con người cực khổ. Lưỡng quyền nhô ra, hai má hóp lại, da sạm, mắt sâu hoắm, vẻ mặt như một người nông phu, gần như một kẻ hành khất. Chỉ được mỗi cái trán : cao, rộng, mênh mông. Gia-đình ông không được giàu sang như Tolstoi nhưng cũng vào hàng quý phái, phong lưu : cha làm giám-đốc một bệnh viện ở Moscou (ông sanh ở bệnh viện đó ngày 30-10-1821) ; mẹ vốn dòng dõi buôn bán giàu có. Đáng lẽ ông được sung sướng; nhưng chỉ vì tính keo kiết, tàn nhẫn của thân phụ, mà ba anh em ông (ông thứ nhì, tên là Fédor, anh là Michel, em là André) sống những ngày buồn tẻ, sợ sệt, hễ nghe tiếng quát tháo của cha là run rẩy, nép vào lòng mẹ.

Năm 16 tuổi, thân mẫu mất, ông thi đậu vào trường *Công - binh*. Ngồi xe với cha tới Pétersbourg, ông mục-kích một cảnh thương tâm : một người cai trạm bạt tai một tên đánh xe, tên này nổi điên, quất túi bụi vào mắt con ngựa như trả thù, vừa quất vừa la : « Mày không kéo được hả, thì mày cũng phải kéo. Chết thì chết đi, nhưng phải kéo đã ». Nghĩ cảnh mấy anh em mình, rồi nghĩ cảnh con ngựa, ông thấy rõ nỗi đau khổ trên trần. Và cho rằng càng đau khổ càng cao quý, càng gột được hết tội lỗi. Tư tưởng đó ám ảnh ông suốt đời.

Chương-trình trường *Công-binh* rất nặng, kỷ-luật lại nghiêm. Thân phụ ông lúc đó góa vợ, tính tình càng khó chịu, bỏ thí các con, dư tiền mà không gởi cho con ; nhiều lần Fédor, tập trận về, không có tiền mua trà uống, sinh ra oán cha, than thở với anh là Michel : « Em có một dự định : thành một thằng điên ». Hai anh em đều thích văn thơ, hăm hở đọc Hoffmann, Balzac, Goethe, Hugo, Schiller, Racine, Corneille.

Năm 1839 thân phụ ông gần như điên, tàn ác không tưởng tượng được, suốt ngày đánh chửi nông dân. Họ gặp ông, mà không chào thì ông quất ; mà chào ông, ông cũng quất : « À, mày cất mũ chào để rồi lạnh đầu lạnh cổ, đau, khỏi làm việc hả ? ». Chịu không nổi, họ lập mưu với nhau ám sát ông. Cả nhà hay mà không dám đưa ra tòa, sợ nếu trừng trị mấy người chủ mưu thì cả đám 500 nông dân sẽ phản kháng, nổi dậy tàn phá, hoặc bỏ đi nơi khác hết. Hay tin cha chết, Dostoïevsky hối hận, tự cho mình là phạm tội vì đã có lần nguyền rủa thầm thân phụ. Tâm trạng đó sau này ông tả rất hay trong truyện *Ba anh em Karamazov*, có ý như để chuộc tội.

Năm 1843, Fédor thi đậu ra trường, làm thiếu-úy trong một phòng vẽ của bộ Quốc-Phòng. Ngoài số lương còn được lãnh một số huê lợi về gia-tài do một người anh rể quản-lý gởi cho ; nhưng tánh tiêu hoang, lại không biết tính toán, để cho người ở ăn bớt, ăn cắp, nên lúc nào cũng túng tiền. Hồi đó, thi hào pháp Balzac qua Nga chơi, giới trí-thức và thanh-niên Nga tiếp đón trọng hậu. Fédor vốn ngưỡng mộ Balzac, dịch cuốn *Eugénie Grandet* để giới thiệu với đồng bào.

Rất ghét nghề đeo lon, ngồi vẽ cầu cống, năm sau ông viết một bức cho Michel, trong đó có câu : « Khi người ta

phí cái thời quý nhất của đời mình vào những công việc vô nghĩa lý như vậy thì sống chỉ là khổ », rồi đệ đơn từ chức.

Ông trả nhà, kiếm chỗ khác cho đỡ tốn thì may, gặp bạn học cũ là Grigorovitch, hiện đương viết văn, làm báo. Ông về ở chung với bạn ; chính trong thời đó ông viết tiểu thuyết đầu tay : « *Những kẻ đáng thương* » (Les pauvres gens).

Truyện viết theo thể thư từ. Một công-chức ngạch thấp, độc thân, già, nghèo, thuê một phòng đối diện với phòng một thiếu phụ cũng nghèo, cũng độc thân, nhưng có học. Hai người có họ hàng xa với nhau, nhưng không dám đi lại thăm nhau sợ thiên hạ dị nghị, chỉ viết thư san sẻ nỗi buồn khổ lẫn cho nhau. Thiếu phụ dạy ông bạn già sửa văn, và ông này tìm cách giúp đỡ cô trong lúc túng thiếu, hoặc trong mọi công việc lặt vặt. Nhưng rồi một người giàu có hỏi cưới thiếu phụ ; nàng nhận lời mà không nghĩ gì tới cái khổ tâm của ông bạn già, gần tới ngày cưới, lại còn nhờ ông mua sắm, sửa soạn hôn lễ cho mình. Ông chua xót trong lòng mà cũng vẫn vui vẻ làm hết mọi việc. Tới lúc nàng sắp lên xe hoa, ông trao cho nàng một bức thư mà giọng như nghẹn ngào, nức nở : « Không thể nào bức này là bức thư cuối cùng... Có lý nào mà thư từ của chúng ta lại ngừng thình lình như vậy được ?... Không, tôi sẽ còn viết cho cô và cô cũng sẽ viết cho tôi... Cô Varenka, văn tôi lúc này đã thành hình rồi. Chao ôi ! Nói làm chi tới văn !... Lúc này đây tôi có biết là tôi viết gì đâu, tôi chẳng hiểu biết là viết gì hết, tôi chẳng biết chút xíu gì cả, tôi không đọc lại, tôi không sửa văn nữa. Tôi chỉ nghĩ tới viết cho cô thôi, viết cho cô thật nhiều... Ôi, bạn yêu quý của tôi, em, em... » Truyện chấm dứt ở đó.

Grigorovitch đọc tới bức thư ấy, ôm lấy bạn mà khóc, đem ngay bản thảo lại khoe thi-sĩ Nékrassov. Nékrassov mới đầu nghi ngờ, bảo hãy đọc thử mươi trang xem sao, rồi mà say mê, đọc luôn một hơi đến hết, nước mắt chảy ròng ròng, miệng không ngớt khen : « Thiên tài ! Thực là một thiên tài ! »

Hôm sau, Nékrassov đưa bản thảo cho nhà phê bình Biélinsky, bảo : « Một Gogol (1) thứ nhì mới ra đời. » Biélinsky bĩu môi : « Ở nước mình, Gogol mọc như nấm », nhưng khi đọc xong, nhất Nékrassov mời tác-giả lại chơi tức thì. Dostoïevsky rụt rè vào, Biélinsky khen : « Phải là một nghệ-sĩ cảm xúc rất mạnh mới viết được một tác-phẩm như vậy. » Trên đường về nhà, Dostoïevsky lảo đảo, bước không vững, tự hỏi : « Có thể nào tài của mình lớn tới như vậy ư ? »

Bản-thảo truyền tay các nhà văn, ai cũng khen là một « tài hoa chớm nở », ngay Tourgueniev cũng thích, và Dostoïevsky được các giới trí - thức, quý - phái Saint Pétersbourg tiếp đón nồng nhiệt. Cổ-nhân nói nhỏ tuổi mà đậu cao là một điều bất hạnh. Nhỏ tuổi mà nổi danh thì bất hạnh lại càng lớn. Càng được nhiều người khen, Dostoïevsky càng sinh ra tự đắc, lố lăng, làm cho người chung quanh không chịu nổi. Truyện *Những kẻ đáng thương* xuất - bản rồi, ông viết truyện *Hai mặt* (Le double),

(1) Văn-hào Nga, soạn kịch và viết tiểu thuyết (1809-1852). Tác-phẩm : *Taras-Boulba* tả dân Cosaque ; *Những tâm hồn chết* (Les âmes mortes) ; giọng mạnh mẽ, trào phúng.

chủ - trương rằng mỗi con người có phần thiện và phần ác và hai phần đó luôn luôn xung đột nhau. Tác - phẩm đó cũng như tiểu - thuyết *Người cho thuê phòng* (La logeuse) đều bị chê là kém và những người trước ngưỡng mộ ông lần lần xa ông.

*

Hồi Dostoïevsky mới bốn tuổi, ở Nga có một cuộc vận-động để cải cách chính-thể. Một nhóm nhà cách-mạng ở Saint Pétersbourg muốn đổi nền quân-chủ độc-tài ra nền quân - chủ lập-hiến, bãi bỏ chế-độ nông-nô và chính-sách thể hình. Họ chưa bạo-động, mới chỉ hô hào, thì bị quân đội Nga-Hoàng đàn áp, giết một số, còn bao nhiêu thì đày qua Sibérie. Vụ đó xảy ra tháng chạp năm 1825, cho nên trong sử gọi là vụ tháng chạp.

Dostoïevsky, năm 1847

Nhưng trong lịch-sử nhân - loại có bao giờ người ta chỉ dùng võ lực mà diệt nổi tư-tưởng cách - mạng đâu. Các nhà trí - thức Nga so sánh chế-độ lạc-hậu của nước mình với chế - độ tương - đối tự - do, duy - tân của các nước Tây Âu thì không thế nào không bất bình, không mong mỏi ít nhiều cải cách. Pétrachevsky là một trong những người đó. Ông là một công - chức, họp một nhóm đồng - chí để bàn về chính-trị. Dostoïevsky nhập bọn. Họ chỉ mới « thanh đàm » về thời cuộc, chứ chưa có chương-trình hoạt động mà cũng chẳng tuyên thệ gì cả. Chưa thành một hội kín nữa. Nhưng rồi xảy ra nhiều vụ nông dân nổi dạy giết các lãnh chúa tàn nhẫn, kế đến, cách mạng 1848 ở Pháp vang dội tới Nga. Hàng đế Nicolas đệ Nhất đâm hoảng, ra lệnh cho công an phải hoạt động mạnh, và một đêm, Dostoïevsky đương ngủ ở nhà thì có lính tới lục soát rồi kéo đi đem nhốt ở pháo đài Pierre et Paul. Ông cho là người ta bắt lầm, sớm muộn gì cũng được thả, nên cứ ung dung nghĩ một tiểu thuyết mới. Một tuần, hai tuần rồi cả tháng cũng chưa thấy gì. Không phải là lầm rồi. Người ta buộc tội ông thật. Ông nghĩ : « Vô lý quá ! nếu phát biểu vài ý-kiến về chính-trị trong đám bạn bè thân mật mà cũng bị khép tội thì có người nào là thoát được tội ? » Nhưng tòa án không cho vậy là vô lý, mà tuyên-bố rằng nội cái ý làm cách-mạng cũng đủ để buộc tội rồi, và quyết-định xử tử một số non 20 người.

Ngày 21-12-1849 Dostoïevsky bị đưa ra pháp trường với một số tội nhân nữa. Họ ngơ ngác hỏi nhau :

— Ủa, người ta đem bắn chúng mình chăng ?

— Có lý nào ? Tội gì mà bắn ?

Một lát sau, một vị linh mục tới để làm lễ thánh thể. Họ không còn nghi ngờ gì nữa, la lên : « Tôi không đáng tội chết. » Trước sự bất công tàn nhẫn đó họ không còn biết sợ, chỉ phẫn uất và tự cho mình là những nhà tuẫn đạo. Dostoïevsky từ biệt bạn bè, nhìn vũ-trụ lần cuối cùng, bỗng thấy một người phất một chiếc khăn, phi ngựa tới truyền lệnh ân xá, đổi tội tử hình ra tội đi đày Phút đầu, các tội nhân sướng như cuồng, ôm nhau nhảy ; nhưng rồi nghĩ lại, biết đó chỉ là một màn hài kịch mà Nga Hoàng đã sắp đặt rất vụng để tỏ ra ta đây đại lượng, thì họ chỉ có thái độ khinh bỉ.

Trở về tới khám, Dostoïevsky viết thư cho anh là Michel : « Em bị đày bốn năm, anh ạ ; em không thất vọng đâu. Ở đâu, đời sống cũng là đời sống, nó ở trong bản thân ta chứ không phải ở thế-giới chung quanh ta. Ở nơi tù đày thì ở bên cạnh em, cũng sẽ có những con người, và làm một con người giữa đám người, giữ được hoài như vậy dù hoàn cảnh ra sao thì ra, không nản chí, không bỏ cuộc ; đó, đời là vậy, chân ý nghĩa của cuộc đời là vậy. Em đã lĩnh hội được rồi. »

Đêm Giáng-sinh năm đó, ông lên đường đi Sibérie. Tới Tobolsk, ông được thấy tấm lòng hy-sinh của một số phụ nữ Nga. Họ là vợ con những nhà « cách mạng tháng chạp », bỏ nhà cửa, quê hương, theo chồng cha tới nơi xa xôi này để săn sóc, an ủi người thân. Hàng trăm gia-đình toàn đàn bà sống đoàn kết với nhau như một nhà, chia tất cả những gian lao với nhau, và mỗi khi có một đoàn tội nhân tới, thì họ tiếp đón niềm nở. Dostoïevsky được họ tặng một cuốn *Phúc âm*, rồi tiễn chân một khúc đường. Khi từ biệt họ, ông bùi ngùi như từ biệt mẹ hay em, nhớ lại đời sa hoa ở Saint Pétersbourg mà ân hận. Những vị vợ hiền đó làm cho ông tin ở tương-lai dân-tộc Nga và ông thấy rằng đàn ông không thể làm được việc gì lớn nếu không có sự hy-sinh của đàn bà.

Người ta giải bọn ông tới pháo đài Omsk và ở đấy, suốt bốn năm, ông sống chung với bọn ăn cắp, ăn cướp, giết người, hiếp dâm... trong những phòng giam bằng gỗ cất trên một khu đất hoang, xơ xác, bốn bề là một hàng rào cắm một ngàn rưỡi cây nọc. Tên coi ngục vào hạng khát máu, tàn nhẫn muốn giết ai thì giết, có lần đánh một vị giáo sư Đại-học già đến chết ngất chỉ vì ông đã phản đối thái độ của hắn và nói : « Chúng tôi là chính-trị phạm chứ không phải là những tên cướp ». Dostoïevsky cũng bị cạo nửa đầu và nửa râu như các tội nhân khác. Mỗi buổi sáng, họ chỉ được một hớp nước, có kẻ súc miệng xong nhổ lên bàn tay rồi chùi mặt. Phòng giam cũng đầy rệp và hôi thối vì nước tiểu và phân. Ông muốn làm quen với họ, làm việc chung với họ, tranh đấu với họ, từ bỏ cái đời quý phái hồi trước của mình để sống cái đời của bình dân, của hạ lưu, muốn tìm cái cao cả trong cái cặn bã của xã-hội, nhưng họ từ chối ông, không cho ông nhập bọn chỉ vì ông đã sinh trong một gia-đình địa-chủ. Buồn chán, ông còn có cách là đọc *Phúc-âm* để hy-vọng, và gom tài-liệu để khi nào mãn hạn, sẽ tả lại đời sống tro g cảnh địa ngục đó cho quốc-dân biết.

Tháng hai năm 1854, người ta đem búa lại tháo xích sắt cho ông. Tiếng búa rảng rảng, xích rớt xuống đất ! Dostoïevsky lượm lên, ngắm một hồi lâu, rồi nhìn xuống vết thẹo ở chân do xích cà vào, mà bùi ngùi, nhìn tới bước đường sau này mà ngại : sức đã suy, cơ-thể đã già mà bây giờ phải chiến đấu, đau khổ để làm lại cuộc đời từ một tên lính nhì ! Nhưng nghĩ tới những bài học ở trong ngục, ông tin tưởng lên được một chút : trong bốn năm ông đã hiểu bài học bác-ái trong *Phúc-âm*, đã tin ở dân-tộc Nga, một dân-tộc mà tinh thần hy-sinh, nhẫn-nại của phụ-nữ rất cao, một dân-tộc mà « bề ngoài tưởng là rác nhưng trong thì là vàng ». Và ông nhất quyết sẽ phụng sự dân chúng Nga. Sau này, có người bắt bẻ ông : « Ai cho ông cái quyền lên tiếng thay dân-tộc Nga ? », ông vén quần lên, chỉ vết thẹo ở chân, đáp : « Đây, quyền của tôi ở đây. »

* * *

Ở ngục thất Omsk ra, ông bị đưa tới Semipalatinsk làm lính trong đại đội thứ bảy. Semipalatinsk là một tỉnh lỵ nhỏ ở giữa một nơi hoang vu miền Sibérie. Mới tới, ông được gia-đình một nhà giáo, chồng là Issaïev, vợ là Marie, tiếp đón niềm nở, không khinh thị ông là một tên lính, một tên tù mới được trả tự do. Ông cảm ơn tri ngộ đó, tận tâm giúp đỡ họ, rồi lần lần thương cảnh của nàng Marie có sắc, có học mà gặp một người chồng nghiện rượu be bét, mất cả tư cách, để vợ con sống cơ cực. Ông lại gặp được một bạn tri-kỷ nữa là nam-tước Vrangel, mới đổi tới làm thống-đốc. Vrangel còn trẻ, sống độc thân, đọc cuốn *Những kẻ đáng thương* rồi mến tài Dostoïevsky, mời về ở chung nhà, coi như khách quý. Issaïev, vì say sưa mà bị đuổi, Dostoïevsky xin với Vrangel cho được làm ở tòa án Kouznetzk, cách Semipalatinsk mấy ngày đường. Marie phải theo chồng, Dostoïevsky đi tiễn gia-đình nàng một quãng đường xa, khi trở về, bỗng thấy thân mình cô độc. Tình thương thầm đó, ông chưa dám thú với Marie, mới chỉ kể cho Vrangel nghe.

Ít lâu sau, hay tin Issaïev chết vì bệnh, ông vội vàng mượn tiền của Vrangel gởi giúp Marie, rồi viết một bức thư nồng nàn để tỏ tình và xin cưới nàng. Mới đầu nàng nhận lời, rồi ít bữa sau lại do dự : ông tuy có học thức, gia-đình quý phái thật đấy, nhưng tướng xấu, lại bệnh tật (cứ lâu lâu nổi cơn động kinh), mà chỉ làm một tên lính thì làm sao cưu mang nổi nàng và đứa con trai nhỏ của nàng. Dostoïevsky điều tra mới hay Marie đã yêu một thầy giáo trẻ tuổi ở Kouznetzk ; muốn tỏ vẻ quân tử, ông không tỏ lời trách móc gì cả mà còn muốn giúp tiền cho họ cưới nhau nữa. Chính nỗi lòng chua chát đó đã giúp đề tài cho ông viết cuốn *Những kẻ nhục-nhã và bị xúc phạm* (Humiliés et Offensés) xuất-bản năm 1861. Nhưng ý đó chưa kịp thi hành thì Dostoïevsky được tin đặc cách thăng chức thiếu-úy nhờ sự vận-động của Vrangel ở Saint Pétersbourg. Ông chạy đi vay ngay 600 rúp (Nga kim) rồi tức tốc lại Kouznetzk báo tin cho Marie và một lần nữa, xin cưới nàng. Ông hứa thế nào Nam tước Vrangel cũng xin Nga Hoàng cho ông được về Nga, và ngoài số lương thiếu úy ra, ông sẽ kiếm thêm được nhiều tiền nhờ viết sách. Nàng nhận lời. Hai

người trở về Semipalatinsk, làm lễ cưới ở nhà thờ, rồi lên xe đi du-lịch, tính hưởng một tuần trăng mật, nhưng đau đớn thay, xe mới chạy được nửa ngày thì Dostoïevsky bỗng lăn đùng ra, tay chân dẫy đành đạch, mắt trợn trừng, mép sùi bọt, rồi toàn thân cứng đơ, không nhúc nhích. Marie hoảng hốt, ôm lấy đầu chồng, bảo người đánh xe kiếm một nhà thương. Nàng than thân trách phận : lần trước vì nghe lời cha mẹ mà phải sống với một người chồng nghiện rượu, lần này vì Dostoïevsky đeo đuổi quá mà nhận lời để đến nỗi như vầy. Khi Dostoïevsky hết cơn động kinh, tỉnh dậy, ông xin lỗi vợ đã làm cho nàng lo, buồn, tủi.

Từ đó cuộc sống chung của hai người chỉ là một bi kịch, vợ lúc nào cũng quạu cọ, gây gổ, chồng lúc nào cũng chán chường, chua chát.

Sống ở Semipalatinsk được năm năm, Dostoïevsky viết xong tập hồi ký : *Địa ngục trên trần*, tả đời sống trong ngục Omsk.

Năm 1957, ông được giải ngũ, rồi năm 1859, được phép về ở Nga, mới đầu tại Tver, sau, nhờ sự vận-động của bạn bè, được về Saint Pétersbourg, sau mười năm cách biệt. Lúc đó Nga hoàng Nicolas đệ nhất đã mất.

Về Pétersbourg được một năm, ông xuất bản cuốn *Địa ngục trên trần*. Tác phẩm đó làm cho biết bao người Nga sùi sụt, từ vua chúa tới thường dân. Cả một dân tộc kinh khủng thấy rằng dưới cái bề mặt phăng lặng, rực rỡ của xã-hội, lại có những cảnh rùng rợn không kém cảnh địa ngục tả trong thi phẩm bất hủ *Thần linh hài kịch* (Divine comédie) của Dante. Người ta không tưởng-tượng nổi trong một xã-hội đã có cả ngàn năm văn hiến, một xã-hội tôn thờ đức Chúa chí nhân Ky-tô, mà sao lại có những kẻ thông-minh đạo đức bị hành hạ ghê tởm như vậy chỉ vì khác chủ-trương với nhà cầm quyền chỉ vì thành tâm cầu hạnh phúc cho đồng-bào. Cảnh những thân thể lõa lồ đi đi lại lại bên cạnh một lò hấp nồng nặc hơi nước hôi thối, cảnh tra tấn đến vọt máu, đến chết giấc, cảnh tội nhân đầu gọt một nửa, chân đeo xích lên sân khấu diễn những hài kịch mua vui cho bạn, làm cho độc-giả khâm phục thiên tài tả thực của Dostoïevsky và danh ông, đã không được ai nhắc tới trong mười năm, bỗng vang lên khắp nước

Ông cùng với người Anh là Michel cho ra tạp chí *Thời báo*. Viết suốt đêm, ngày nghỉ. Thỉnh thoảng lại lên cơn động kinh. Mỗi lần như vậy, trước khi lên cơn, ông được hưởng vài giây xuất thần khoan khoái lạ lùng (1) ; nhưng tỉnh cơn rồi thì mệt mỏi, quên hết mọi việc, phải nghỉ vài ngày, rồi mới lần lần nhớ lại. Bạn bè phải giúp ông, đọc những đoạn văn viết sau mỗi cơn động kinh, thấy chỗ nào mâu-thuẫn hoặc không liên tiếp với đoạn trên thì cho ông hay để sửa lại.

Năm 1862 vừa mệt vừa chán (cuốn *Những kẻ nhục nhã và bị xúc phạm*

(1) Mahomet cũng mắc bệnh đó, và mỗi khi tỉnh cơn, thường bảo các đồ đệ rằng mình đã được gặp Thượng-Đế, đã sang sướng đến mê-li và đã được Thượng-Đế dạy bảo cho điều này điều nọ. Tâm trạng đó có thực, chứ không phải là hoàn toàn do Mahomet bịa đặt để mê hoặc quần-chúng.

không được hoan nghênh), ông du-lịch ngoại-quốc, để vợ ở nhà. Ông thăm Ba-Lê, Luân-Đôn, Genève, Florence, để tìm hiểu văn-minh Tây-Âu. Về nước, ông viết bài chỉ trích văn-minh đó và chủ trương chỉ có dân-tộc Nga là chưa bị nhiễm, còn giữ được tính cách giản dị, gần với tự nhiên, và giữ được đức tin chất phác, trung hậu.

Năm sau, ông lại đi du-lịch, lần này với một tình nhân, nàng Pauline Souslova.

Năm 1864, vợ chết, rồi anh là Michel, cũng chết. Dostoïevsky lãnh hết những món nợ của anh, lại nhận nuôi con cho anh. Ông làm việc như trâu : một mình trông nom tờ báo, rồi viết bài, viết sách. Có những món nợ phải trả gấp, ông phải thương lượng với một nhà xuất-bản để bán non bản quyền. Nhà xuất-bản đó bắt lương đến nỗi cứa cổ ông một cách tàn nhẫn không tưởng tượng được : đưa cho ông ba ngàn rúp, và bắt ông ký giấy bán đứt bản quyền hết thảy những tác-phẩm viết từ trước ; lại phải viết một truyện mới để giao cho y trước ngày mùng một tháng mười một (1) năm 1866, nếu không thì Dostoïevsky sẽ mất hết bản quyền về những tác-phẩm hiện đương viết và sẽ viết. Nói cách khác là nếu tới hạn mà ông không viết kịp thì đành liệng cây bút đi, kiếm nghề khác mà sống, chứ viết để làm gì nữa, còn chút bản quyền nào dâu ? Quẫn bách quá, ông đành đưa đầu vào tròng cho hắn thắt, nhưng độc-giả sẽ thấy chính cái rủi đó lại hóa thành may, và tờ hợp-đồng kỳ-dị đó đã thay đổi hẳn đời ông sau này.

(1) Có sách nói là tháng Chạp.

(Còn tiếp một kỳ)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

✱ Đang lúc bạn cáu kỉnh, chực buông lời trách vấn nặng nề người cộng sự, chực kìm hãm sáng kiến của họ lại, hay chực dẫm chân lên phần việc đã dành cho họ, bạn nên tưởng tượng — dù chỉ trong giây lát — đặt mình vào địa vị của người ấy và thành thật tự hỏi bạn sẽ phản ứng thế nào, nếu địa vị của hai người đổi ngược lại. Nhờ đấy, hoặc bạn có thể tránh được một hành-vi vụng về chăng ?

✱ Người khéo dùng « uy » không giận bậy (Lã-Khôn)

✱ Một người cầm đầu khó tính có thể được mến yêu và thường vẫn được mến yêu hơn một người cầm đầu lãnh đạm hay nhu nhược. Phương thế hay hơn hết khiến người ta chấp nhận được sự nghiêm khắc là chỉ dùng ở xung quanh mình những người thật đáng quí chuộng. Người ta thường chịu đựng dễ dàng mọi sự chỉ-trích, khi nhân cách và tinh-thần của người ta không bị xâm phạm (Maurois)

BÙI-KHÁNH-ĐẢN

NHẮN NHỦ

I

Cái khổ là thường cứ gặp nhau
Để trông nét mặt đượm u sầu
Con đường « độc-đạo » ta còn ước
Câu chuyện « duy-tâm » bạn chớ cầu
Đã trót lỡ rồi ba kiếp sống.
Cũng nên thương lấy một dòng châu.
Áo xanh quần đỏ dù hai ngả.
Vẫn thoảng hương thơm giấc mộng đầu

II

Đã lạc lâu rồi, mây viễn phương
Cành chim lá gió sớm chia đường
Sá gì chuyện cũ Vương-tôn-các
Mà ủ tình sầu Dương-Tử-giang
Dòng máu đỗ-quyên gào nước cũ
Giấc mơ hồ-điệp loạn canh trường
Hương xưa ví nhập vào thơ-ý
Cũng chỉ thêm bài : Một Dở-dang.

NGUYỄN-VĂN-HÀU

VẤN-ĐỀ CHÁNH-TẢ

nhân cuốn chánh-tả tự-vị của ô. Lê-Ngọc-Trụ vừa xuất bản

ĐỌC qua hàng « tít » trên, chắc không khỏi có người thầm bảo : « Văn hay là nhờ khéo dùng chữ, khéo đặt câu chứ phải đâu nhờ viết đúng ? »

Chúng tôi vẫn biết vậy, nhưng ta thử đọc các sách báo ngoại-quốc coi có nước nào mà nhà cầm bút cẩu-thả về chánh-tả như phần đông nhà cầm bút nước ta không ? Chữ Pháp về chánh-tả khó hơn chữ của nước ta nhiều vì nó có phần chánh-tả văn-phạm (orthographe grammaticale), nhưng người Pháp có bao giờ chịu để sai nhiều như ta đâu ? Chữ Trung-Hoa nổi tiếng là khó học và khó viết nhất hoàn-cầu, vậy mà nhiều khi suốt một cuốn sách, ta vẫn không gặp một lỗi nào cả (1). Tình-trạng báo chí của ta hiện nay ra sao, tưởng ai cũng biết, vậy chẳng nói làm gì, chỉ nói riêng về tiểu-thuyết, sách khảo-cứu, cũng nhan-nhản những lỗi là lỗi. Có cuốn mỗi trang mỗi có lỗi, có cuốn còn nhiều hơn. Tình-trạng nầy nếu vẫn kéo dài thì chữ Việt còn gì giá-trị ?

Trong thời nho học còn được dùng làm học-thừa, tinh-thần trọng chánh-tả luôn luôn được biểu-lộ. Mầu chuyện vua Tự-

(1) Người ta kể rằng có một bộ kinh *Niết-bàn* của Trung-Hoa bề ngang sáu tấc, bề dài một thước, bề gáy cao ba thước hai tấc, do Huệ-Đức Thiền-Sư chép, thế mà không phải bị một lỗi nào cả. Người ta cũng cho biết thêm rằng Huệ-Đức Thiền-sư chép rất cẩn-thận, cứ sau khi viết xong một chữ, Thiền-sư xem-xét kỹ-lưỡng rồi thành-kính lạy một lạy. Vì vậy nên đến khi Thiền-sư viên-tịch, bộ kinh chỉ được chép phân nửa, còn phân nửa phải để lại cho người sau tiếp-tục.

Các sự tín-ngưỡng qua một bên, chúng ta thấy sự thận-trọng như vậy là quá lắm. Giá các nhà cầm bút của nước ta ngày nay ai nấy đều chịu khó bằng đôi ba phần mười trong sự chịu khó của Thiền-sư Huệ-Đức thì vấn-đề chánh-tả chắc không cần phải bàn đến nhiều nữa.

Đức viếng trường thi và chấm đậu Hoàng-Hà-Thanh vì một bài ám-tả, và những câu « *Lỗ ngư hư hồ* », « *tác tộ bình hồ* » (1) dùng chế-giễu sự viết sai càng tỏ rõ rằng tiền-nhân ta không bao giờ dung thứ được tật ấy.

Chắc bạn đọc không quên câu chuyện một cụ-đồ ngày xưa, vừa hay chữ, vừa thông y-học nhất vùng ; cụ có một trai « độc đinh », cậu trai ấy chưa vợ mà mắc phải một chứng nan-y, khắp mặt thầy lang trong huyện đều được đón mời chữa trị nhưng vẫn hoàn-toàn vô hiệu ; cụ đồ chỉ còn có nước bó gối chờ ngày tử-thần gõ cửa đón hồn con cụ mà thôi.

Bỗng một hôm, cụ được một ông thầy dạo (2) đến tự giới-thiệu là có bản-lĩnh cứu được bịnh ấy. Cụ đồ « đau chân há miệng », vả lại mình cũng đã vô phương, nên nhận lời.

Ông lang dạo sau khi xem bịnh, liền cầm bút thảo y-án, trong đó có câu :

« *Ư ngũ tạng trung, hữu tâm, can, tỳ, phế,* « *hiền* » (3), *nhi* « *hiền* » *tạng thị đại hư dã* » (Trong năm tạng, có tâm, can, tỳ, phế, « hiền », mà tạng « hiền » thật hư quá lắm).

Rồi thầy lang nói với cụ đồ : — « Bịnh nầy còn động Thủy-cung, vậy xin mời thêm một pháp-sư để ba bà giúp một ».

(1) Những chữ nầy tự-dạng gần giống nhau nên người học ít viết rất dễ lầm : lỗ = ngư, hư = hồ, tác = tộ, bình = hồ.

(2) Thầy thuốc đi rong khắp nơi để kiếm bịnh mà chữa.

(3) Vốn là chữ *thận* nhưng viết dư chấm chưa thành ra chữ *hiền*.

Cụ đồ trông qua y-án thấy chữ « hiền » mà buồn cười, muốn tống cổ thầy lang đi tức khắc, nhưng ngặt nề cụ bà đang hết lòng tin-tưởng thầy ta nên đành làm thinh, mặc cho ông lang-băm kia « múa rìu qua mắt thợ ».

Tất-nhiên là pháp-sư được mời tới và khi gieo quẻ xong, pháp-sư viết một bài-vị để cầu đảo Long-cung. Bài-vị ấy lại cũng viết lầm không kém gì y-án :

« Cung « chư » (1) Thủy-Long thần-nữ chi-vị » (bài vị kính-cẩn... Thủy-Long thần-nữ).

Thế mà lạ, vài hôm sau bịnh-tình của cậu con trai cụ đồ thuyên dần rồi khỏi hẳn. Danh của hai thầy được mọi người đồn-đãi ngợi khen.

Chữ *thận* 腎 viết ra chữ *hiền* 賢, chữ *thỉnh* 請 viết ra chữ *chư* 諸, cụ đồ còn chịu sao được sự dốt nát của bọn người nầy nữa. Hôm chữa trừ (3), cụ làm một câu đối đầy ý mỉa-mai dán ra ngoài ngõ :

« Phước chí tâm linh, bất luận hư hiền hư thận,

Hữu cầu tất đáo, hà tu cung thỉnh cung chư.

(Phước đến tâm linh, chẳng luận hư hiền hư thận,

Có cầu thời tới, nào cần cung thỉnh cung chư).

Chữa lành bịnh mà viết không đúng chánh-tả vẫn bị khinh thường, các cụ ngày xưa quả thật có đức thận-trọng. Mà thận-trọng như vậy là phải, vì chẳng nói thời

(1) Vốn là chữ *thỉnh* nhưng viết sai tự-dạng thành ra chữ *chư*.

(2) Danh-từ dùng trong giới phù-thủy, chỉ đêm chữa bịnh sau rốt của pháp-sư.

xưa — thời mực tàu giấy bản đã qua — ngay thời nay, nếu đọc phải những tác-phẩm in sai be-bét, ta cũng thấy bứt-rứt biết chừng nào !

Chúng tôi quả quyết rằng không bao lâu nữa, những tác-phẩm in sai chữ Việt sẽ bị mọi người khinh ghét và những bản-cảo không chánh-tả được sẽ bị nhà xuất-bản loại bỏ đi như nhà báo loại bỏ những bài vănbất thành vậy.

***

Sự viết sai không riêng một miền nào ; đồng-bào trong nước ai chịu khó học kỹ chánh-tả thì viết đúng, ai không chú-trọng tới nó thì viết sai. Đồng-bào miền Bắc thường lầm những phụ-âm như :

— r lầm với d-gi.

— x lầm với s.

— ch lầm với tr.

Người ta đã lẫn dân-chúng thành *rân-trúng*, sùi-sục thành *xùi-xục*, xong rồi thành *song đôi*, tròng - trành thành *chòng - chành*... Đồng-bào miền Trung, trong vài nơi, lại lầm dấu ? dấu ~ và lầm những âm giữa. Người ta nói con ong ra *cân oong*, bình nước ra *bềnh nác*, con ốc ra *cân oốc*... Còn đồng-bào miền Nam thì viết sai dấu ? dấu ~ và những vần : an, ang, ét, éc...

Người ta viết lầm bở-ngở, ra bở-ngờ chất phác ra *chất phát*, tịch-mịch ra *tịt-mịt*, ngang-tàng ra *ngan-tàn*... Nếu để ý một chút, ta sẽ thấy người Bắc thường sai âm đầu, người Trung sai âm giữa và người Nam sai âm cuối. Đối với những người đa sự, thường gò bó và bẻ queo sự đời, họ cho đó là một hiện-tượng lạ-lùng, một huyền-bí mà hồn-thiêng non nước đã xui nên .. Chúng tôi không tin như vậy, nhưng chúng tôi cho đó là một việc đáng đem làm một bài học đoàn-kết vô giá giữa đồng-bào ta : Miền nào cũng còn sở-đoản, không miền nào hơn dứt được miền nào ; phải dung - hòa, phải rút tia cái hay của mỗi miền mà kết hợp thành một, mới không bị hư-hỏng, tiêu-diệt.

Trong các nhà văn lớp trước, người mang tiếng viết sai chánh-tả bậc nhất là Ngô-Tất-Tố và Trần-Thanh-Mại. Đọc những tác-phẩm của Ngô-Tất-Tố (in lần đầu), người ta thấy ông viết chữ sai nhiều quá. Ông trộn lẫn chóng-vánh với *tróng-vánh*, khúc-chiết với *khúc-triết*, xôi thịt với *sôi thịt*, xúng-xính với *súng-sính*.., Đến Trần-Thanh-Mại trong tác-phẩm *Tuy-Lý-Vương* thì sai nhiều nữa : ông viết thuốc-thang ra *thuốc-than*, xắc-xược ra *xắt-xược*, băn - khoăn ra *băng - khoăng*, ngắt-nghẻu ra *ngắc-nghẻu*...

Hơn mười năm nay, từ phong-trào trọng chánh - tả nổi lên, hết thảy nhà văn, nhà giáo cũng theo đà mà tiến ; tuy - nhiên sự viết sai vẫn còn nhiều.

Trong chương-trình hiện-hành, từ lớp đệ-thất, đệ-lục Trung-học và các lớp bậc Tiểu-học đều có môn chánh-tả. Thầy giáo đọc qua một lượt rồi cắt nghĩa mấy chữ khó, đoạn kêu lên cho học trò viết trong giờ dạy. Học trò nghe ngóng giọng đọc hoặc định chừng nhớ mại tự-dạng mà viết. Khốn nỗi, ở lớp tư, thầy dạy viết *chôn nhao*, *dìu-dắc*... thì nay lên lớp ba, ông thầy khác lại dạy là *chôn nhau*, dìu - dắt. Trò bứt-rứt khó chịu mà thầy cũng bối-rối băn-khoăn. Nhưng việc tra-cứu tìm học thì

vẫn ít được những ông thầy hết lòng chịu khó. Vậy nên giờ học đó phần nhiều rất chậm kết-quả.

Còn trong văn giới thì đến nay vẫn còn một số văn-nhân chưa chịu dụng công viết đúng. Ai thường đọc sách Việt đều biết. Sự cẩu-thả như vậy thật là đáng ngại.

***

Không muốn kéo dài tình-trạng đó, nhiều người đã đề-nghị nên tập nói đúng. Người ta cho rằng đồng-bào miền Bắc sở-dĩ viết ít sai hơn đồng-bào miền Trung-Nam và miền Nam là vì họ phát âm phần nhiều đúng hơn hai miền kia. Những dấu hỏi (?) ngã (~), những vần *an*, *ang*, *ác*, *át*..., những âm khởi đầu bằng phụ-âm *v*, đồng-bào miền Bắc không cần học chánh-tả cũng viết đúng được. Đồng-bào miền Nam tuy không phát được nhiều âm đúng như đồng-bào miền Bắc, nhưng những phụ-âm *tr*, *ch*, *x*, *s*, *r*, *d*, họ cũng phân biệt dễ-dàng nhờ những âm đó họ phát ít sai. Cho nên muốn nói đúng, phải bắt chước theo âm, thanh, vận các miền ấy. Và khi nói đúng được thì viết không sai nữa.

Tuy nói nghe thì dễ vậy, chứ việc bắt chước cho đúng các âm vận và làm sao cho mọi người chịu khó mà bắt chước, không phải dễ gì. Vả nếu có cách gì làm cho mọi người đồng ý nghe theo thì chuyện ấy cũng còn phải mất một thời-gian dài lắm, không chừng đến đôi ba thế-hệ cũng chưa xong. Thế nên trước giờ chúng ta phần đông đều phải học thuộc lòng cách viết. Cách học đó mệt và cũng khó mà nhớ hết được.

Ông Lê-Ngọc-Trụ, trước đây, trong bộ chánh-tả Việt ngữ đã dụng công nghiệm xét để tìm ra những thông-lệ về chánh-tả, giải-quyết những chữ không nhất-trí trong các tự-điển ; ông thật có công và xứng đáng là một nhà tự-nguyện-học của chúng ta ; nếu theo đúng sự khảo-cứu của ông, ta có thể suy loại mà viết đúng được già nửa chữ Việt. Nhưng sách ấy đối với học-sinh và các bạn tự học có một trình-độ hiểu biết thông-thường vẫn còn nhiều chỗ khó-khăn xa lạ, nó chỉ bổ ích cho những ai có một sức học khá rộng và những người ấy lại là người đọc thông Hán-tự. (1)

Ông Lê-Ngọc-Trụ thừa biết điều đó, nên dụng công biên soạn cuốn *Chánh-tả tự-vị*. Ông theo những thông-lệ luật-tắc ông tìm được và đã công-bố trong bộ *Chánh-tả Việt-ngữ* mà *định chánh-tả của mỗi chữ*. Việc làm của ông thành-tựu và sách được xuất-bản. Chúng ta hy vọng có thể theo đó mà tra-cứu tìm hiểu dễ-dàng hơn, đầy đủ hơn và nhờ có những thông-lệ, những luật-tắc chuyển-hóa của tiếng ấy mà ta dễ nhớ hơn trước.

***

Khi học một ngoại-ngữ, ta lo sợ phát-âm không giống, viết chữ không đúng, thì khi học chữ, học tiếng mẹ đẻ của ta, ta càng nên hết lòng trau-luyện tìm-tòi cho tới đích. Được như vậy, ngoài việc tỏ tinh-thần tự-lập tự-trọng, ta còn làm cho văn-tự của ta chóng đi tới chỗ thống-nhất hoàn-toàn và người ngoại-quốc nhìn vào, cũng không chê được là chữ Việt không có nguồn gốc phân-minh, không mẹo luật rành-rẽ.

NGUYỄN-VĂN-HẦU

(1) Nếu không thông Hán-tự thì không phân biệt nổi tiếng Hán và tiếng Nôm, mà thông-lệ tìm được của ông Lê-Ngọc-Trụ lại cần người học chánh-tả phải biết phân biệt.

PASTILLES: { VANCO MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng

VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯƠNG-VĂN-CHÔM

Dược-khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

Thành-tích năm mươi năm khoa-học

(1900-1950)

(Tiếp theo B.K. số 81)

Sinh-vật-lý học và sinh-hóa-học

TRƯỚC khi nói về vạn - vật học, ta cũng nên nói qua về hai bộ môn khoa học khảo về sự sống và về sinh-chất (la matière vivante). Hai môn này hiện giờ rất bành trướng và đều bắt đầu từ đầu thế kỷ thứ 20. Đó là «sinh-hóa học», (Biochimie) và sinh-vật-lý học (biophysique). « Sinh-hóa học » thoát thai ở hóa-học (chimie). Hai môn này khảo về hai lĩnh vực : hóa-học và vật-lý học của sinh-chất, và đưa ta đến một quan niệm : Sự sống có lẽ hoàn toàn do hóa-học và vật-lý học chi-phối ! »

Sinh-vật-lý học : (Biophysique). Tuy sinh-vật-lý học tiến chậm hơn sinh-hóa học, nhưng kết quả thu lượm được đến nay cũng rất quan trọng để giải thích một phần nào những bí mật của sự sống. Chẳng hạn, muốn hiểu rõ sự lưu-thông và tuần - hoàn của huyết trong mạch máu, người ta đã áp dụng những giả thuyết của khoa thủy-lực học (hydrodynamique). Các tế-bào trong cơ thể con người đều tác-động như những bộ máy rất tinh vi và người ta đã phải khảo sát về nhiều hiện tượng như : Mao-tế-quản hiện tượng (capillarité), hiện tượng thấm nước (perméabilité) v.v... Muốn giảng giải tác-động của những tế-bào về đơn-vị thần-kinh (neurone), người ta phải nhờ đến tinh-lực học (énergétique). Ngoài ra, các nhà bác-học về môn này đã thí-nghiệm nhiều về ảnh hưởng của khí-hậu, ảnh hưởng của các loại ánh sáng, các phóng-xạ tuyến, của điện, của sự ly-tử hóa (ionisation). Sự nghiên-cứu về vũ-trụ tuyến (rayons cosmiques) đã làm cho người ta hiểu rõ thêm những hiện tượng về ngẫu-biến (mutations) và có nhiều nhà chuyên-môn đã đưa ra giả thuyết « bệnh căng-xe (cancer) là do biến-

trạng của một số điện-tố (électrons trong cơ thể »...

Sinh-hóa học (Biochimie) : Đầu tiên ta phải nói đến những thuốc do nhiều nhà hóa-học nổi danh ở các nước bên Âu-châu tìm ra. Loại thuốc được thông-dụng là loại Sulfamides, do nhà bác-học người Đức là Domagk tìm thấy từ năm 1925. Sau đó ít lâu, năm 1928 nhà bác-học người Anh tên là Alexander Fleming khám phá ra loại nấm Pénicilline và từ dạo ấy, nhất là hồi chiến - tranh thứ hai trở đi, các loại nấm khác được khám phá thêm lên rất nhiều và đã cứu chữa được nhiều bệnh xưa kia coi là « nan y ». Tất cả những loại nấm ấy nay được liệt vào hạng thuốc gọi là thuốc kháng - sinh (antibiotiques) có nghĩa là để chống lại sự sinh sản của các giống vi-trùng gây ra những bệnh thông thường và nguy hiểm, như bệnh lao, bệnh sốt rét ngá nước (paludisme), bệnh thương-hàn (fièvre typhoïde), v.v... Các loại nấm tìm ra sau loại Pénicilline, hiện nay rất nhiều và càng ngày người ta khám phá thêm ra, tỉ như loại allicine, clitocybine, chloromycétine, gramicidine, auréomycine, litmocidine, streptomycine, tyrothricine, v.v...

Ngành sinh-hóa-học lại khảo-sát về sự cấu tạo cơ thể con người và biết rằng cơ thể do nước và ba chất chính họp thành. Ba chất ấy là chất glucide (đường), lipide (mỡ) và protide (có chứa chất đạm azote). Về loại glucide, hai vợ chồng nhà hóa-học Mỹ F. Cori đã khảo về các trường hợp phân tán và tái hợp các chất đường trong thân thể. Từ năm 1900 đến 1906, E. Fischer để hết tâm chí vào công việc khảo-sát các chất protide và tìm ra được nhiều chất « acides aminés » rất cần cho sự sống. Nhờ có tài - liệu của E. Fisher mà năm 1920, Terroine đã tìm biết được nhu cầu của người ta về chất đạm (Azote hay Narium) là bao nhiêu. Trong loại protide, các chất cần cho sự sống đã được tìm ra như những chất : Erepsine (do Cohnheim tìm ra năm 1901), Arginase (Kossel và Dakin tìm ra năm 1904), Tryptophane (Willcock và Hopkins, năm 1906), Glutathion (Hopkins, năm 1921).

Trong khi ấy thì nhà bác - học Đức Erlich học về tính chất hóa - học của máu đã khám-phá ra loại *anticorps* (kháng thể).

Năm 1900. Theo Morawitz (năm 1905) sự đọng máu (coagulation) bao giờ cũng phải qua 2 giai-đoạn, giai-đoạn thứ nhất : chất prothrombine trong máu hợp với chất calcium và chất thrombokinase để thành chất thrombine. Giai-đoạn thứ hai : chất Thrombine này hợp với chất Fibrinogène làm thành chất Fibrine, chất này làm cho máu đọng lại và không chảy nữa. Cũng vì sự khám phá ấy mà các nhà khảo-cứu khác để ý đến việc tìm kiếm các loại thuốc phản lại sự đọng máu, và hiện nay nếu không có các thuốc phản lại sự đọng máu như chất dicoumarol và héparine thì có lẽ ngành giải-phẫu tim (chirurgie cardiaque) khó mà thành tựu được.

Năm 1906, Richard Willstätter tìm ra chất chlorophylle (lục-diệp chất) và khám phá ra sự quan trọng của chất ấy đối với sự sinh tồn của các loài cây cỏ, và nếu ta biết sự liên can mật thiết giữa cây cỏ với đời sống của các động-vật và con người trên trái đất thế nào, thì ta đủ hiểu công việc nghiên cứu của R. Willstätter

lợi ích biết là chừng nào. Tuy thế mà phải đợi đến năm 1938, người ta mới tìm ra được định-thức triển khai (formule développée) của chất ấy, và từ đó đến nay người ta đã tìm ra biết bao nhiêu là tính chất và đặc-điểm của chlorophylle (không kể tính chất làm mất mùi hôi thối đã được người ta đem áp dụng vào việc chế tạo thuốc đánh răng !)

Năm 1903, Gabriel Bertrand nhận thấy có nhiều loại kim-khí như sắt, thiếc, kẽm, i-ốt, măng-ga-ne (Manganèse) rất cần cho sự sống, tuy rằng những chất ấy có rất ít trong cơ-thể. Những chất này Gabriel Bertrand mệnh danh là Oligo-Eléments (*Oligo* : rất ít — *Elément* : phần tử, yếu-tố), và được liệt vào cùng hạng với loại sinh-tố (*vitamines*) loại nhiếu-tố (*diastases*) và loại khích - thích - tố (*hormones*). (Xin nhớ là loại nhiếu - tố và khích-thích - tố đã được biết từ thế - kỷ thứ 19). Nhưng dù là sinh-tố, khích-thích-tố, nhiếu-tố hay hãn-tố (tạm dịch chữ Oligo-Eléments) các chất này đều thuộc vào loại có tác dụng sinh - tiếp (Biocatalyse). Loại sinh tiếp này dĩ nhiên là rất cần thiết cho đời sống của mọi sinh vật trên trái đất, và sự khám phá các sinh-tiếp-chất đều phần lớn là do công-trình của nhiều nhà sinh-lý học (physiologistes) cộng tác với các nhà hóa - học. Đầu tiên, nhà sinh-lý học hướng nhà sinh-hóa học vào việc tìm kiếm một chất sống mới, hay một chất cần cho sự sống, hoặc một chất do các vật sống chế tạo ra. Một khi đã « đánh hơi » thấy chất ấy, nhà sinh-hóa học (biochimiste) sẽ cố công tìm ra các tính chất đặc biệt của nó để đi đến giai đoạn thứ ba là tìm cách lấy được chất ấy, và tách nó ra để biết được định-thức triển - khai của nó cùng cách cấu-tạo về phần - tử (structure moléculaire). Giai đoạn thứ tư là làm thế nào để có thể, một khi đã biết rõ định-thức triển-khai (formule développée), tìm cách chế tạo chất đó trong phòng thí nghiệm. Khi đã có thể chế tạo được chất ấy ở trong phòng thí-nghiệm, lại phải tìm những phương pháp mới để sản xuất chất đó thật nhiều, cho đủ để cung cấp các bệnh viện và người ốm, nghĩa là phải đi đến giai đoạn kỹ-nghệ-hóa vấn đề chế-tạo chất đó, cho nhiều và cho rẻ. Ở đây loài người đã thắng được thiên nhiên ở chỗ là một khi đã tìm ra định-thức triển khai của một chất, nhà sinh-hóa học có thể cho chất đó là chưa được hoàn thiện và có thể tạo ra những chất mới, tốt hơn, hay có công hiệu hơn về phương diện chữa bệnh. Đến giai đoạn này thì sự tiến-bộ của loài người sẽ không biết đến đâu mà ngừng...

✶ Không nên lầm lẫn cương quyết với thô bạo. Cách trách vấn nghiêm khắc nhất có thể biểu diễn bằng những lời rất thanh lịch. Nhất là nên tránh cách trách vấn bằng những lời sỉ mạ ; người cộng-sự sẽ quên mục-đích cụ-thể của sự trách-vấn để chỉ nhớ nguyên những lời sỉ mạ.

✶ Lời nói của ta đơn giản, phải chăng thì ta ít phải hối, mà người ít khi oán. (Viên thị thế phạm)

Hiện thời người ta biết được vài trăm sinh-tiếp-chất (biocatalyseurs) mà khuôn khổ bài báo không cho phép chúng tôi nói dài hơn được. Chúng ta chỉ nên biết qua là năm 1902, Schardinger tìm ra chất déshydrogénase đầu tiên (chất làm cho hết khinh khí đi, — khinh khí tức là Hít-rô, Hydrogène). Năm 1907, một nhóm hóa-học Nhật tìm ra chất Phosphatase ; và năm 1920, Neuberg tìm thấy chất Carboligase. Không những thế, năm 1931, Kirk và Sumner khám phá ra nhiều chất phản-nhiễu-tố (antidiastases), tỉ như chất antiuréase. Năm 1935, Théorell tìm ra chất *Cytochrome C* ở trong bắp thịt của tim và năm 1937 người ta lại tìm thêm chất *diaphorase*, dùng để lưu-thông khinh khí.

Oóc-Môn (Hormones) — Loại « Oóc-Môn » (hormones, khích-thích-tố) cũng được khảo-cứu rất nhiều. Người đầu tiên đã dùng chữ *Hormone* để chỉ loại khích-thích-tố là Ông Starling năm 1905. Có lẽ chúng ta cũng nên phiên âm chữ ấy mà gọi là Oóc-Môn cho tiện vì y-giới Âu-Mỹ đều gọi nó là Hormone. Khảo về Hormone thì dĩ-nhiên là phải hiểu về sinh-lý của các nội-tuyến (glandes internes, hay là glandes endocrines). Các oóc-môn đã được tìm ra, bắt đầu là chất Adrénaline, do nhà bác-học Nhật Takamine tìm thấy năm 1901 cùng với Aldrich, — chất Tyrosine do Kendall tìm ra năm 1914 — chất Insuline (chữa bệnh đái ra đường *diabète*) do mấy nhà hóa-học khảo-cứu như Stoltz năm 1904, Best và Banting (năm 1920). Nhà bác-học Đức Butenandt và nhóm người cộng-sự đã nghiên-cứu tất công phu về các loại oóc-môn chi phối đời sống tình-dục của con người. Vấn-đề mà các cụ ta xưa chỉ gọi là « nam nữ phòng-trung bí mật » hay nói tắt là vấn-đề « phòng-trung » (Sexologie) như người Tầu thường dùng ngay từ đời Tần, đời Hán, vấn-đề này đã được các nhà hóa-học nói trên đem ra phân tách và cho ta biết là những vấn-đề rất thông thường và cũng rất bí-mật như kinh-nguyệt đàn bà, chửa đẻ, ái-ân hoan-lạc, chẳng qua cũng chỉ do mấy thứ oóc-môn chi phối mà thôi ! Và từ đạo ấy, ngành thuốc chuyên chữa bệnh đàn bà cũng tiến lên rất nhiều vì nhờ được các công cuộc khảo-cứu về oóc-môn mà biết là đại đa số những bệnh phụ-nữ đều là do ở sự các oóc-môn tính-dục bị lung-lạc và bất đều. Về phần đàn bà người ta đã tìm ra chất *folliculine* và chất *progestérone* có quan-hệ mật thiết với sự giao-cấu và chửa đẻ. Về đàn ông, người ta cũng thấy hai chất *androsterone* và *testosterone*. Tuy vậy mà cũng hãy còn rất nhiều bí mật các nhà bác-học chưa tìm ra manh mối, tỉ như đối với các nội tuyến hypophyse, parathyroïde, v.v...

Cùng một lúc ấy có một nhóm bác-học khác khảo về chất oóc-môn của cây cối (Hormones végétales) và đã tìm thấy được nhiều yếu-tố về sự sinh trưởng (facteurs de croissance) của loại men (levures), mà ông Wildiers mệnh danh là *bios* từ năm 1901. Năm 1910, Boysen-Jensen tìm thấy những chất thuộc về loại *auxines* và từ đó công việc khảo-cứu vẫn tiến hành.

— *Sinh-tố* (vitamines) Hopkins là người đầu tiên đã nghĩ đến vấn-đề sinh-tố ngay từ năm 1906, nhưng phải đợi đến năm 1912 với công cuộc

khảo-cứu của Funk thì vấn đề này mới được đem ra giải thích một cách rõ ràng hơn nhiều. Chúng ta cũng nên biết qua sự khác nhau giữa 3 loại : nhiếu-tố (diastases), oóc-môn (hormones, khích-thích tố) và sinh-tố. Đại khái, nhiếu-tố do một số cơ-quan trong người chế tạo để dùng luôn, còn oóc-môn thì do các nội-tuyến chế-tạo và nhờ huyết-mạch lưu-thông đem đi khắp mọi nơi trong người — Trái lại, sinh-tố không do cơ-thể tạo ra, và vì vậy các sinh vật phải kiếm lấy ở ngoài để tự bồi dưỡng cho mình. Bây giờ với sự phổ - biến khoa-học, chúng ta ai cũng biết qua loa về một vài sinh-tố chính như sinh-tố B (vitamine B) — Chính Funk khi tìm ra sinh-tố B, đã là người đầu tiên đặt tên cho chất ấy là *vitamine*. Sinh-tố B tuy thế mà hiện giờ cũng chia ra nhiều loại, như loại B1 (aneurine) chữa bệnh phù chân (béri-béri) được nhiều người biết nhất. Bệnh phù thũng này, thuốc Đông-y thường gọi là bệnh cước-khí. Theo chỗ chúng tôi biết thì trong bộ Nội-kinh Tố vấn cũng đã có nói qua về bệnh này và gọi là Quyết-khí. Một danh y Trung-Hoa về thế-kỷ thứ XI, là Đồng-Cấp (Tong-Ki) tác-giả cuốn « Cước-khí trị-pháp tổng-yếu », có lẽ là người đầu tiên đã bỏ chữ « quyết-khí » để dùng chữ cước-khí (*cước* là chân). Chữ cước-khí được thông dụng từ đời Đường bên Tầu, và bộ « Cước-khí trị-pháp tổng-yếu » là một bộ sách chuyên nói về bệnh thũng (do thiếu sinh-tố B_1 mà ra). Theo Hai nhà y-sĩ Trung-Hoa Wong và Wa, tác - giả bộ History of Chinese Medicine (Tientsin Press 1932) thì chữ « quyết-khí » trong thiên Linh-Khu (Nội-Kinh) chỉ rõ ràng bệnh mà người Pháp gọi là Béri-béri. Tiện đây ta cũng nên biết rằng ngoài bộ Nội-Kinh có nói đến bệnh đó, còn có bộ « Sào-thị bệnh-nguyên » do Sào-Nguyên-Phương (Tch'ao - Yuan - Fang) đứng đầu một nhóm danh-y Trung - Hoa soạn ra từ năm 509 đến năm 610 sau Tây-Lịch kỷ-nguyên. Bộ này làm dưới đời Đường và có nói rõ về bệnh cước - khí cùng nguyên nhân bệnh ấy do gạo trắng sinh ra. Bộ « Sào-thị bệnh - nguyên » có thể nói là một bộ sách thuốc nổi tiếng đời Đường — đến đời Tống vẫn đem dùng để ra bài thi cho những người muốn làm thuốc. Bên Tây - phương những người đầu tiên để ý đến bệnh béri - béri, là Jacques Bontius (1592 - 1631) và vài y-sĩ Bồ-Đào-Nha (Portugal) như Gabriel Ribeiro (1559), Gondinho Da Eredia (1613), Jao Ribeiro (1685)... (1). Ngoài bộ Sào-thị, còn có một bộ nữa nhan đề là « Lĩnh-Nam cước-khí luận » của Tô - Giám (Sou Kien) bàn về bệnh này ở miền Lĩnh-Nam. Tiếc rằng chúng tôi chưa được đọc quyển ấy nên không biết sách đó có nói gì đến Việt-Nam ta không, vì chữ Lĩnh-Nam có khi người Trung - Hoa chỉ định nói đến mấy tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây mà thôi !

Dù sao ta cũng phải đợi đến 1912 với công cuộc khảo cứu của Funk về sinh-tố B1 mới biết tường tận về bệnh cước-khí và cách chữa của nó. Ngoài sinh tố B1, người ta tìm thêm sinh tố B2 (lactoflavine) cần dùng cho sự sinh-dưỡng cơ-thể, sinh tố B3 cần dùng cho các tế bào ; sinh tố B6 dùng để chữa các bệnh về gân cốt, về tim yếu ; sinh tố B12 (tìm thấy năm 1949) để chữa các bệnh thiếu máu (anémie). Sinh tố

(1) Theo sách Bio-Bibliographie de la Médecine Chinoise, par P Huard et M. Wong. Saigon 1966. Bulletin de la Société des Etude Indochinoises. Tome XXXI, N° 3.— 3e Niniccstre.

này đã được tìm thấy ở trong gan và khi dùng để chữa bệnh, người ta cần những liều rất nhỏ (vài gamma mà thôi, một gamma, bằng một phần một triệu của một gramme) $\gamma = \frac{1}{1.000.000}$ gr); sinh tố C (acide ascorbique) cần dùng cho máu ; sinh tố D (calciferol) chữa bệnh gầy còm (rachitisme) ; sinh tố E, thường được coi là sinh tố cần cho sự sinh con đẻ cái ; sinh tố K rất công hiệu để cầm máu (antihémorragique)...

Ngoài sự khảo-cứu về sinh tố, người ta còn để ý đến công dụng của những chất phản sinh tố (antivitamines) và người ta nghiệm thấy rằng nhiều thứ vi-trùng phải cần đến một số sinh-tố đặc biệt để sinh sống và nảy nở. Cũng vì thế mà ngành khảo cứu những sinh-tiếp chất (biocatalyseurs) lại hướng dẫn các nhà hóa-học đến việc tìm phương pháp mới để giết vi-trùng.

Đứng về phương diện hóa học mà nói thì ba loại : *vitamines* (sinh tố) *diastases* (nhiếu tố) và *hormones* (khích-thích-tố) rất gần nhau.

Năm 1931, Windaus và Bourdillon đã làm ra sinh-tố D bằng cách đem chất *ergostérol* ra phát-quang (irradier). Về định thức hóa-học, sinh-tố và phản sinh-tố rất giống nhau và chả mấy lúc, các nhà sinh-hóa-học sẽ có thể tạo ra được rất nhiều loại sinh-tiếp-chất (biocatalyseurs artificiels) mà các tính chất riêng biệt đã được biết từ trước khi làm.

Vừa đây, trong hồi chiến tranh lần thứ hai, người ta đã tìm ra chất Pentothal để chữa bệnh thần-kinh cho một số chiến binh. Thuốc này đưa bệnh nhân vào một trạng-thái bàng-hoàng, nửa tỉnh nửa mê. (Y-học Âu Mỹ gọi trạng-thái này là : Sommeil crépusculaire, - Twilight Sleep.) Chữ Twilight cũng như chữ Crépuscule chỉ hoàng-hôn, lúc tranh tối tranh sáng. Các y-gia Âu Mỹ đã có dụng ý lấy chữ ấy để chỉ tâm trạng người ta lúc sắp ngủ mà vẫn còn hơi tỉnh... Sau đó ít lâu, thuốc pentothal được đem ra dùng để hỏi khẩu cung một số tội nhân. Đã đến lúc phát-sinh một ngành khoa-học mới, ngành tâm-lý hóa-học (*psychochimie*), tạm gọi tắt là tâm-hóa-học. Tâm-hóa-học có triển vọng lớn trong công cuộc chữa nhiều bệnh thần-kinh xưa nay vẫn nổi tiếng là nan y trong giới y-học Âu Mỹ.

(Còn tiếp)

N. T. H.

ĐÍNH CHÍNH

Trong Bách-Khoa số 81 bài « **Thành tích 50 năm khoa-học** », của ô. Nguyễn-Trần-Huân, có để những lỗi sau đây :

1) trang 77, dòng 14, cột phải... chỉ **gởi** về... xin đọc là chỉ *giỏi* về...

2) trang 77, cột trái, dòng 3... « **mong** tất cả các nước **trong** thế-giới » xin đọc là « *trong* tất cả các nước **trên** thế giới ».

3) trang 78, dòng 16, cột phải : cybornétique, xin đọc là cybernétique.

4) trang 79, cuối cột trái Hevesy des Heves, xin đọc là Hevesy *de* Heves.

5) trang 80, cuối cột phải : trong phạm-vi bài này tôi đã nói nhiều... xin đọc là : tôi *sẽ* nói nhiều...

Mong các bạn sửa giùm những lỗi trên và chúng tôi xin có lời cáo lỗi.

NGÀY XƯA

Bóng tối nằm dưới sân trường
Tôi đưa hai bàn tay thức dậy
Vẫy những thằng bạn xưa
Những thằng bạn như mới vừa đây, vừa giấc ngủ
ban trưa,
Gần nhau biết mấy!

*
* *

Những thằng bạn xưa học sách một thầy
Cùng đi về một đường, cùng nói chuyện ngày mai
Cùng xâu xé nhau ổi non từng quả
Cùng trang giành nhau kẹo bi, nước lã,
Cùng giận nhau, ục nhau, cùng tinh nghịch một bầy

Thế mà giờ đây
Thế giới năm ba phe
Bạn bè năm bảy lũ
Cộng-sản, Quốc-gia, Nga Tàu Anh Pháp Mỹ
Nam Tào, Bắc Đẩu nào hay
Những đứa so vai, rút cổ, lưng gầy
Bàn định mưu mô giết những thằng to béo
Những thằng béo to chửi bọn so vai khéo lòn,
đòn khéo

Những thằng mác-lê mác-liếc nhì nhằng
Những thằng cơm no áo tốt giung-giăng
Chùng nó đành quên ngày xưa cơm đùm gạo sạn
Nào có biết quốc gia, nào hiểu ma Cộng-sản
Ch' biết chạy từng đàn cho kịp trống vừa khua
Chạy từng đàn kịp giật trái me chua
Chạy từng đàn tranh nhau bóng tối
Xót chia nhau từng nắm xôi nhai vội
Giận hờn nhau cho lắm để cười khì
Rồi cử rồi thi
Đứa che thầy, đứa núp lưng giở vở
Trái ni của tau — Trái mi to rứa
Nghịch như tinh một bầy khỉ của thầy
Thầy không hề nói chuyện Tàu Tây
Không hề nói chuyện chủ nghĩa, hai phe, Nga Tàu
Anh Pháp Mỹ

Thế mà
Giờ đây
Bầy khỉ của thầy nay thành lũ quỷ

* * *

Bóng tối ngủ dưới sân trường
Tôi đưa tay ngượng ngùng ve vẩy
Ánh sáng ngày xưa không buồn trỗi dậy
Chúng nó ngày xưa đã biến cả rồi
Bạn hay thù, chúng nó hay tôi
Ngày xưa của chúng ta nay đã mất.

Đỗ-Tấn

TRẦN-VĂN-KHÊ

HÁT Ả-ĐÀO

(Tiếp theo B.K. số 81)

III.— Âm-nhạc trong ả-đào

Ả-ĐÀO ngày xưa không những biết hát còn biết múa và trong một cuộc hát, ả-đào phải có cả một giàn nhạc. Chúng ta thử lần lượt xem qua các nhạc khí dùng trong chốn giáo-phường, các điệu hát, và điệu múa trong lối ả-đào.

A.— NHẠC-KHÍ

Theo Phạm - Đình - Hổ (1), thì trong chốn giáo-phường có :

1.— *Trường cùng* tức là một cái phách làm bằng tre già, hình dẹp như cây đòn gánh, dài độ ba bốn « thước » ta (2) ; cái phách ấy do một bà già gõ nhịp.

2.— *Trúc địch* tục gọi là *cái sáo* thường hòa với những cây đàn khác vì theo Phạm-Đình-Hổ, thuở ấy ít người thổi sáo giỏi để độc tấu.

3.— *Yêu cổ* tục gọi là trống cơm, Tang trống nhỏ mà dài. Trên hai mặt trống có hai miếng cơm nếp nghiền nhỏ để tiếng trống « ứng hòa » với nhau.

4.— *Địch quản* (trong bản dịch của Đông-Châu tác-giả viết « tục gọi là cái « *quyển nhị* ». Trong bản chép tay Vũ-trung tùy bút của trường Bác cổ Viễn-Đông do ông Malléret (Ma-lê-rê) thấy cũ của chúng tôi cho chụp phim gửi sang, ông Hoàng-Xuân-Hãn đã đọc giùm chúng

(1) **Phạm-Đình-Hổ**.— *Vũ - trung tùy bút*, tờ 43a. Bản dịch của Đông - Châu — Nam - Phong tháng 10 năm 1927, trang 367.

(2) Đông - Châu dịch là ba bốn *tấc*. Nhưng trong bản chép tay do ông thấy cũ chúng tôi là Louis Malleret (Ma-Lê-Rê) cho chụp phim gửi sang (bản ấy ngày nay còn tại thư-viện trường Viễn-Đông bác-cổ Hà-Nội) chúng tôi thấy chữ *xích* là thước. Theo sự khảo-cứu của Lê-Thành-Khôi thì thước ta dưới triều Nguyễn dài 42, 5 phân Tây. Theo ông Hoàng-Xuân-Hãn thì thước ta dưới Lê-triều dài độ 23 phân Tây.

tôi những chữ viết tháo và chữ nôm và theo ông Hãn thì trong bản chúng tôi đang giữ thì người chép « *quyền thủy* » chớ không phải « *quyền nhi* ».) Phạm-Đình-Hổ có chua thêm một câu về ống địch quản... « để hòa với các tiếng âm nhạc hay là thổi một mình nghe cũng hay. »

5.— *Đới cầm* tục gọi là *đàn đáy* Phạm-Đình-Hổ tả hình dáng đàn đáy như sau đây (1): «Đàn đáy cũng giống như đàn tàu ba dây (tức là đàn tam) nhưng mà đáy nó vuông, dọc đàn dài Trên đọc gắn 16 phiếm tỉ với đàn ba dây cũng hơi khác. Khi kép ra hát thì lấy dây lưng điều treo đàn ngang lưng để gảy cùng với ả-đào xướng họa, tùy theo giọng hát thăng giáng mau khoan (2) ứng nhịp với nhau, nhưng tiếng đàn thấp kém không có cao hơn tiếng hát được.

(Về cây đàn đáy chúng tôi sẽ nói đến một cách đầy đủ hơn. Hiện giờ chúng tôi ghi lại giản nhạc phụ họa ả-đào giữa thế-kỷ thứ XV và thứ XVIII).

6.— *Cái phách* do ả-đào đánh. Cái phách tên tục là *cái sinh*. Ả-đào vừa hát vừa gõ phách. Có khi ả-đào dùng *quản tiền phách* tục gọi là cái *sinh tiền*.

7.— Trống *đan diện cổ* (tức là trống một mặt) tục gọi là *trống mảnh* (theo bản chép của chúng tôi thì « tục gọi là *trống cái*) Phạm-Đình-Hổ tả trống ấy như sau đây: (1) « Trống mảnh một mặt, tang trống nhỏ và mỏng, sơn son thếp vàng, khi ả-đào mới lên chiếu hay lúc uốn éo múa mênh (2) thời đánh trống ấy tiếng nó kêu lung bung bập bùng rất hay ».

Giản nhạc phụ họa hát ả-đào thời đó có nhiều nhạc-khí, hai loại trống: trống cơm và trống mảnh trống cái, hai loại phách: trường cùng và cái sinh hoặc cái sinh tiền, hai loại sáo: trúc địch và địch quản, và một cây đàn dây: *đàn đáy*.

Theo tài-liệu của G. Dumoutier (Đuy-mu-chê) thì vào cuối thế-kỷ thứ XIX, ả-đào hát có đàn nhị, đàn đáy họa theo. (3)

Trong mấy năm trước thế-giới chiến-tranh thứ hai, thường ả-đào hát chỉ một cây đàn đáy đàn theo cũng đủ.

Cây *đàn đáy* theo tương truyền do *Lý-Thiết-Quải* (trong Nam thường gọi là Lý-Xích-Quài) chế ra (4). Hoàng-Yến trong khi ghi lại chuyện hai vợ chồng tiều-phu gặp tiên truyền nghề hát và cho đàn mà chúng tôi đã nhắc

---

(1) Phạm-Đình-Hổ *Vũ trung tùy bút* tờ 43b và tờ 44a Bản dịch của Đông-Châu đăng trong tạp chí Nam-Phong Tháng 10, năm 1927. Trang 367.

(2) Trong bản chép hiện chúng tôi đang giữ thì chỗ « man khoan » hoặc tác-giả viết, hoặc người chép lại ghi hai chữ «cương nhu» tức là cứng mềm. « Thăng giáng cương nhu » có lẽ là « bổng trầm to nhỏ » hơn là man khoan vì trong cổ nhạc những điệu mau gọi là *cấp điệu*, những điệu vừa gọi là *bình điệu* và những điệu khoan, hay chậm gọi là *hoãn điệu*.

(1) **Phạm-Đình-Hổ** *Vũ trung tùy bút* tờ 44a. Bản dịch của Đông-Châu Nam-Phong tháng 10 năm 1927 trang 367.

(2) Phạm-Đình-Hổ dùng chữ « chuyển chuyết » Theo ông Hoàng-Xuân-Hãn thì hai chữ « chuyển chuyết có nghĩa là « uốn éo giọng hát ».

(3) **G. Dumoutier** *Les chants et les traditions populaires des Annamites* (những điệu hát và truyền thống dân-tộc của người Việt, Paris E. Leroux 1890 — Trang IX.

(4) Xin coi chú-thích 1 trang sau.

lại trong đoạn đầu, có nói rằng chuyện ấy không căn-cứ vào đâu cả. Theo tác-giả thì đàn đáy có lẽ là một cây cầm nam nhỏ (1). Hai ông Pierre Huard (Pi-e-Huy-a) và Maurice Durand (Mô-ri-xơ Đuy-răng) cũng đồng-ý với Hoàng-Yến (2).

Chúng tôi thấy rằng giữa cây *Nam cầm* và cây đàn đáy chỉ giống nhau ở chỗ công dụng: hai cây đều dùng để phụ-họa cho ả-đào. Cây Nam cầm nay đã thất lạc không còn ai giữ lại để làm di-tích của một cây đàn, theo Hoàng-Yến, do một người Việt tên là Luận-Quốc-Công chế ra (3) Luận-Quốc-Công húy là Dục không biết sanh ra năm nào chỉ biết rằng theo sách Đại-Nam liệt truyện tiền biên thì từ trần năm 1753. Người hào hoa phong nhã và tinh thông âm-nhạc. Thấy rằng giọng hát ả-đào thì cao mà không có tiếng đàn nào theo kịp, ông mới phỏng theo đàn cầm, đàn sắt và tì-bà mà chế ra cây nam cầm. Thùng đàn hình vuông, cần đàn dài 1 thước 2 và đàn có 8 dây. (3) Luận-Quốc-Công dạy cho một người hầu đánh đàn và sau, người nầy truyền nghề lại cho một người thiếu-phụ tên là Đầu nương người làng An-Cựu, tỉnh Thừa-Thiên. Đầu nương thuở bé theo nghề hát. Lớn lên bỏ nghề hát, đã có nhan sắc lại đàn hay, nhiều người rắp ranh bắn sẻ. Sau có chồng tên là Tham-Tán cũng là bực danh cầm. Nhưng loan phụng hòa minh chưa được bao lâu Tham-Tán chết và từ đó Đầu nương thề không đàn hát bao giờ nữa (1).

Cây *đàn đáy* cũng gọi là *đối cầm*, hay *trù cầm*, hay *đàn nhà trò*: là một loại đàn dây. Thùng đàn hình thang. Cần đàn dài 1 thước 1 tấc 6 phân (2).

Đàn có 12 phím (2) và 3 dây tơ: dây đai, dây trung, dây tiếu. Theo Phạm-Đình-Hổ thì đàn đáy có 16 phím (3) chúng tôi đã nhờ Phạm-Duy vẽ một cây đàn đáy hiện nay đang dùng tại nước Việt. Theo Phạm-Duy thì đàn đáy có 11 phím. Theo V. C. Mahillon (Ma-hi-ông) thì ba dây đều cách nhau một ngũ độ (quinte) : xôn, rê, la. (2)

Theo tài-liệu do Phạm-Duy gởi sang chúng tôi thì

dây Đài : Hò (đô)
dây Trung : xang (fa)
dây Tiếu : phàn (xi giảm : Si ♭)

Hiện giờ, chúng tôi chưa biết cây đàn đáy do ai chế ra và từ đời nào. Chỉ biết rằng người Trung-Hoa không có đàn *đối cầm* hay *trù cầm*. Tiếng đàn đáy tương tợ tiếng đàn nguyệt, nhưng không

---

(1) **Hoàng-Yến** *La musique à Huế : le đàn nguyệt et le đàn tranh*
Bulletin des Amis du Vieux Huế Juil-Sept. 1919. trang 253

(2) **Pierre Huard et Maurice Durand** *Connaissance du Việt-Nam*, trang 261

(3) **Hoàng-Yến** La musique à Huế: *le đàn nguyệt et le đàn tranh*, trang 252

(1) **Hoàng-Yến** *La musique à Huế : đàn nguyệt et đàn tranh.* Bulletin des Amis du vieux Huế Juil-Sept 1919. Trang 252.

(2) **V.C. Mahillon** *Catalogue descriptif et analytique du Musée instrumental du Conservatoire Royal de musique de Bruxelles* (Bản tổng mục các nhạc-khí trữ tại viện Bảo-tàng của Âm-nhạc viện Bờ-ru-xen-lờ của nước Bỉ. Tác-giả tả hình dáng các nhạc-cụ và chỉ cách lên dây). Quyển III. Trang 348.

(3) **Phạm-Đình-Hổ** *Vũ-trung tùy bút* tờ 43.b

giống hẳn. Vả lại, đàn nguyệt của ta không giống đàn nguyệt Trung-Hoa và dưới thế-kỷ thứ XVIII gọi là *đàn song vận* (4). Theo chúng tôi, thì đàn đáy do người Việt chế ra. Nhưng cũng phỏng theo đàn nguyệt-cầm và đàn ti-bà của người Trung-Hoa. Đàn nguyệt-cầm của người Trung-Hoa — giống như *đàn xến* ta còn dùng ngày nay — có 17 phím, đàn đáy ngày xưa có 16 phím. Dây đài của ti-bà, đánh không, ra chữ Tồn Nhấn phím đầu, khảy dây, ra chữ xế tức là cao hơn chữ tồn một ngũ độ (quinte). Dây đài của đàn đáy, đánh không, ra chữ tồn, nhấn phím đầu khảy dây ra chữ hò tức là một bát độ (octave) cao hơn. Nhưng chỉ có phím đầu của đàn ti-bà và đàn đáy là ở xa trục đàn nhất. Chỉ có đàn ti-bà và đàn đáy dùng để đánh hợp âm (accord).

Đàn đáy cũng như đàn độc huyền (đàn bầu) là một trong những nhạc khí đặc biệt của nước Việt và đáng cho nhạc-sĩ học-tập và nghiên-cứu thêm. Từ xưa đến nay *đàn đáy* là đặc biệt dùng để đàn phụ-họa cho ả-đào hát.

KỲ SAU : — Các điệu hát ả-đào
— Điệu múa của ả-đào

TRẦN-VĂN-KHÊ

(4) *Khâm - định Đại - Thanh hội điển sử lệ* Quyển 528 tờ 3b.

✱ Bạn nên dè chừng sự mỉa mai. Đối với điều ít quan-trọng, mỉa mai có thể làm cho lời phê-bình đượm vẻ thanh-lịch ; đối điều thật quan-trọng, mỉa mai có thể coi như là một sự bất công.

✱ Gièm pha, mai mỉa là thói xấu nhất ở đời (Lã-Khôn).

✱ Chớ châm chọc để người buốt, chớ cạnh khóe để người đau. (Lục-Lũng-Kỳ).

« Đập nồi, nhận thuyền »

Chí cương quyết, lòng quả cảm được người Trung - Hoa tô điểm bằng một điển tích : « phá phẫu trầm châu », đập nồi cho bể, nhận thuyền cho chìm. Nguyên Hạng-Võ đi cứu đất Cự-Lộc, qua sông, đem hết quân lên bờ rồi thì ra lệnh đập nồi cho bể, nhận thuyền cho chìm, để quân không còn hy-vọng trở về được nữa, mà phải liều chết giành lấy chiến thắng. Thủ đoạn của Hạng-Võ, người đời gọi là thủ đoạn « *đập nồi, nhận thuyền* ».

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BAO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — **INCENDIE**
Tai-nạn — Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — **RISQUES DIVERS**
Hàng-Hải — Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

(INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON
Tél : 20.921 — Boîte postale : 276
1, Duong Nguyên-Siêu — SAIGON

•

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES, CATALOGUES, TOUS IMPRIMÉS DU COMMERCE, REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES, ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES, CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR, TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO **"DOREL"**

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim
DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim

Luân-Đôn Tổng-Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

Saigon Chi-cục

CHI-CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy
CHI-CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống-Nhứt
(Nhà đầu Standard Vacuum Oil Co.)

Nam-Vang Chi-Cục

10, Phlauv Preah Kossamac

Chi-nhánh thành-lập tại các nước Viễn-Đông

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

ĐIỂM SÁCH

Tên sách : **KỲ THÁC** (1)

Tác giả : BÌNH-NGUYÊN-LỘC

Nhà xuất bản : **Bến Nghé**

✱ CÔ PHƯƠNG-THẢO ✱

QUA mười sáu truyện ngắn chọn lọc của tập *Kỳ Thác*, người đọc có thể nhận thấy những điều sau này :

Bình-Nguyên-Lộc là một nhà văn phong-phú. Ông đề-cập rất nhiều vấn-đề, nói đến rất nhiều cảnh sống và bày tỏ rất nhiều thái-độ. Với *Rừng mắm* ông đưa ta trở về với lớp người của cái thế-hệ tiên-phong vỡ đất khai hoang để gầy sự sống giữa chốn đồng chua nước mặn. Trong *Hạ bệ* ông lôi ta lại với không khí phố phường, ném ta vào với cái khung cảnh gia-đình đã bị bụi bặm của cuộc sống ăn chơi nhiễm-độc. *Ba con cáo* là hình ảnh của cặn bã đô-thành mà sự đói khổ trong những ngày mưa, như một que gỗ, đã khơi cho bốc dậy những màu rác bẩn hôi tanh. *Ba sao giữa trời* chiếu lại ít vẻ sinh hoạt của những sinh viên trường thuốc để làm nền cho một khám phá về nghĩa cuộc đời. *Ăn cơm chưa* là tấn bi kịch mà nhân-vật chính là một ả-xẩm đáng thương như ả-xẩm trong *Pì-Pẽ-Hán* nói lên nỗi sầu của người kỹ-nữ lạc loài bên cái tiêu điều của những con người văn-nghệ cố gắng để khỏi trở thành héo hắt. *Cho tay này, lấy tay kia* hay nỗi hoài nghi về khoa-học có thể trở thành một sự trớ trêu của định-mệnh. Tác-giả còn muốn đi sâu hơn, dẫn ta lục lọi trong tiềm thức u-ẩn để bắt *Hồn ma cũ*, và đi xa hơn, ra ngoài đảo vắng xa cách với

(1) Trong khi chuẩn bị đăng tải bài điểm-sách này của cô Phương-Thảo, Toà-soạn có nhận được bài phê-bình *Kỳ-thác* của bạn Nguyễn-văn-Xuân trong một bài phê-bình công phu về *Những truyện ngắn năm 59 và 60* gồm có 4 quyển : Kỳ thác của Bình-Nguyên-Lộc, Cô gái xóm nghèo của Phan-Du, Gin vàng giữ ngọc của Doãn-Quốc-Sỹ, Hoài cố nhân của Võ-Hồng. Để khỏi lặp lại những vấn-đề đã được đề cập ở Bách-Khoa và để giới-thiệu xứng đáng công-trình của tác-giả, chúng tôi xin gởi loạt bài này cho tờ *Mai* sẽ ra vào hạ tuần tháng 6-1960.

phần đông nhân loại để khi nhớ đến chuyện *Rung cây dừa* lại háo-hức trở lại với loài người. Bình-Nguyên-Lộc còn làm ta cảm-động trong *Đôi bạn mắc hoa vông* với một cô gái già sầu tủi tình yêu và con chó Ma-lên khao khát... ái tình, buồn cười trong *Nắng chiều* với thầy mười Sáng lẫn thẩn phí bỏ gần ba mươi năm để theo đuổi tà-thuật, và một *Người tài xế điên*, một *Kẻ chiến bại* đưa ta vào những thói tục, vào những tâm-lý u-ám của con người. Hơn thế, tác-giả còn trả ta trở về với *Đồng đội* của ta, cho ta tin-tưởng ở cái sức mạnh khác thường của tinh-thần tập-thể, và trong *Người đàn-ông đẻ*, trong *Lầu ba phòng bảy*, cho ta hiểu thêm cái giá-trị của con người văn-nghệ.

Như thế, tác-giả tỏ ra không muốn thiếu thốn bất cứ điều gì. Từ lớp cùng khốn đến hạng giàu sang, từ thời xa xưa cho đến hiện-tại, từ tâm-lý đến khoa-học và văn-nghệ, Bình-Nguyên-Lộc đều muốn đào cái nhìn bao quát của mình để ôm lấy sự-việc. Sự phong-phú của Bình-Nguyên-Lộc không bao giờ làm cho ta nản lòng. Tác-giả lôi cuốn ta đi, bắt ta xông xáo nhiều nơi và dành cho ta nhiều sự đợi chờ thú-vị. Bình-Nguyên-Lộc không phải là người dẫn đường trầm ngâm hoặc khó tính nhưng là con người ưa thích giảng giải sự đời và tính vốn lành, do đó ngòi bút của ông trân trọng gìn giữ cuộc đời như một người con thuận thảo giữ gìn nền nếp gia-phong. Cái khía cạnh lành mạnh ấy là điểm mà nhiều người tìm đến với ông như phải bước qua những nẻo tối tăm dày đặc ta hướng về những con đường sáng sủa phong quang. Người đọc biết chắc rằng ở cuối lối đi sẽ có ngôi nhà chờ đợi và dù nghèo nàn vẫn sẵn có cơm, có nước và chỗ nghỉ-ngơi. Đường đi của Bình-Nguyên-Lộc không có chông gai như nhiều con đàng miền Nam khô ráo chạy qua giữa đám bùn lầy. Trong Bình-Nguyên-Lộc vẫn có bùn lầy nhưng bùn lầy đã được đắp lên thành những con đường khô ráo.

Sự lành mạnh ấy có lẽ xuất-phát từ cái căn - bản thuần - hậu của phần nhiều con người miền Nam, được bồi tiếp bằng cái không khí một cuộc sống điều hòa, dễ-dãi, luôn luôn theo đúng khuôn - phép gia-đình. Bởi vậy cuộc đời mà Bình-Nguyên-Lộc đem đến cho ta không có vẻ gì tàn-ác, không có vẻ gì khó khăn và cũng không có vẻ gì lớn lao như nhiều bạn trẻ mơ-ước. Cái sắc thái lành mạnh vừa phải ấy ở Bình-Nguyên-Lộc thực là chân-thành, vì Bình-Nguyên-Lộc không hề cố - ý để làm điều thiện nhưng điều thiện có sẵn từ trong nếp sống của ông. Tất cả những ưu điểm ấy làm cho Bình-Nguyên-Lộc nổi bật lên như một vệt sáng giữa những bóng u-tối là lớp người cầm bút quanh quẩn với một nội-dung bệnh-hoạn và nghèo-nàn. Vì vậy nhiều người đã ca ngợi rất hợp lý cái cao quí của *Rừng Mắm*, cái xót xa của *Ba Con Cáo* và cái hùng tráng của *Đồng Đội*. Đọc Bình-Nguyên-Lộc chúng ta không bị đe dọa nhưng được an-ủi, vỗ-về. Có thể là chúng ta không chịu nghe lời an-ủi và không hài lòng về chuyện vỗ-về nhưng ít nhất chúng ta cũng không cảm thấy là mình đã bị bạc đãi hoặc bị phỉnh lừa. Những kẻ muốn tìm sự sống tinh - vi của tâm hồn và những uyển chuyển phức - tạp của cuộc đời cũng không thể gặp nơi Bình-Nguyên-Lộc, tuy Bình-Nguyên-Lộc luôn luôn giúp ta yêu mến cuộc đời, khiến

ta quay về lẽ phải, lấy sự biết-điều làm một phương châm hành-động.

Nhưng ngoài sự phong - phú trên cách nhìn, ngoài sự lành mạnh trong cảm nghĩ, Bình-Nguyên-Lộc còn khiến cho chúng ta mến yêu vì cái sắc thái địa-phương đậm đà ở trong tác - phẩm. Với Bình-Nguyên-Lộc chúng ta có dịp trở về với ruộng đồng miền Nam, chui qua cái ngõ-ngách của đô-thành, tìm đến những hàng quán cũ, chứng kiến những mẩu sống, những thói tục và những con người không thể tìm thấy ở bất cứ một nơi nào khác. Bình-Nguyên-Lộc không thuộc về lớp người khư khư ôm lấy địa-phương-tính của mình như một kẻ sợ hãi chân trời bám lấy lũy tre và ruộng vườn quê cũ và cũng khác hẳn với những lớp người đứt rễ chỉ bay lượn lên trên nhiều khoảng không gian. Tác-giả biết yêu quí cái gì vốn là của riêng mình và khai-thác những khía cạnh tốt đẹp của nó để làm vẻ vang cho mình và cho quê cảnh mình. Trong lúc đi tìm vẻ đẹp, Bình-Nguyên-Lộc đi vào lẽ thiện của con người và do đó màu sắc địa-phương ở trong tác-phẩm cũng mất đi những vẻ thô-kệch, nặng-nề để chỉ giữ lấy cái nét hiền-hòa, tươi sáng, giản-dị, quân bình. Địa-phương-tính của tác-giả là một địa-phương-tính lành-mạnh và hòa-đồng, không hề cản trở bước đường người đọc tìm về tác-giả mà trái lại, giúp thêm thanh-thoát lưu-thông.

*
* *

Nhưng qua một số truyện của Bình-Nguyên-Lộc nhiều người nhận thấy việc làm của tác-giả hình như có khác với đa số những kẻ theo nghiệp văn-chương. Trong sự sáng-tác thường thường người ta đi vào cuộc đời, nhiễm vào sinh-hoạt rồi từ đấy bỗng nghe một tiếng kêu đòi như lời thúc-giục để mà phải viết. Càng đi vào cuộc sống người ta lại càng thích viết, lại càng phải viết nếu viết vừa là nghiệp-dĩ đối với bản thân vừa là trách-nhiệm đối với xã-hội. Từ những hình tượng mà ta xây dựng ở trong tác-phẩm, từ cái khung cảnh nghệ-thuật ấy vấn-đề phát sinh như hoa được nở, như trái kết thành ở những cây lá mà ta vun quén tươi xanh. Đáng lẽ vấn - đề phải phát ra từ những cảnh đời thì ở tác - giả — trong rất nhiều truyện — cảnh đời phát ra từ những vấn-đề. Người đọc có cảm giác chắc chắn rằng trước khi sáng tác, Bình-Nguyên-Lộc đi tìm những tư tưởng tổng-quát — những tư tưởng có vẻ mới và lạ — rồi đem cuộc đời bắt nó chứng minh. Những tư-tưởng tiên-thiên ấy không cần là một tiếng kêu đòi từ trong sinh-hoạt bên ngoài hay là bên trong, không cần phải là lẽ sống của người viết truyện. Những tư-tưởng ấy — như đã trình bày — chỉ cốt mới, cốt lạ, cốt sâu sắc — cố nhiên là đối với tác-giả — thế là đủ để cho tác-phẩm ra đời. Và tác-phẩm ra đời như thế nào ? Những cảnh sống lê-tê được chắp nối và dồn vào cái khung tư-tưởng. Tư-tưởng khái quát quá, trừu tượng quá mà sự việc thì cụ thể quá, phiến diện quá, cho nên tác-giả vấp phải cái trở ngại sau này : muốn vừa cái khung của truyện ngắn thì không thể vừa được cái khung tư-tưởng và ngược lại. Vì vậy ít khi tác-giả thỏa mãn chúng ta trên phương diện này. *Năng chiều* muốn chứng tỏ cái khoa-học tả-thuật thật là hoàn toàn vô-ích nhưng không làm cho chúng ta tin ở nhận-thức tác-giả đối với vấn-đề. Nó vô ích thực đấy—ai cũng đều biết như thế — nhưng nó có ích cho lũ người thực

hiện tả-thuật và bọn này không chịu đầu hàng một cách quá dễ-dàng như vậy. Hai mươi tám năm trời học-tập của thầy Mười Sáng chỉ gặp mấy câu nói pha trò đơn giản của một cậu Vinh đã phải sụp đổ tan tành. Để có một chiến thắng, Bình-Nguyên-Lộc dựng lên một bức trường thành và tấn công bằng vài phát đạn chì là khúc ca khải hoàn trỗi dậy. *Rung cây dừa* viết ra để chứng minh rằng con người không thể thoát ly cái xã-hội văn-minh đang sống để trở lại cuộc đời gần như man rợ. Trên hai mươi năm trời xa lánh cảnh sống văn-minh, thầy giáo Lầu lúc đã về già, trở về với mảnh đất liền. Con người như thầy giáo có thể thực chăng ? Chắc rằng không ai nghĩ rằng là thực, cả đến tác-giả cũng thấy như vậy. Tuy nhiên tác-giả chỉ cần một người để chứng minh cho tư-tưởng trên và tác-giả cứ tạo. Khi cần diễn tả sự ghét bỏ loài người thì tác-giả đày thầy giáo Lầu ra cù-lao Củ-tron, khi cần đề-cao xã-hội văn-minh thì tác-giả bắt thầy « háo hức » (163) trở về. Mặc kệ cho thầy giáo Lầu già nua, khổ cực, đã hết tình đời, quên nhà, quên nước nhưng cuối cùng không được quên phần cơm cháo bố-thí của cái xã-hội văn-minh mà mình nhất định quay lưng lại đến trên hai chục năm trời ! Đưa thầy giáo Lầu trở về như vậy, thực là công việc vô cùng gian khổ nhưng đối với nhà văn Bình-Nguyên-Lộc thì xem như trở bàn tay. Nhiều người còn yêu tác-giả là vì lẽ đó. Bình-Nguyên-Lộc làm cho đơn giản cuộc đời. Và nếu cần, ông hi-sinh con người văn-nghệ để bảo-đảm cho con người xã-hội mặc dù hi-sinh như thế, nhiều khi phải mất cả hai. Nhà văn — mặc dù là một ông tạo-hóa nhỏ — cũng phải tuân theo qui-luật của sự sáng-tác và qui-luật ấy nương theo qui-luật của tâm-lý, của xã-hội, của thiên-nhiên chứ không thể tự-do bố trí cho con người hoạt-động tùy theo ý thích của mình. Khi nhà văn bất chấp cả những điều-kiện thực-tế, công trình của nhà văn không là sáng tạo mà thành bịa-đặt.

Qua một số truyện ngắn của Bình-Nguyên-Lộc người ta dễ có cảm-tưởng tác-giả là một giáo-sư có tâm huyết và có năng khiếu văn-nghệ nhiều hơn là một nhà văn.

Hồn ma cũ phải chăng là một bài tâm-lý học thường-thức được cụ thể-hóa ? *Người đàn ông đẻ* là một « cổ-tích tân-thời » cố gắng chứng minh — mặc dù rất nhiều sai lạc — về quan-niệm người nghệ-sĩ. *Kẻ chiến bại* là một đoạn phân tích tâm-lý không hơn không kém. Về loại truyện có tính cách luận-đề này, Bình-Nguyên-Lộc không có khám phá thêm những gì mới mẻ, tác-giả chỉ củng-cố lòng tin của ta về những chân-lý đã có sẵn từ lâu. Và phương-thức sáng-tác này có thể đem lại hai kết-quả tai hại, về nội dung, cũng như hình thức.

Về nội dung đôi khi tác-giả mâu-thuẫn với mình. Chạy theo những ý-tưởng có vẻ mới, có vẻ lạ tác-giả không tìm ra lối về và đi ngược đường. Hình như dọc xong *Cho tay này, lấy tay kia* không ai ngăn được nỗi lòng giận dỗi đối với tác-giả. Giận dỗi là vì người ta đã tin, đã yêu tác-giả, bây giờ cảm thấy bị sự phụ-phàng. Khoa-học đã chạy chữa hết sức cho một con bệnh được lành, nhưng khi già từ bệnh-viện người kia qua đường và bị ô-tô cán chết. Thế là tác-giả bắt giáo-sư H. — một giáo-sư y-khoa lỗi lạc có

uy-tín trên quốc-tế — thở dài mà nói : « *Khoa-học đã lấy lại tất cả những gì mà khoa-học đã cho* ». (trang 101)

Người ta chỉ có thể nghĩ rằng giáo-sư H. có quyền nói thế, nhưng nói để đùa cợt — một lối đùa cợt chua chát trước những hiện tượng may rủi xen kẽ trên đời, tuy sự may rủi ở trường-hợp này có thể lường được.

Nhưng nếu quả có một giáo-sư H. trên thế-giới lẩn-thẩn nói lên như thế thì ông giáo-sư ấy không đáng đem vào tác-phẩm của Bình-Nguyên-Lộc. *Bởi vì đấy không phải là sự thực của cuộc đời cũng như không phải là sự thực của câu truyện ngắn trên đây.* Sự thực của cuộc đời là khoa-học đã giúp nhiều cho nhân-loại và chúng ta phải đặt hết lòng tin vào khoa-học, chứ không thể gieo rắc hoài nghi. Nhà văn phải phân biệt khoa-học, cái tinh-túy của trí-tuệ nhân-loại, với những lớp người sử-dụng khoa-học. Thêm nữa, sự thực của câu truyện ngắn trên đây cũng chẳng có gì đáng cho ta bi-quan. Cái ô-tô không phải tự nó tìm người để cán và trước sau nó vẫn là công-cụ rất có ích lợi cho loài người. Trong khi Bình-Nguyên-Lộc cố gắng đem thầy Mười Sáng về với ánh sáng của khoa-học thì lại toan đưa giáo-sư H. ra khỏi nơi này. Phải chăng tác-giả đã tự mâu-thuẫn hay là tự thấy không thể đẩy xa hơn những sự suy luận trước những hiện-tượng có vẻ trái ngược của cuộc đời? Vừa rồi, Bình-Nguyên-Lộc — trong truyện *Mối tình cuối cùng* — lại chứng tỏ thêm một lần nữa những điều nhận xét trên đây. Tác-giả tự cho mình cái trách-nhiệm đề cao mối tình cuối cùng trong khi phần đông — theo tác-giả tưởng — chỉ thấy mối tình ban đầu mới đẹp. Thực ra ý-kiến về mối tình cuối cùng không mới mẻ gì và đã được các đào kép ở Hô-ly-út chủ-trương, thực-hiện và tuyên-bố từ lâu lắm rồi, như một nữ-sĩ Pháp đã từng quan-niệm : « Tình yêu ban đầu chỉ là nhu-cầu yêu đương » (Le premier amour n'est que le besoin d'aimer). Về vấn-đề ấy — đầu hay cuối — thiết tưởng chúng ta không nên bênh vực gì hết bởi vì những cái ấy không thể biến thành quan-niệm, biến thành chủ-trương. Có người thấy mối tình đầu là đẹp, là vừa ý rồi và không thể yêu đương lang chạ thì cũng đáng cho ta chia mừng như kẻ sau nhiều mối tình mới gặp được người vừa ý. Khi nêu cao thành tiêu-đề để bênh vực cho mối tình cuối cùng là đã đi ngược lại thực-tế ngoài đời, đi ngược lại yêu cầu của ngòi bút. Một chủ-trương như thế — của một người có uy tín như tác-giả — dễ bị những tâm hồn hư hỏng lợi dụng làm chỗ cậy dựa tinh-thần. Chúng ta đều hiểu rằng có sự xảy ra như thế là vì tác-giả thích nói điều mới, điều lạ — hoặc tưởng là mới, là lạ — chứ tác-giả không hề có chút ác tâm. Phần lớn truyện ngắn của Bình-Nguyên-Lộc có thể bảo đảm cho ta điều ấy. Tình yêu của Bình-Nguyên-Lộc bao giờ cũng chân thật, cũng thiết thực tuy thường hay bị phụ-phàng. Phải chăng vì bị phụ-phàng nhiều quá nên chủ trương mối tình cuối cùng để tự an-ủi ? Hay là chỉ yêu được có một lần nên thường khao khát những chân trời mới ?

Về phương-diện kỹ-thuật phương thức sáng tác như thế tạo nên nhiều sự ép uổng. Nhân vật, sự việc phải minh chứng cho tư tưởng nên nhiều khi xử sự không đúng

theo những phản ứng tất nhiên của những tâm lý nào đó trong những trường-hợp nhất-định, như ta đã nhận xét trên kia. Điều này còn giải thích vì sao nhiều người trách Bình-Nguyên-Lộc hay làm luân-lý hay nói triết-lý trong truyện. Khi con người văn-nghệ tự thấy không diễn tả nổi thì phải cầu cứu con người triết-lý, con người giảng sư để phụ-lực cho mình chở hết vấn-đề. Bình-Nguyên-Lộc là người chu-đáo, vẹn tròn. Tác-giả lo lắng cho nội-dung nhiều hơn hình-thức và ông thường tỏ ra không câu-nệ bất cứ là ai phải lên sân-khấu, miễn là kẻ ấy nói giùm cho hết câu chuyện. Trong *Rừng mắm* tác-giả phải cho người ông bỏ một ngày đàng chèo ghe ra biển để tạo một trường-hợp cụ thể hầu giảng giải cho thằng cháu ngây ngô hiểu rõ thế nào là nhiệm-vụ cây mắm cây tràm. Trong *Hạ bệ* ông cho đứa con trai ăn chơi chạm trán với người cha đạo-đức của mình ở trong tiệm nhảy, lý-luận về sự tự hạ bệ y như một nhà tâm-lý chuyên môn. Trong *Ba sao giữa trời* bắt gặp xác chết của người yêu ở trong phòng thí-nghiệm, cậu Hùng nhút nhát kia đột ngột nói chuyện triết-lý về nghĩa đời người thao thao bất tuyệt ! Trong *Ăn cơm chưa* A Lil, trước khi chết cũng còn nói được ít câu để tỏ ra được chết một cách có ý thức chứ không chịu lìa đời một cách âm thầm như bao nhiêu kẻ vào trường-hợp ấy. Cho đến trong *Ba Con Cáo*, cô gái giang-hồ sau khi bán rẻ người bạn của mình để kiếm cái ăn cũng phải khóc oà, hối hận, tuyên bố ngày mai nhất định hoàn lương để cho câu chuyện hoàn toàn... có hậu. Và cô ta không quên kêu lên cả Phật lẫn Chúa để cho hai bên « bổn đạo » khỏi dịp so bì !

Tóm lại, Bình-Nguyên-Lộc không muốn cho ta băn-khoăn, không muốn cho ta khổ sở, chỉ muốn cho ta vừa lòng, đẹp dạ và nhiều khi cho ta được quyền quên ông sau khi ông nghĩ đã làm cho ta thỏa mãn.

* * *

Nguyên nhân của những khuyết điểm trong sáng tác như trên có thể là vì tác-giả đã chịu ảnh-hưởng quan-niệm sáng tác theo lối ấy ở một số người đi trước, hoặc vì tác-giả phải bận sáng tác quá nhiều cho nên không còn thì giờ để đi vào sự sống, để chiêm nghiệm, để nuôi dưỡng vấn-đề. Tác-giả phải lướt trên sự việc để bắt vội bắt vàng những cánh tư-tưởng rồi sau đó thêm đầu thêm chân cho nó thành những con chim. Nhiều người đã từng ngạc nhiên trước tổng số truyện lớn lao mà Bình - Nguyên - Lộc tuyên bố hoàn thành. Ngạc nhiên để mà lo lắng cho tác-giả bởi vì với điều kiện chủ quan và khách quan của những người cầm bút ở nước ta, sự viết nhiều như thế vừa là điều đáng nên kiêu hãnh mà cũng đáng nên xót xa hoặc đáng đề-phòng. Có thể sự sáng tác dễ dãi trên đây còn một nguyên - nhân thuộc về bản-chất tác-giả. Bình-Nguyên-Lộc có lẽ là người thích hoạt-động hơn thích suy tư, một kiểu người lý trí, hướng ngoại hơn là hướng nội. Bình-Nguyên-Lộc không thích dừng lâu ở những khúc mắc của tâm-tình, không thích theo dõi những ngõ ngách chi li ở trong thế-giới tình cảm, ông chỉ đảo cặp mắt thông minh, tò mò lướt trên mọi vật, khai thác lấy những khía cạnh có vẻ bất ngờ, có vẻ độc đáo và trình bày cho ta xem, nhằm thỏa

mãn tính hiếu kỳ của ta là đủ. Sau khi xếp truyện lại, ta không tìm thấy một tiếng ngân vang lâu dài nào cả bởi vì mọi việc đã được tác-giả cố gắng lo cho ổn thỏa cả rồi. Điều đó cũng giải-thích vì sao mà truyện ngắn của Bình-Nguyên-Lộc có nhiều loại đề-tài khác nhau thuộc về những khu-vực, những tính-chất khác nhau và tại sao tác-giả lại viết được nhanh và viết được nhiều.

***

Những ý-kiến trên đây là sự tìm hiểu của một tư-tưởng cầu-toàn. Thực ra, mặc dầu có những khuyết điểm và nhược điểm, Bình-Nguyên-Lộc vẫn là nhà văn được nhiều người đọc tin yêu. Người ta tin ở tài năng tác-giả, yêu sự phong phú, yêu sự lành mạnh, yêu cái sắc thái tự nhiên giản-dị của tác-giả. Xa hẳn những kẻ làm dáng che đậy nghèo nàn bằng mọi kiểu-cách, xa hẳn những kẻ bệnh hoạn hôi nhọ cuộc sống bằng mọi ác-ý và cũng xa hẳn những kẻ ti-tiện xu-phụ thị hiếu nhất thời bằng những ve-vuốt bịp lừa, Bình-Nguyên-Lộc đi đến với ta bằng nhiều chân thực, bằng nhiều thiện-ý, bằng nhiều ước mong. Trong khi muốn ôm tất cả cảnh đời, Bình-Nguyên-Lộc vẫn nhớ dành cho tất chúng ta những vẻ độc đáo của một *Rừng mắm*, của *Ba con cáo*, của *Đôi bạn mắc hoa vông*. Khi nào Bình-Nguyên-Lộc loại được các nhà giáo-sư, các nhà triết-lý ra khỏi bàn giấy của mình, khi nào Bình-Nguyên-Lộc trở về với cái tinh-thần giản-dị, mạnh mẽ cố hữu của con người miền Nam thì Bình-Nguyên-Lộc thành-công một cách rõ ràng và ta có thể kể truyện *Đồng-Đội* là một chứng minh cụ thể. Trong *Đồng Đội* người đọc tìm thấy sức mạnh, tìm thấy quân-bình và sự phối hợp điều hòa tạo nên âm-điệu thâm-trầm và sự tiết chế gãy gọn bật lên ánh sáng nghệ-thuật. Qua *Đồng Đội* người ta có thể nhìn thấy tất cả khía cạnh đáng yêu của Bình-Nguyên-Lộc : sự việc dầu cũ, tinh-thần rất mới và tình tiết rộn ràng phát lộ được hết cái đặc sắc của cá tính nhà văn.

Bình-Nguyên-Lộc còn hứa hẹn với ta rất nhiều tác-phẩm. Ta vui lòng chờ như đã vui lòng tìm đọc những công-trình sáng tạo của tác-giả từ bấy lâu nay.

Cô PHƯƠNG-THẢO

Chí phục thù

Nói tới chí phục thù, người phương Đông thường nhớ tới tích Ngô-Tử-Tư nuốt than hồng và Dự-Nhượng đánh long bào để báo-cừu cho Chúa. Thi-sĩ Virgile (Enéide, IV, 625) đặt vào miệng nàng Didon, người tình của Enée sau bị Enée ruồng bỏ, lời nguyền tận diệt cả nòi giống kẻ phụ tình : « *Ta nguyện kẻ báo phục ta sẽ phát sinh tự nắm xương tàn của ta !* » (*Exoriare aliquis nostris ex ossibus ultor*). Trong ý của thi-sĩ Virgile, kẻ nổi lên báo phục cho nàng Didon sau này chính là Annibal, địch thủ ghê gớm nhất của người La-Mã kiêu-hùng thời cổ.

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại - lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300$ đồng trở lên.

Société Indochinoise de Documentation et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES »
Champagne « HEIDSIECK & C° MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth « MIRAFIORE »
Vin Rose Valpolicella Chiaretto « MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng SAIGON — *Tél : 20.055*

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON

PHAN-VĂN-TẠO

Ông « BA KIM »

VĂN xuống xe hấp tấp hơn mọi ngày. Anh lấy sức nhấc bánh trước lên cho xe qua bậc cửa. Chiếc bàn đạp quay trở lại đập vào chân anh làm anh buột ra một tiếng tục tĩu.

Anh vào bếp thấy vợ đang lom khom nhóm than, má ửng hồng trông đến hay. Anh áp cổ tay trái mình vào sát tai vợ. Vợ không quay lại, khẽ hỏi :

— Mua rồi hả ?

— Ừ mua rồi

— Bao nhiêu ?

— Tám

— Đắt thế !

— Chưa biết ra làm sao mà đã kêu đắt. Cách đây vài tháng bác Tân mua một cái, kiểu năm ngoái, mà còn phải trả bảy ngàn hai.

— Ơ thế những tám ngàn cơ à ! Tưởng mua một cái bảy tám trăm dùng tạm ai ngờ đâu lại rước cả một cái tám ngàn. »

Văn lùi lũi đi ra phòng ngoài.

Cả bữa ăn trưa hôm đó, anh ăn uống chễnh mảng, mắt hết đưa về phía vợ lại nhìn xuống cổ tay. Vợ vẫn lầm lì. Anh gợi chuyện :

— Cái này tiện ở chỗ không phải lên dây.

— Anh đã đóng tiền học cho con chưa ?

— Quên làm sao được. Này em xem này. Có cả lịch, chỗ chỉ ngày lại có một cái kính lồi lên, trông rõ lắm.

— Tháng này lại còn phải mừng con bác Tám lấy vợ.

— Dây da cá sấu thật đấy nhé.

— Tháng sau lại giỗ Thày

— Vô bơi hẳn hòi, anh có thể cứ đeo nguyên thế này nhảy xuống nước mà không việc gì.

— Người lạ thật. Nói một đằng thì lại cứ bắt chuyện một nẻo. »

Văn thấy mình trái, không nói thêm nữa, ăn vội cho xong bữa rồi đi vào trong bếp lấy cái búa, lúc trở ra cầm nhăm nhăm ở tay. Anh tiến lại gần vợ, khẽ hỏi :

— « Cho anh xin một cái đinh

— Làm sao lại phải đinh

— Treo lên chứ để ở dưới mày ông con tây máy nghịch hỏng mất.

— Đến giờ ngủ trưa mà lại đem đinh ra đóng, không để hàng xóm nghỉ à ?

— Thế nào cũng phải treo lên đã. »

Văn hơi ngạc nhiên thấy giọng nói của mình hôm nay cứng rắn khác hẳn mọi ngày.

Có đinh rồi, anh chọn đóng ngay ngắn ngay trên đầu giường. Mọi lần khác đóng đinh thì hoặc chồi tay không vào, hoặc vừa mới đóng đinh đã ngập lút trong vữa. Lần này đinh vào, vừa ngọt vừa đằm, làm Văn thấy một cảm giác khoái chá rung từ đầu búa truyền vào cánh tay. Anh lấy ngón tay trỏ niu cái đinh xuống, ướm thử mấy lần xem có thật chắc không.

Với một cử chỉ vừa khoan thai vừa trịnh trọng, anh tháo cái dây cá sầu ở cổ tay ra, rồi treo cái đồng hồ mới mua vào cái đinh vừa đóng.

Trưa hôm đó anh chẳng ngủ gì cả, nằm nghĩ lan man mất lúc nào cũng dán vào cái đinh.

Anh thấy bực mình với vợ lạ. Chị Văn mua bán thức gì, anh có bao giờ nói vào nói ra đâu, ấy thế mà hễ đến lượt anh sắm sửa là y như chị ta bằng cách này hay cách khác tỏ vẻ không tán thành. Hoặc cho là không biết mà cả để phải chịu mua đắt, hoặc cho là sắm một món vô vị, chẳng dùng vào việc chi hết. Không biết những người đàn bà khác có giống chị Văn mà coi chồng như một anh chàng ngớ ngẩn hay không ?

Kể ra anh cũng đã lầm lẫn nhiều lần nhưng lần này thì nhất định anh không sai. Đã một tháng nay anh đi thăm gần hết các tiệm đồng hồ lớn, ngắm-nghía đủ mọi kiểu, so sánh đủ mọi giá, trả ướm một vài lần rồi lại phải tính luôn cách tháo lui khi chủ tiệm thuận bán. Anh đã rụt rè cân nhắc, đã biết hết cả những nỗi lưỡng lự day dứt của sự chọn lựa trước khi quyết-định hẳn việc mua chiếc đồng hồ này.

Anh cho rằng chị Văn trong thâm tâm chắc cũng phải nhận là tuy đi mua có một mình không có chị bên cạnh, anh cũng đã chọn được một cái đồng hồ thật khéo. Nhưng vì đã lâu nay chị trót đóng vai thành thạo mất rồi nên chị phải khăng khăng từ chối không cho anh chia xẻ độc quyền tháo vát của chị.

Có thể là chị cũng tiếc tiền. Tám ngàn đồng ! Dành dụm cả năm may ra mới được số tiền đó. Anh thừa hiểu như vậy nhưng thử hỏi xem có người đàn ông nào biết tiêu xài

mà chịu dùng một cái đồng hồ dưới tám ngàn không?

Chưa đến giờ anh đã trở dậy, đến bên cái đinh và với một cử chỉ khoan thai trịnh trọng như lúc tháo dây ra, anh lại đeo dây vào cổ tay.

Chị Văn vẫn nằm im như ngủ say lắm. — Tức thật không có ai mà nói chuyện đồng hồ cả. Người đàn bà kỳ-cục thế đấy! Có những lúc chồng cần một người bạn tâm sự thì người vợ cho đó không phải việc mình. Bây giờ mình nói chuyện với ai khác thì lại không bằng lòng.

Văn chợt nghĩ đến Tường, người bạn làm cùng một hãng buôn với anh. Tường có vẻ biết nhiều về đồng hồ, nhưng giờ này còn sớm quá hãng buôn chưa mở cửa. Anh đi đi lại lại trong phòng, vẻ mặt vừa sốt ruột vừa sung sướng y như một anh nóng nẩy có hẹn với người tình. Có lúc anh đưa tay trái lên áp vào tai, mắt nhắm thật say sưa, miệng lẩm bẩm: « Tiếng kêu có khác thật. Tanh, tanh, tanh, tanh... nghe giòn ghê ».

Không chờ được lâu hơn, anh dắt xe ra cửa, đi làm sớm hơn ngày thường đến mười lăm phút. Nghe tiếng xe vừa lạch bạch nổ, chị Văn nhổm dậy ngay, hình như trước đây chị đã cố gắng nằm yên lâu quá, nay chồng đi khỏi, chị được đứng lên thoải mái hơn nhiều. Chị nói với theo tiếng xe đang tắt dần ở đằng xa: « Rõ điên, hàng trăm món tiêu mà ném ngay đi được tám ngàn. »

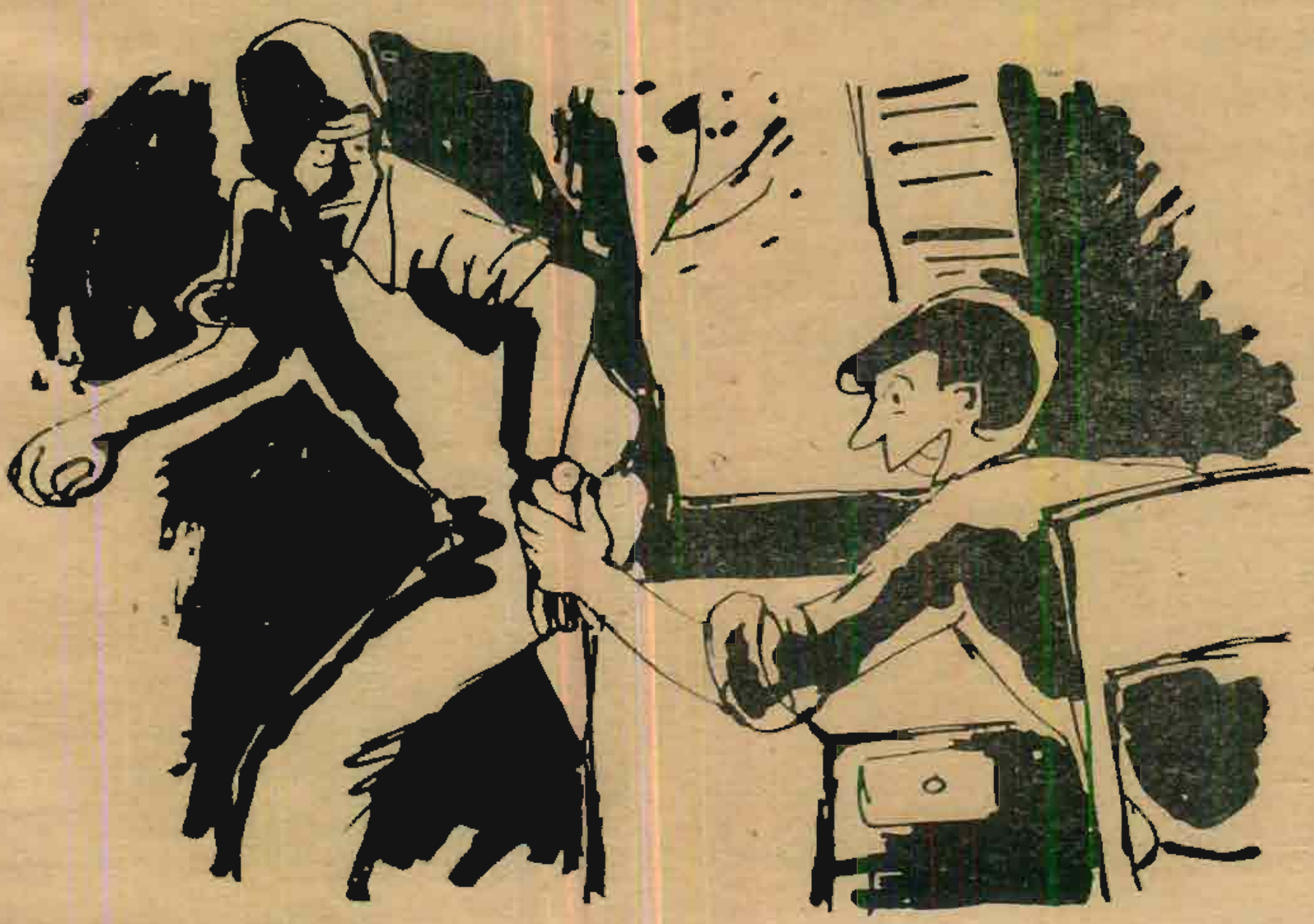

Gần đến sở, có một khúc đường xấu, xe sóc lên dằn xuống. Văn co tay trái lên để cho nó khỏi chịu cái sức rung của tay lái. Anh nghĩ thầm : « để nó rung, dễ hại máy lắm.» Và thấy bằng lòng mình đã đủ thông minh biết co tay lên.

Sở vắng ngắt, chưa có ai tới cả. Văn vào phòng, vặn quạt lên, ngồi xuống ghế, để cánh tay trái lên bàn, ngắm nghía, rồi tay phải rút khăn ra, lách vào trong dây, lạu sau lưng cái đồng hồ :

« Nó cam đoan vô không đi, nhưng cứ cẩn thận là hơn ».

Tường hôm nay không biết có công việc gì mà mãi chưa thấy đâu. Khi Tường tới, Văn lúng túng như là đã làm một điều gì xấu trong khi vắng mặt bạn.

Tường đến bên bàn Văn, nói một hai câu rồi trở về chỗ mình, không nhận thấy gì mới ở nơi Văn cả.

Hai người ngồi làm việc một hồi lâu, Văn nóng ruột quá, lại trước mặt Tường chìa cổ tay ra hỏi :

— Anh trông có được không ?

Tường sửa lại cặp kính cho ngay ngắn rồi ngắm nghía với dáng điệu khoan thai của một tay sành sỏi :

— Được lắm — Kiểu mới đây. Tốt lắm đấy nhé.

— Anh thử đoán xem bao nhiêu ?

— ít nhất cũng trên tám ngàn ?

Văn thấy nở nang từng khúc ruột, ở trên đời không gì thú bằng gặp được một anh biết người biết của.

Từ bữa đó có cái gì đổi thay ở nơi Văn. Anh ở nhà đến sở sớm hơn. Anh từ sở về nhà chậm hơn. Anh chỉ trích những người tới chậm. Anh cằn nhằn khi thấy vợ sửa soạn lâu. Hình như bây giờ đời sống của anh được dồc hết vào sự theo đuổi một tiêu chuẩn : giữ sao cho đúng giờ, cho mình đúng giờ, cho người xung quanh đúng giờ.

Mỗi khi đi qua Nhà Thờ Lớn, Nhà Bưu - Điện, Bộ Kinh - Tế, chợ Bến Thành hay một nhà hàng nọ ở đường Tự - Do, anh không bao giờ quên ngước mắt nhìn lên rồi lại cúi xuống cổ tay mình để so sánh. Ở chỗ này anh gật đầu khen đúng, ở chỗ khác anh lắc đầu chê chậm hay nhanh. Khi tiếp các khách hàng, anh không thể nào không liếc xuống cổ tay họ xem đồng hồ họ đeo kiểu gì và đang chỉ mấy giờ. Anh cũng biết tò mò như vậy là không tốt nhưng anh không thể nào tự kiềm chế nổi — Làm sao có thể khác được khi người ta làm chủ một bộ máy tinh mật, một công-trình kỹ - thuật toàn hảo như cái đồng hồ của anh.

Gần hàng của Văn có xưởng kỹ-nghệ kéo còi tầm rất đúng. Văn thường nói với Tường : « Tôi muốn thưởng cho anh chàng kéo còi quá ». Và cứ đến trưa khi bên kia tiếng còi tầm nổi lên thì bên này Văn giơ tay trái ra khoe với Tường : « Ba kim lại

chập một rồi ». Có hôm vui vẻ hơn Văn bảo Tường : « Anh làm ơn tìm hộ tôi hai chiếc kim kia đâu, chỉ còn có một kim thôi ».

Lẽ tất nhiên muốn thành công trong trò chơi đó, Văn đã phải tính toán nhiều. Chỉ khi nào biết chắc còi với đồng hồ ăn nhịp với nhau và lựa một lúc thuận lợi nhất giữa hồi còi ngân nga anh mới giơ tay ra.

Dầu sao trò chơi đó cũng làm cho Văn nổi tiếng. Buổi trưa sắp đến lúc còi tắm, anh em trong hãng lại nhắc tới Văn, và Văn được mang biệt hiệu là Ông « Ba kim chập một ». Có khi muốn vắn tắt hơn, họ gọi là Ông « Ba kim » hay Ông « Chập một », nhưng muốn gọi cách nào, khi nghe đến tên đó, ai cũng biết chỉ có thể là Văn thôi.

Văn không khó chịu về biệt hiệu đó lại hãnh-diện là đằng khác. Và anh cũng phải cố gắng để giữ cho xứng đáng với cái tên mới này.

Chiều chiều anh tìm bắt cho được đài phát-thanh Luân-Đôn để lấy giờ cho thật đúng và hôm nào bận việc gì quên đi, anh hậm hực như đã có một thiếu sót lớn lao.

Khổ công như thế mà đã có một lần anh không được đến bù. Một buổi lễ nọ, anh được nghỉ tới hai ngày rưỡi, nên bộ máy tự-động của anh treo lên cái đinh lâu quá đã chạy hết cả sức dây thiều. Tới ngày đi làm, khi anh đeo đồng hồ vào tay cũng không dè rằng ba cái kim đã nằm chết cứng không biết bao lâu, nay nhờ sự cử-động của tay anh mới bắt đầu chạy lại. Cả buổi sáng hôm đó anh bận quá chỉ đến lúc gần giờ tắm, nhìn xuống cổ tay, anh mới chợt nhận thấy sự tai hại. Mặt trời gần tới đỉnh đầu rồi mà cái đồng hồ tốt, cái đồng hồ chưa bao giờ sai của anh mới chỉ có 5 giờ. Làm sao đây ? Chỉ một chút xíu nữa thì anh buột mồm hỏi giờ Tường. May mà anh nhớ ra kịp. Ông « Ba kim » lại đi hỏi giờ sao ? Câu chuyện không có gì, sao anh thấy như đau đớn đến cả thể xác ?

Càng tới gần mười hai giờ trưa anh càng thấy nôn nao.

Tiếng còi tắm bỗng nổi lên như xé. Anh đưa mắt thật nhanh xuống cổ tay rồi lủi thủi đi ra.

Từ đầu đến cuối Tường vẫn không hay chi cả. Khi Văn ra đến gần cửa, Tường bỗng nắm lấy tay trái Văn, kéo sát lên gần mắt, và hỏi bạn : «Nào, xem có chập một không nào ? » Văn rút tay lại thật mạnh và gắt lên : « Này đừng có đùa nhả ».

Tường trố mắt nhìn Văn không hiểu tại sao vẫn là trò chơi thường ngày mà Văn, lại có thể giận dữ đến như vậy.

P.V.T.

THUYỀN TRĂNG

Ai chở trăng cô đơn về xứ mộng ?
Đêm mênh mông tràn ngập ánh Cung Hàng
Sao tưng bừng về dự hội cùng trăng
Không gian sống muôn linh hồn diệu vợi
Thuyền trăng đẹp tỏa hào quang lướt tới
Nhạc êm êm trong gió thoảng mơ hồ
Thanh sắc ba đào xô đầy nhấp nhô
Ý ngưng lại, thơ đầy thuyền ắm ắp
Đường trăng tiến, giữa không cùng xa tắp
Chèo pha lê khua ánh nguyệt lưng trời
Bàn tay ngà ai hốt ánh trăng rơi
Cho vung vãi ướt thi nhân ngồi vọng cảnh
Trăng đổ vỡ tiếng vang rung lanh lảnh
Thuyền trăng nghiêng thơ tuôn chảy mất rồi
Hỡi Chị Hằng yêu quý thế gian ơi !
Phí phạm quá, một giọt thơ ngàn ánh nguyệt.
Trời lồng lộng đêm sâu sâu xanh biếc
Trăng mông lung thanh thoát chảy xuôi giòng
Ánh sáng dịu huyền vô tận thanh trong
Từng lớp đầy thuyền trăng về xứ mộng...

HUY-LỰC
(Thuở Ban đầu)

THÁNG 10,

Tôi nhớ vụ đồi làng anh

Làng tôi cách lắng anh
Một dòng sông bé nhỏ
Mấy nhịp cầu con
Nối hai đồng cỏ
Đứng bên ni, nhìn sang bên đó
Thấy khói chiều lên,
Trâu về lối ngõ
Thương làm sao hai xóm nhỏ anh, em
Mấy mươi đời nếp sống dựng êm-đềm
Dân hai xóm đổi công cày giống cấy.
Mùa gặt đổi (1) tôi sang bên ấy
Gánh lúa giùm anh.
Vì đồng tôi, trì (2) mới ướm đòng (3) xanh
Khoai tháng chạp chỉ phủ rò (4) non-mướt.
Làng anh lúa đổi chín trước,
Tôi sang gặt giúp mươi ngày
Cuối mùa, anh gửi theo ngay
Lúa mới, còn thơm khói nắng.
Đưa tới đầu cầu, hò hẹn:
« Mùa trì, anh đến làng tôi ! »

---

(1) *đổi*: giống lúa chín vào khoảng tháng mười âm-lịch (gieo vào khoảng tháng năm)

(2) *Trì*: giống lúa chín vào khoảng đầu tháng chạp (gieo vào khoảng nửa tháng năm)

(3) *đòng*: bông lúa non, chưa trỗ.

(4) *Rò*: Luống

Tình hai làng không ngại nẻo xa xôi
Trai bên ni mến cô nàng xóm nớ
Cứ mỗi độ trăng tròn hơ hớ
Tiếng cười vui xao xác lũy tre ngà (5)
Mấy nhịp cầu ngơ-ngẩn đón câu ca
Trai, gái hai làng trao lời thắm-thiết,
Đôi tháng sau tôi đưa người quen biết
Qua nhịp cầu sang làm rể làng anh.
Tình dịu-dàng như một quả cau xanh . . .

∴

Những buổi hoàng-hôn
Gió mát mây lành
Tôi ra ngõ ngắm trâu về lũ-lượt.
Tiếng kén dừa (1) lửng lơ trên sóng nước,
Trẻ làng tôi thổi từ-biệt đồng anh
Qua bãi dâu xanh
Qua bờ tre biếc
Trẻ làng anh cũng thổi kèn tha-thiết
Như gọi nhau, như hò hẹn, như tự tình
Tiếng kèn chiều keo-kết chút duyên xinh
Của trẻ hai làng, của tình đôi xóm
Giào-giạt lòng trai đôi tám
Bồi-hồi tuổi gái mười lăm . . .
Kẻ lớn lên hồi-hộp đợi trăng rằm !

*
* *

Nhưng chiều nay đã hết,
Chiều nay thực xa-xăm
Sông nho nhỏ chia đôi bờ Nam Bắc
Cho lòng người hai ngả nhớ đăm đăm.

---

(5) *Tre ngà*: loại tre, thân màu vàng, lá to và sắc.

Chiều tháng mười, bên ngõ gió, rét căm căm
Tôi vẫn đứng thẫn thờ, nhìn sang nẻo ấy
Bên đồng anh lúa đòi như sắp mái (2)
Bờ cỏ non ôm ấp bãi lúa vàng
Lúa chín rồi, nhưng rất khó lòng sang.
Tôi thơ-thẩn nhớ đường thôn xóm bạn.
Khi nắng vàng phai. Sao chiều thấp-thoáng.
Gió dìu lên tiếng kèn dứa mục-đồng
Kèn bên ni, bên nớ, cách dòng sông
Lơ-lửng, bồi-hồi, băng ngang sóng nước
Tiếng kén dừa nhắc mối tình buổi trước
Nhưng điệu kèn đã cách bức hai nơi
Trẻ làng anh thương nhớ trẻ làng tôi
Lên đỉnh gò cao thổi kèn, mến tiếc
Kèn quyện hồn lên.
Tình sao tha thiết.
Hai xóm anh em,
Từ đây cách biệt.
Hai bờ sông
Hai nước Việt
Hai cánh đồng
Hai màu cờ phất-phơ trên nền trời xanh biếc.
Nghe nỗi buồn đất nước toả mênh-mông

*
* *

Từ ngày chia cắt non sông,
Trăng rằm vẫn đó, cầu không bóng người
Bà con cách trở, xa-xôi,
Tháng mười, tôi nhớ vụ đổi làng anh . . .

H. H.

---

(1) *Dứa*: một loại cây có lá dài hàng thước. Mục-đồng thường tước lá văn kèn để thổi (khác với loại *dứa* ở nam tức là *thơm* ở Trung) 2) *Sắp mái*: Lúa được mùa, nặng hột ngã chồng lên nhau thành từng lớp.

MIẾNG TỒI-TÀN

Hồi-ký của *THIÊN - GIANG*

ĐÃ BAO : « Quân-tử thực vô cầu bão », mà bây giờ lại nói chuyện ăn thì quả là hèn.

Mà hèn thật, và hèn nhiều lần. Một lần tôi suýt lượm mẩu bánh mì trên miệng cống. Lần đó, khi thực-dân Pháp và phát-xít Nhật còn ngự trị xứ nầy, tôi có dịp được « nghỉ mát » ở bót Ca-ti-na. Một buổi sáng ra rửa mặt, tôi thấy một mẩu bánh mì bằng ba ngón tay trên miệng hồ nước. Tức thì nghe bụng sôi và nóng, có lẽ là sự phản-ứng của dạ dày đối với một cái gì quen thuộc với nó chăng. Bữa ăn ở bót Ca-ti-na mỗi lần chỉ được chừng vài trăm gờ-ram cơm nhão, lạnh ngắt, với một tí đồ ăn mà người mới tới khi đụng mũi vào phải lộn mửa. Thế mà tôi cũng chết thèm đi được, bởi vì mỗi ngày tôi chỉ được ăn có một phần ba số lượng ăn ở nhà. Còn thiếu hai phần ba nữa, và cứ ngày nọ qua ngày kia, nên sáng hôm đó tôi đặc biệt chú ý tới mẩu bánh mì trên miệng hồ. Tôi nuốt nước miếng luôn. Nhưng thấy cạnh hồ có một thường phạm đang quét sân, tôi đoán là mẩu bánh mì đã có chủ. Tôi cố rửa mặt lâu lâu một chút, xem coi sự thế ra sao để liệu định, thì, khi lùa rác xuống rãnh tên kia trở cán chổi hất luôn mẩu bánh theo. Nhìn mẩu bánh lăn trên mặt đất, mất hoa lên, tôi toan làm cử chỉ của một con chó đói thì may sao bản năng con người giữ tôi lại kịp. Tôi quay lưng vô, lòng thoáng ao ước được như tên thường phạm kia, mỗi sáng quét cống để nhặt những mẩu bánh mì thừa của thầy chú bỏ rơi.

Trước đó có một lần tôi ao ước được ở vào địa vị con chó béc-giê của ông đồn Lao-Bảo trong giây lát. Lần đó, cũng như bao nhiêu lần khác, tôi được phái lên kho lấy gạo mắm về cho ban nhà bếp nấu ăn. Công việc lấy mắm không nặng nhọc gì nhưng ít người chịu làm. Những hủ mắm phần nhiều không nắp, chất chứa trong kho tối om không biết từ ngày tháng nào Tôi cho tay vào mỗi hủ hốt bớt những con thằn lằn, dán, chuột mẹ, chuột con, cắc kè, rắn mối đến chôn thây ở đó. Khi

làm phải nín thở để khỏi chết ngặt vì mùi trong hủ xông lên nghe từa tựa như mùi thùng tiêu nêm thêm muối. Khi khiêng mắm qua cửa đồn để về lao, tôi thấy chú béc-giê của ông đồn đang ngồi chễm-chệ dưới cầu thang thưởng thức một dĩa cơm chiên với những miếng thịt bò to tướng.

Tôi gọi anh bạn khiêng phía trước bảo :

— Anh thấy nó sướng không ?

Anh bạn dừng lại nói :

— Để tao trở đồn lại khện nó một cây cho bỏ tức.

— Đừng ! Nó tội tình gì mà đánh nó. Coi chừng chúng mình phải nằm ca-sô ăn cơm muối, uống nước lạnh vì tội giành ăn với... chó.

Rồi, chúng tôi tiếp tục khom lưng dưới cây đòn trước cặp mắt kiêu hãnh của chú béc-giê.

*
* *

Mùi chiên xào tỏa khắp lao. Nhìn qua hàng cùm trước mặt, anh Lan, bạn « đồng cùm » của tôi trách :

— Tụi nó ăn thịt gà rô-ti ngon lành chưa ? Mầy làm việc ngoài, lên núi xuống sông hằng ngày mà không quơ nổi một bữa rau lụt. Tệ thật.

Tôi nhìn Lan mỉm cười :

— Anh thèm thứ thịt gà đỗ ?

— Sao không thèm, chúng đào đâu ra thế mầy ?

— Lượm ngoài sông.

— Lượm ? Sao lại lượm ?

Tôi kể cho Lan nghe sự tích con gà rô-ti :

— Khi chúng tôi đang súc ống phẫn ngoài sông, hai người thường phạm—cũng làm công việc đó — đến gần một lùm gai phơi cái quần. Bỗng một người lôi được trong bụi ra một con gà to tướng. Anh ta vung một cái, lông gà bay sạch, vì con gà chết đã lâu. Đoạn anh ta mổ bụng, đem xuống sông rửa, đem về bếp rô-ti và bán mỗi tô hai cắc (giá tiền hồi 1930) cho tù chính-trị. Anh muốn ăn thức thịt gà đó thì bữa khác tôi xoay.

Lan trừng mắt ngó tôi :

— Sao mầy không nói trước để bọn chúng ăn gà toi ?

— Có sao đâu. Dầu, mỡ sôi đã giết hết vi-trùng, mà dầu có độc chăng nữa thì cũng không độc hơn thứ mắm mình lãnh mỗi ngày.

Hôm sau tôi cố gắng làm vừa lòng anh bạn. Tôi lãnh của anh 7 đồng xu, tiền bán một chiếc khăn lau mặt, để mua một ống dưa đu dủ. Bữa cơm ngày đó và những ngày kế nữa không nói ai cũng biết là ngon. Dưa đu đủ dòn dòn, chua chua, mặn mặn, đưa cơm qua cổ dễ dàng quá. Ngày thứ tư, dầu chúng tôi có tiện tặn đến mấy, ống dưa cũng cạn. Nhưng dưa cũng đã hết ngon vì nghe như trở mùi. Lúc đầu tôi nghĩ là mùi đó không phải tự dưa bốc ra mà tự các ống phẫn treo dọc các thớt cùm.

Đến đây tôi xin dừng lại một phút để nói qua các ống phẫn đó. Số là ở Lao-Bảo, tù nhân bị cùm luôn suốt ngày đêm, trừ khi họ đi làm, nên phải dùng ống tre kê vào đít để tiểu tiện. Xong tù nhân móc

ống vào những đinh đóng dọc theo thớt cùm, ngay trước mặt mình. Mùi trong ống tỏa ra thường trực, nhưng khi đã quen rồi thì ai cũng chịu được.

Chúng tôi chưa phân biệt được mùi của dưa và của ống phẩn. Đến khi ăn gần hết thì mùi trở nặng hơn nữa và dưa lại đắng. Sinh nghi tôi dốc những miếng dưa cuối cùng còn lại và để mắt nhìn vào đít ống. Tôi liếc mắt vội qua phía Lan, nhẹ nhàng đặt ống xuống đất, rồi tiếp tục bữa cơm. Lan hỏi :

— Sao có mùi khó chịu thế nầy ?

— Không sao cả, có lẽ lạt muối.

Sự thật thì tên thường phạm làm dưa để bán đã bỏ dưa vào một ống phẩn mà hắn súc không sạch.

* * *

Mưa lắm cũng có ngày tạnh.

Tù nhân các lao, từ người bịnh tới người lành ai cũng tươi hẳn và chờ đợi bữa cơm hôm nay một cách thiếu bình tĩnh. Trong lúc đó ban nhà bếp làm việc với nhiều cố gắng hơn mọi ngày. Thường thì độ chín giờ cơm nước đã đem hết lên lao, mà trưa nay mười một giờ vẫn chưa nhúc nhích.

Vừa nói chuyện, vừa đẩy quân cờ, hay nằm trầm ngâm trong chiếu, bất cứ người tù nào cũng để ý phía cửa ra vào. Sao mà lâu thế ? Mười một giờ rồi mà mới trao ống nước thôi à ? Còn những cái ô đồng sao chưa thấy ? Sốt ruột lắm ! Bọn nhà bếp nầy muốn thử thách ai mới được chứ ?

Ở Lao-Bảo người ta dùng ô đồng để đựng thức ăn cho tù. Mọi ngày thì các ô đó đựng mắm, hôm nay thì đựng thịt : thịt heo. Ngày Một tháng Năm, ông đồn giàu kinh-nghiệm cẩn thận cho tù một con heo lớn để tránh những cuộc tranh-đấu có thể xảy ra. Ngày Một tháng Năm là ngày đòi ăn. Cho ăn trước khi đòi, ông quả là một nhà tâm-lý học. Tù-nhân đang nóng lòng chờ ăn, chờ những ô đồng thịt heo thơm béo.

Họ muốn phát cáu vì ban nhà bếp làm việc chậm. Nhưng sự thật ban nhà bếp có làm chậm như họ tưởng đâu. Người nấu cơm thì phải lo canh chừng lửa để năm nồi cơm không nhão, sống. Còn người nấu thịt thì phải lo sả một con heo trên trăm ký, chặt mỗi miếng thịt, mỡ, xương cho đều và nhất là nấu cho ngon. Ban làm vườn đã qua mất ông đồn được ít chục kí-lô ca-rốt, ít kí-lô hành. Thỉnh thoảng có người của ban nhà bếp tạt qua lao nói mấy tiếng « ngon lắm nhé ! », rồi xuống bếp. Anh ta báo tin đó với vẻ mặt của một tướng quân thắng trận làm cho sự chờ đợi càng cay nghiệt hơn.

Đúng ra thì bữa cơm có thể sớm hơn chừng mười lăm phút nếu không có một việc xảy ra làm cho cả ban nhà bếp hoảng lên như một chánh-phủ bị quân cách mạng chỗi dậy lên : nồi thịt suýt bị ông táo đánh cướp. Nó đang sôi sùng sục. Người đầu bếp phụ trách đang khuấy mạnh để trộn cho gia vị thấm đều. Vì nồi to — thứ nồi bung nấu cho mấy trăm người ăn — và đầy thịt mà anh ta làm mạnh tay như chú lái cạy bát thuyền đua. Phỏng một hòn gạch kê phía dưới bật ra, nồi thịt nghiêng về một bên và muốn nhào hẳn xuống đất. Anh

Quỳnh, người phụ trách nấu cơm đứng cạnh, liền đưa tay nắm lấy quai nồi, trong lúc lửa dưới nồi đang cháy và mỡ trong nồi đang sôi. Anh tuổi mới hai mươi mốt, vốn là một lực-sĩ. Anh chịu đựng ngót vài phút để cho người ta đặt hòn gạch lại vị trí cũ Mỡ sôi chảy dọc từ bàn tay đến cùi tay. Bịnh tình không đến nỗi gì, nhưng anh phải chịu đau đớn ngót vài tháng và cánh tay bị một cái sẹo to.

« Quân tử thực vô cầu bão ». Cử chỉ của Quỳnh ai muốn nghĩ sao cũng được. Nhưng nhờ đó mà ban nhà bếp chúng tôi được yên lòng.

Câu chuyện ăn ở chốn lao-tù nói không bao giờ hết được. Nghe qua các bạn hẳn trách : Bọn tù các anh sao mà ham ăn quá !

Vì miếng ăn mà một thường phạm tên Tiếp trong một đêm đã bẻ gông, bứt xiềng, phá ngục, vượt qua bao nhiêu chướng ngại trốn đi. Tuy hắn không thoát khỏi Lao-Bảo, nhưng hành động của hắn làm cho cả lao từ Ông đồn đến lính tráng và tù đều kinh khiếp. Ông đồn hỏi hắn :

— Cái gì đã thúc đẩy mầy làm việc phi thường đó :

— Vì sợ chết đói. Ông đã không cho nhốt tôi vào xà-lim và đòi bỏ tôi chết đói đó sao ?

Khi ở Lao-Bảo về có lần đến thăm cụ Phan-Sào-Nam ở Bến-Ngự, tôi hỏi thăm anh Phan-Đệ, người bạn đồng lao của tôi.

Cụ xếp cuốn sách đang cầm tay, chỉ xuống phía nhà dưới :

— Cả thằng Huynh lẫn thằng Đệ đang làm gạo kia.

Khi cụ bôn-ba ở hải-ngoại vì sự sống còn của dân-tộc, các anh đó không được cái may mắn tới trường.

Bây giờ cụ đang giảng sách cho môn đệ, mà con thì phải làm công việc của một nông-phu cam phận dốt nát. Không hiểu tới chỗ « Quân-tử thực vô cầu bão » cụ giảng cách nào ?

THIÊN-GIANG

ĐỒNG TIỀN CẤM CUỐI CÙNG CỦA VƯƠNG TIÊN-SINH

(Mr. Weng's Last Forbidden Dollar)

C. Y. IEE

NGUYỄN

(dịch)

✻

TIỂU-SỬ TÁC-GIẢ

C. Y. Lee sinh tại Trung-Hoa, hiện ngụ tại San Francisco, California. Học xong ban Trung-học tại Vân-Nam trong thời Đệ Nhị Thế Chiến Nhất về tài soạn kịch tại Yale năm 1946. Viết cho những mục quan trọng của Đài Phát-Thanh Á-Châu Tự-Do. Dạy Quan thoại tại trường Ngôn Ngữ Quân Đội Hoa-Kỳ ở Monterey. Hiện là chủ bút tờ Trung-Hoa Trẻ (Young China), một tờ nhật báo Trung-Hoa tại Cựu-Kim-Sơn. Truyện-ngắn « Mr. Weng's last Forbidden Dollar » sau đây, đã đoạt giải nhất trong kỳ thi Truyện Ngắn ngắn (Short-short storg contest) của báo Writer's Digest năm 1954. Từng viết nhiều vở kịch đăng trong Theater Arts và đã được trình diễn bởi ban kịch Yale và nhiều ban khác. Ông cũng đã viết 3 cuốn tiểu thuyết, cuốn cuối cùng Hoa Cổ Trường Ca (The Flower Drum Song) của ông đã được đưa lên sân khấu Broadway và đã thâu lượm được nhiều kết quả.

VƯƠNG tiên-sinh ngờ mầy miếng thịt bò trong bát mì là thịt ngựa ; dầu sao tiên-sinn cũng đã ăn rồi. Tiên-sinh đã vét bát mì sạch trơn đến nỗi gã chủ cái quán ăn lộ thiên này chắc chẳng phải rửa nữa. Tiên-sinh nhìn vào lòng bát mà bồi rồi, vì lệ thường một người có giáo-dục khi đứng dậy khỏi bàn ăn, lòng bát ít ra cũng phải còn lại chút đồ ăn. Ăn sạch trơn thế kia thì thực là đáng thẹn ; thật làm suy giảm uy-tín một bậc nho gia dù là thất nghiệp như tiên sinh.

Tiên-sinh vội vã trả tiền, đoạn phủi chiếc trường-xám lụa sờn chỉ và đi về phía Thiên Kiều, tay mân mê đồng đô-la bạc cuối cùng trong chiếc túi áo sâu. Đấy là một đồng tiền cấm. Ba tháng trước đây chính-phủ Cộng-

sản ra lệnh là tất cả các đô-la vàng cũng như bạc của Hoa-Kỳ đều phải đổi lấy tiền Nhân-Dân-Bảo của Cộng-sản. Hồi bầy giờ Vương tiên-sinh có 16 đô-la; tiên-sinh đã đổi 15 đồng và giữ lấy một đồng làm kỷ niệm. Bây giờ đồng đô-la bạc này theo giá chợ đen đắt gấp 15 lần so với ba tháng trước. Mặc dầu Vương tiên-sinh đã bán sạch cả cơ-nghiệp, cả đến món bảo vật quí trọng nhất của tiên-sinh là bộ Tứ-thư, mà cái đói vẫn cứ trêu cợt tiên-sinh như một con gái điếm dai như đỉa đói ở xóm Bát-Đại-Đồ, Bắc-Bình. Chính vì vậy mà Vương tiên-sinh quyết định khai thác nốt món kỷ vật — đồng đô-la bạc cuối cùng. Với một con tim nặng chĩu u sầu và một chiếc dạ dầy trống rỗng, tiên-sinh đi về phía Thiên-kiều.

Khu phố buôn bán độc-đáo của Bắc-Bình vẫn đông đúc, ầm ĩ và bẩn thỉu như mọi khi. Những hàng bánh kẹo rong, những tiệm ăn lộ thiên, những tay đô vật, những thầy pháp, những gã bán thuốc ê và bọn làm trò khỉ (xiếc), tất cả góp thành một

thanh âm mà theo ý Vương tiên-sinh, là một điểm nhục cho cái vẻ trang nghiêm của Bắc-Bình. Nắm đồng đô-la bạc một cách yên ổn trong tay, ông rảo bước và len lách qua đám người đi dạo mà vẫn không mất cái phong thái ung dung của nhà nho. Một người khả-kính như tiên-sinh mà nay đến nước phải tìm đến một gã hạ tiện như thằng cha Định Rỗ, một thằng buôn đồ cũ và chạy chợ đen.

Một đám đông đang xúm đen xúm đỏ trước sạp hàng của Định Rỗ và một thanh âm hầu như làm lắng chìm cái tiếng ồn ào thường lệ của khu Thiên-kiều — tiếng của một người phàn trần, thể thốt và van vỉ, cộng với những tiếng xầm-xì sôi nổi của đám đông... Vương tiên-sinh chen vào. Tiên-sinh sửng sốt thấy Định Rỗ, tay bị còng với một cảnh-sát viên, đang kêu gào ầm ĩ. Mồ hôi đổ giọt trên khuôn mặt phèn phẹt của hắn ta, hắn khoa chân múa tay và nói đến nỗi cổ nổi những đường gân xanh to tướng. Cái đầu trọc lốc của hắn bốc hơi ngùn ngụt như một nồi cơm nóng.

« Con vô tội ! » hắn gào lên. « Con đã thưa với ông là con vô tội mà ! » Viên sĩ-quan xóc xóc ba đồng đô-la bạc, chĩa một ngón tay kết tội vào mặt hắn và quát : « Vô tội hả ? Tất cả các nhân viên của tôi đều thấy anh định bán những đồng đô-la bạc này. Hai năm ngồi tù theo luật định...

« Thưa ngài, nào có phải là tiền của con đâu, Định Rỗ kêu. « Chả biết đứa nào nó bỏ vào túi con đấy chứ, thưa ngài thật đấy ạ...»

Vương tiên-sinh lau trán. « Hôm nay may thật là may », ông nghĩ. « Dám là mình lắm à. Mình dám bị bắt vì bán đô-la bạc rồi chứ chẳng chơi ! Thử tưởng tượng một nhà nho phải vào tù ! »

« Thưa ngài thật đấy ạ ! » Định Rỗ phân trần hăng hái hơn. « Có người đã đút 3 đồng đô-la bạc này vào túi con... »

« Lời biện-hộ nực cười chưa », Vương tiên-sinh nghĩ. « Thời buổi này có ai lại ngu đến cái nước đút tiền vào túi người khác ? Bằng chứng ngớ ngẩn quá thể ! » Vương tiên-sinh không có thể ưa được Định Rỗ một phút nào.

Tiên-sinh ân hận là đã dọn đến căn nhà cách chỗ Định Rỗ ở 3 căn. Lẽ ra tiên-sinh đã bỏ cái trú-khu ấy từ lâu, nếu tiên-sinh không mến lũ trẻ của Định-Rỗ. Cái thằng hàng rong ấy vẫn thường nói xỏ nói xiên tiên-sinh. Hắn ta thường ba hoa với lối xóm là hắn có thể kiếm nhiều tiền hơn một nho-sĩ. Đau khổ một nỗi là Vương tiên-sinh cũng nhận thấy trong những lời phách lối nọ có đôi chút sự thực. Ít nhất Định-Rỗ cũng có thể tần tảo đủ nuôi một gia-đình khá đông đúc, còn tiên-sinh, một nhà nho, thì đến kiếm tiền cưới vợ cũng chẳng xong. Lúc này thầy Cảnh-sát bắt hắn về tội bán đô-la bạc mà tiên-sinh hả lòng hả dạ. Hà, một hai năm nằm

khám, chưa lâu mấy. Tên khốn kiếp đáng lãnh 3 năm !

« Lạy quan ! » Định-Rỗ bây giờ van vỉ, « Con vô tội, quan ơi ! Con còn có mẹ già, vợ đau và một đàn bảy đứa con dại phải nuôi... »

« Dóc tổ ! » Vương tiên-sinh kêu thầm trong óc. « Nó làm gì có mẹ và chỉ có mỗi năm đứa con, còn vợ nó thì khỏe như trâu lăn ấy ». Tiên-sinh ớn cả người khi nghĩ đến vợ Định-Rỗ. Con mẹ ấy dài hơi đến nỗi tiên-sinh có cảm tưởng là mụ có thể chửi rủa một gã đàn ông suốt một tiếng đồng hồ liền không cần phải lấy hơi. Vương tiên-sinh vẫn thường phân vân không hiểu tại sao cái đôi vợ chồng cục mịch kia lại có thể sinh ra được năm đứa trẻ ngoan ngoãn, thuần tính và khả ái đến thế được. Tiên-sinh mến lũ chúng nó lắm, nhất là Liên, cô gái lớn. Cô ta đã săn sóc ông hồi ông xuýt chết về bệnh ỉa mửa năm trước. Cái cô Liên ấy xinh thật là xinh. Bây giờ cô ta chắc phải 17 rồi. Mẹ cô ta chắc chắn phải bán cô ta cho xóm Bát Đại-Đổ nếu Định Rỗ bị vô khám. Hàng xóm của ông đã biết bao nhiêu người phải bán con gái...

Giờ thì Định-Rỗ đang đập đầu xuống đất. « Ối quan cảnh-sát ôi », hắn khóc thảm thiết. « Con không thể vô khám được ! Gia-đình con đến chết đói mất ! Ối Thiên quan ôi, đây không phải là tiền của con đâu... »

Viên sĩ-quan cảnh-sát hất hàm. Một nhân-viên tới bên Định Rỗ. Hắn nắm lấy tay tên kia và ra lệnh « Anh kia, đứng dậy ! »

Vương tiên-sinh lắc đầu. « Lũ con hắn bị chết đói thì tội quá, — ông nghĩ. » « Thằng bé út bụ bẫm như một con khỉ con, trông nó ranh mãnh quá đi. Có lẽ giờ nó đã 3 tuổi rồi. » Vương tiên-sinh mến thằng bé ấy lắm. Thằng bé kín tiếng như một con hến, suốt ngày lê la trước căn nhà vách đất, tần mần nghịch vài món đồ chơi rẻ tiền một mình. Cứ mỗi bận Vương tiên-sinh đi qua là thế nào thằng bé cũng giơ bàn tay lấm láp xinh xinh lên vẫy. Nó phải chết đói thì tội quá...

Giờ thì Định Rỗ đang ôm lấy chân viên sĩ-quan cảnh-sát, khóc như đàn bà. « Con đã bảo ngài là con không thể vô khám được ! Con còn có mẹ đau và một bày tám con dại phải nuôi ! Làm ơn sinh phúc cho con, ôi, Thiên quan ôi... ».

Vương tiên-sinh phì cười. Vừa mới lúc nãy tên khốn kiếp chỉ có bảy đứa con mà bây giờ đã có tám. Một thằng nói dối thiếu trí nhớ. Vậy mà Liên lại ngoan và thực thà thế, thật là có phép lạ. Một thiếu nữ như nàng nuôi nấng bởi một gã đàn ông như thế kia thì quả là đóa hoa mọc từ chốn bùn lầy mà chẳng hôi tanh.

Trong một lát, Vương tiên-sinh không thể gạt bỏ được hình ảnh Liên ra khỏi tâm trí.

Tiên-sinh nhớ hồi tiên-sinh sống dở chết dở với chứng ói mửa, thày lang lắc đầu tuyệt vọng làm sao. Liên hết lòng hết dạ cỏ đổ thuốc cho tiên-sinh, nhưng tiên-sinh không nuốt được một thứ gì. Tiên-sinh cũng còn nhớ rằng khi tiên-sinh lâm trọng bệnh thày lang đã bảo Liên đi mời bác-sĩ. Chắc là bệnh tình của tiên-sinh phải nguy ngập lắm, nếu không thì thày lang nọ đã chẳng phải cho vời kẻ thù của thày ta, một kẻ vẫn thường bị giễu là chữa bệnh bằng dao hơn là bằng thuốc. Nhưng nhờ trời lần ấy ông Đốc-tờ tây không dùng đến dao ! Sau một hồi chẩn bệnh với vài ngón xảo-thuật Tây-phương, ông Đốc-tờ bôm vào tay tiên-sinh một thứ nước gì đó và bảo Liên, « Người này cần máu ».

Nghe thầy nói đến máu, Vương tiên-sinh xỉu đi. Lúc tỉnh dậy tiên-sinh thấy tay mình nối với tay Liên bằng một ống cao-su, và tiên-sinh cảm thấy tim mình nóng bỏng như bị nướng trên ngọn lửa. Vương tiên-sinh còn nhớ tất cả chuyện đó. Mỗi lần nghĩ tới máu Liên chạy trong huyết quản, thì một mối cảm-tình kỳ lạ lại giật giào trong lòng ông ; và ông ta nơm nớp lo sợ là khéo mẹ cô ta có thể bán cô ta cho khu Bát Đại Đố...

Giờ thì viên sĩ-quan Cảnh-sát đang cố gỡ tay Định Rỗ ra. Với cẳng chân không bị nắm giữ, viên sĩ-quan bồi một cái đá trời giáng vào mồm làm Định Rỗ tuột tay, ngã lộn ngửa ra mà kêu ú ớ. « Giải nó về quận », hắn ra lệnh.

Khi Vương-tiên-sinh thấy Định Rỗ bị hai người Cảnh-sát áp giải qua đám đông, tiên-sinh cũng thấy cả cảnh Liên bị lôi sềnh-sệch về xóm Bát Đại-Đố. Là một môn đồ nơi cửa Khổng, sân Trình, tiên-sinh ghét lộ diện, ngán bịp bợm. Nhưng lúc này tiên-sinh không thể không cần đến một chút của cả hai. Tiên-sinh thọc vội tay vào túi, móc ra đồng đô-la bạc và lóng ngóng luồn nó vào trong túi của một người đứng tuổi ở bên trái. Người đàn ông quay lại túm ngay lấy tiên-sinh. « Ăn cắp ! ăn cắp ! » hắn chu chéo lên và thọc tay vào túi xem bị móc mất cái gì. Mặt hắn tái mét khi hắn móc từ trong túi hắn ra một đồng tiền cắm. « Coi đây ! coi đây ! » Hắn kêu lên, thẳng thắn giơ cao đồng bạc lên không. « Có bà con đứng đây làm chứng nhé ! Đây không phải là đồng đô-la bạc của tôi ! Người này đã đút vào túi tôi ! Có bà con ở đây làm chứng giùm tôi ! Này, quan ơi ! »

Viên sĩ-quan cảnh-binh lấy đồng đô-la bạc trong tay người đàn ông và quay về phía Vương tiên-sinh. « Đây có phải là tiền của ông không ? » hắn hỏi.

Vương tiên-sinh thản nhiên phủi chiếc áo lụa, hằng giọng : « Của tôi đấy ».

« Ông có mấy đồng đô-la bạc ? »

« Bốn ».

« Khám hắn xem », viên sĩ-quan ra lệnh. Hai cảnh - sát viên lục soát Vương tiên-sinh, nhưng không thấy gì cả.

« Ba đồng kia đâu ? » Viên sĩ - quan chất vấn.

Vương tiên-sinh liếc nhìn Định-Rỗ. Gã hàng rong đã bị còng tay, rên rỉ như một tên sát-nhân kiệt lực trên đường tới giảo hình đài. Vương tiên-sinh chỉ vào hắn và nói một cách khinh bỉ : « Tôi cho vào túi gã kia ».

Khi cảnh sát tháo còng từ tay Định Rỗ và còng vào tay tiên-sinh, thì Vương tiên-sinh lấy làm buồn cho cái trí thông minh của cảnh-sát. Ít nhất họ cũng phải hỏi tiên - sinh : « Thiếu gì cách vứt bỏ tiền cắm mà sao anh lại dở thói ngược đời đút tiền vào túi người khác.

Dẫu vậy, Vương tiên - sinh cũng mừng là ban cảnh sát quá rồi trí không nghĩ đến cái câu hỏi hữu lý kia, vì đến ngay tiên-sinh, một nho-gia, cũng khó mà trả lời cho suôi được.

Dịch theo : « Mr. Weng's Last Forbidden Dollar của *C.Y. Lee* trong « Anthology of Best Short-Short Stories »

NGUYỄN

SOCIÉTÉ FIDUCIAIRE
DU VIETNAM
55 Đường NGUYỄN-HUỆ - SAIGON
Agent Exclusif
POUR LE VIETNAM ET LE CAMBODGE

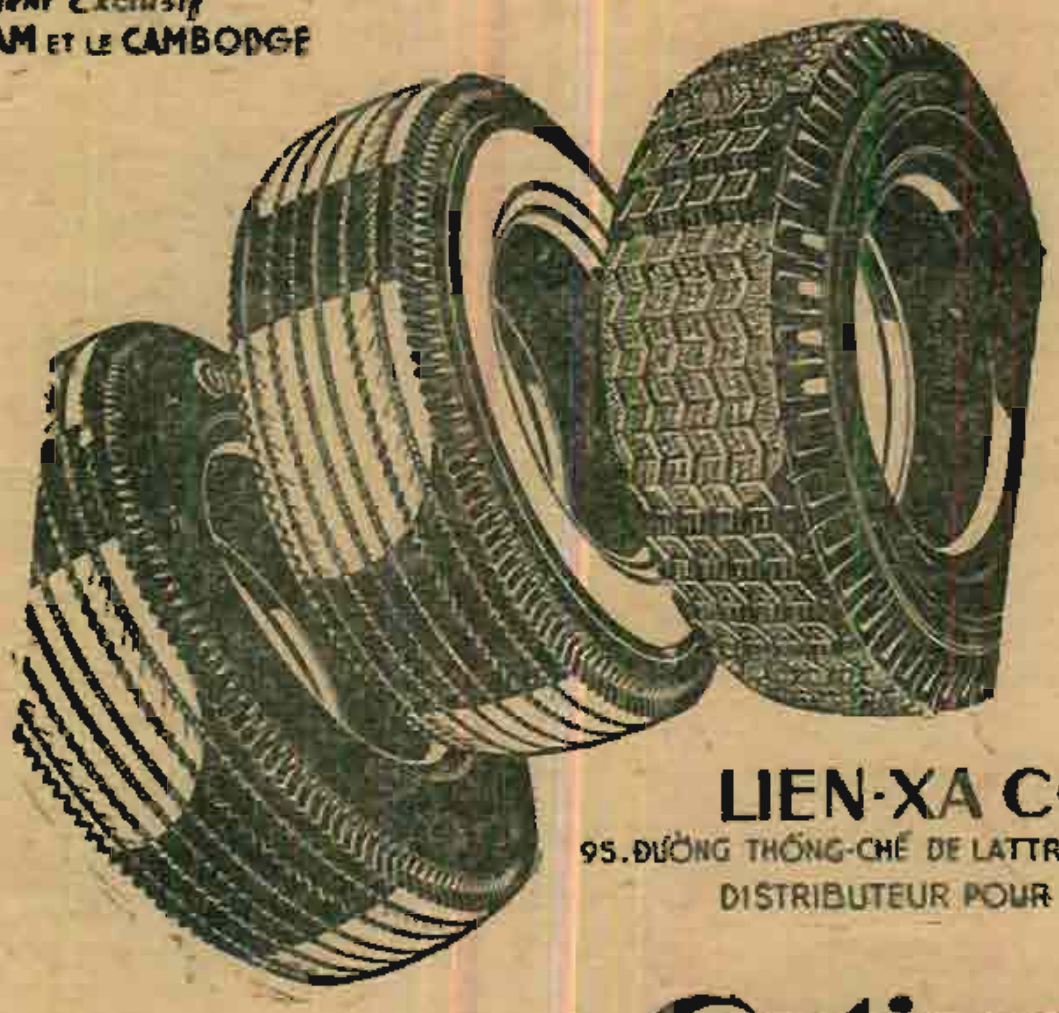

LIEN-XA CONG-TY
95, ĐƯỜNG THỐNG-CHẾ DE LATTRE DE TASSIGNY - SAIGON
DISTRIBUTEUR POUR LE VIETNAM

Continental

TRUYỆN NGẮN

Ả-XÍU

Phan-Du

YẾN, hay Yến Quảng theo như một số bạn trẻ năng lui tới tiệm giải-khát Thanh-Hương thường gọi, cứ làm cho tôi phải nhớ Ả Xíu mãi.

Tôi càng nhận thấy rõ điều này hơn vào những hôm mưa gió vắng khách, ngồi bên cạnh cốc cà-phê nóng ấm, trong tiếng âm-nhạc, qua làn khói thuốc, ngắm kỹ Yến đứng sau cái quầy hàng dài, bóng nhoáng, đóng theo kiểu tủ kính thấp, xếp đầy các thứ đồ hộp, kẹo mứt, thuốc lá đắt tiền và có đính thêm một cách duyên dáng những tấm ảnh của đám nữ danh-ca Âu-Mỹ có tên trong các dĩa hát thường được trình bày tại đây. Trong nguồn ánh-sáng nê-ông mát dịu, hình ảnh bán thân của Yến nổi bật bên cạnh một kệ rượu sáng loáng với những hàng chai nhãn hiệu rực-rỡ đủ màu sắc và trước một giỏ hoa ni-lông lớn đặt trong cái khung tròn đục thủng giữa bức tường ngăn phòng ngoài với phòng trong. Những lúc đứng yên như thế, tay chống cằm, mặt hơi ngẩng lên, đôi mắt đăm-đăm nhìn ra phía đàng cái trong dáng thờ-thẫn nghiêm buồn với đôi môi mím chặt những sợi tóc rối lạc-lõng vào khoé miệng, Yến càng giống Ả Xíu lạ.

A Xíu, cái tên nghe có vẻ Trung - Hoa ấy vốn không phải là cái tên thực. Nó chỉ

là một cái tên do tôi đặt ra để gọi đùa Cúc-em, một nữ-sinh lớp sáu, trong bốn cô nữ-sinh theo học thêm tôi về hai môn Việt-văn và Pháp-văn trong một vụ nghỉ hè dạo tôi còn tản-cư ở một vùng hẻo lánh miền nguồn.

Cúc-em mới mười sáu. Về mặt tầm vóc, người ta có thể lầm nàng với các cô thanh-nữ mười bảy, mười tám qua tấm thân mập-mạp, tròn-trĩnh, nở-nang. Nhưng dung-mạo Cúc-em lại đượm cái vẻ thơ dại của tuổi mười bốn, mười-lăm. Cúc-em có một gương mặt rất tròn, rất sáng-sủa, nhưng lại có vẻ khờ-khạo, bỡ-ngỡ quá trước cuộc sống với đôi mày ngài rậm, cặp mắt nhung đen mơ-màng, ngơ-ngác phía sau làn mi cong dài và cái miệng chúm-chím với đôi môi dày, hình quả tim, hơi nhỏ đôi chút giữa cặp má bầu-bĩnh và dưới cái mũi dọc dừa thẳng-thắn. Vì nước da Cúc-em rất trắng nên gương mặt ấy càng nổi bật giữa mái tóc ngắn, đen nhánh, mới chấm ngang vai. Với gương mặt ấy và tấm thân tròn, thấp, trong bộ cánh nữ-sinh của thời chiến — áo sơ-mi màu tro dài tay, quần lĩnh ống cao quá gót — trông Cúc-em giống như một cô Tàu lai. Cúc-em rất vui tính, nhưng dễ xúc động, hay khóc những khi bị chị em trêu cợt hoặc gặp những bài làm khó-khăn. Nàng lại nhỏ tuổi nhất bọn, nên tôi thường gọi đùa là A-Xíu.

Cũng như ba cô bạn: Cam, Vân, và Liễu, Cúc-em là con nhà khá-giả ở dưới Chợ, cách nơi tôi tản-cư có trên mười-lăm cây số. Chỉ khác là cha mẹ Cúc-em không giàu có về ruộng đất nhưng là một nhà trung-thương. Điều này càng làm cho tôi khó hiểu khi nhận xét Cúc-em qua cái tác-dụng của yếu-tố hoàn-cảnh trên tâm-tính con người. Sinh-trưởng trong một gia-đình buôn-bán sống ngay giữa Chợ với một ông cha, một bà mẹ giàu óc lý-tài và có nhiều thủ-đoạn trục-lợi, tâm-hồn Cúc-em vẫn giữ nguyên-vẹn được cái bản-chất trung-hậu, chất-phác. Trong đám thiếu-nữ, nhất là nữ-sinh hồi đó, tôi ít gặp được những linh-hồn thành-thực, hồn-nhiên như Cúc. Kể ra Cam, Vân và Liễu, lớn tuổi hơn, tuy cũng đứng-đắn, ngoan-ngoãn, ít nhiễm những phong-thói « dân-chủ quá trớn » của đa-số thanh-niên lúc bấy giờ, nhưng đầu sao cả ba cũng có vẻ tinh-khôn hơn Cúc. Chỉ riêng Cúc-em đã từng làm cho tôi phải thương hại, buồn cười và ngạc-nhiên với sự chơn-chất hiếm có của nàng.

Một chuyện xảy ra khiến tôi còn nhớ mãi mỗi lúc nghĩ tới Cúc-em. Cũng trong vụ nghỉ hè năm ấy, Minh, đứa cháu gọi tôi bằng chú họ, lên thăm chơi và trọ lại nhà mấy hôm. Hơn Cúc-em hai tuổi, học lớp tám, vốn là bạn học cùng trường, Minh rất giỏi trai, láu-lĩnh, tinh-nghịch. Hắn có thể gây thiện-cảm với bất cứ ai hắn đã tiếp-xúc, nhất là đám bạn gái, nhờ ở cái tài bông đùa rất có duyên và nhiều khả-năng văn-nghệ. Minh hát, hò rất hay, nói vè, đóng kịch có tài và múa cũng thạo. Chừng như lúc nào Minh cũng có vài điệu hát, điệu hò, điệu múa mới nhất để phổ-biến. Minh có mặt ở đâu là tất cả đám thanh-thiếu-niên, trai cũng như gái, đều bu quanh theo ở đấy.

Một đêm trăng, đang chơi đùa với đám trẻ trong xóm tại sân nhà bà cụ láng-giềng,

Cúc-em bỏ chạy về đứng bên nhà tôi đang ngồi khâu vá trên bộ phản kê sát ngay chiếc bàn tôi chấm bài. Nhà tôi hỏi :

— A Xíu nghỉ chơi rồi sao ?

Cúc-em mỉm cười, ngồi xuống bên bàn, thân-mật nhìn tôi và nhà tôi với cái dáng bẽn-khoăn rồi ngập-ngừng khẽ nói :

— Chị ạ...

— Cái gì vậy ?

Cúc-em lại mỉm cười, cúi mặt xuống một lúc :

— Anh Minh anh ấy.

Nhà tôi vội hỏi :

— Anh ấy làm sao ?

— Anh ấy làm em sợ quá...

Tôi ngạc-nhiên

— Làm cái gì mà sợ ?

Cúc duỗi thẳng mấy ngón tay thon trắng, đẩy lui đẩy tới nhè nhẹ trên mặt bàn :

— Lúc đi ngang kiệt bên vườn, anh ấy bảo em phải...

Cúc-em lại ngập-ngựng, cười mấy tiếng, rồi cúi đầu xuống trên mặt bàn với mái tóc đổ dồn về phía trước che kín đôi gò má ửng hồng. Tôi đoán là có chuyện gì không hay nên hỏi vội :

— Sao thế ? Cái gì thế ? Ả-Xíu ?

Cúc-em vẫn không ngẩng mặt lên. Mấy ngón tay Cúc đẩy lui, đẩy tới càng nhanh hơn :

— Bảo em phải cho anh ấy hôn vào má mấy cái hôn đoàn-kết. Em không chịu. Em bảo không có hôn đoàn-kết là cái gì cả thì anh ấy lại đòi hôn « xây dựng ». Em vừa hỏi hôn xây dựng là thế nào thì anh ấy hôn ngay hai cái vào trán em.

Nghe sự tiết-lộ bất ngờ, quá sức ngộ-nghĩnh và trước cái vẻ chân-thật ngây-ngô của Cúc-em, tôi phải quay vội mặt đi để giấu một nụ cười mà tôi không tài nào ngăn nổi, trong lúc Cúc-em ngồi sát lại bên nhà tôi, cười rúc-rích :

— Vì thế em không chơi nữa. Em về đây với chị. Anh Minh kỳ cục lắm. Xây dựng chi mà lạ rứa, chị hả.

Nhà tôi cũng phải bật cười, phát nhẹ vào người Cúc, mắng yêu :

— Nhưng sao lại để cho nó hôn. Khờ dại đến thế thì thôi.

Cúc nhăn mặt cười :

— Chị tính làm sao ngăn kịp. Nhưng chỉ mới hôn vào trán thôi mà. Từ rầy em nhất-định không thèm chơi với anh ấy nữa. Em đi nấu khoai ăn khuya đây.

Vì câu chuyện này, đã có một lần nhà tôi phàn-nàn riêng với tôi :

— Cái con chừng nấy tuổi đầu rồi,trông đã to sầm như thế mà chưa biết một cái gì cả. Nó khờ dại quá chừng. Tôi không ngờ nó kém thông-minh đến thế.Tôi la rầy thằng Minh thì thằng ấy thú thực với tôi nó trêu cợt con nọ chỉ vì thấy con ấy đần-độn, ngu ngốc đến buồn cười và dễ ghét quá. Nó bảo trong đám bạn gái của nó dưới trường chả có đứa nào như Cúc cả. Con nhà giàu ở chợ mà sao ngu đến thế ?

Rồi nhà tôi mỉm cười nói thêm :

— Nó tự-nhiên một cách lạ lắm nhé. Ai có đã thế mà mấy hôm thằng Minh còn ở lại, dạy nó múa, nó vẫn học Nó thích múa lắm. Điệu múa nào nó cũng thuộc cả.Anh để ý mà

xem. Đêm nào có trăng nó cũng rủ mấy đứa trong xóm cùng múa sau vườn. Không có đứa nào chơi thì nói lại múa một mình. Tôi nghĩ mà tức cười quá.

Cảm-động vì nỗi băn-khoăn của nhà tôi, nhưng tôi không đồng tình chút nào về cái lối thương hại, mỉa-mai như vậy của người đời đối với những tâm-hồn như Cúc. Chính cái lối miệt-thị này làm cho tôi khó chịu và gieo vào lòng tôi một niềm chua xót. Tôi cảm thấy cả một bơ-vơ, lạc-lõng của những linh-hồn như Cúc — những linh-hồn trong trắng, đáng yêu như cô nàng E-Và chưa biết e thẹn trước sự lộ liễu của hình-hài vì chưa ăn quả cấm, giữa một xã-hội tinh-khôn mà sức lung-lạc của dục vọng đã đảo ngược tầm nhận-định về giá-trị nhân-phẩm đến nỗi làm cho con người phải khinh-miệt, rẻ-rúng sự thơ-ngây, chơn-chất, thành-thực, hồn-nhiên và coi cái phần quý báu nhất "trong" cái gia-tài nhân-tính ấy như là dấu-hiệu của sự sút kém, thoái bộ đáng tiếc, đáng hổ thẹn cho con người giữa đồng-loại. Lại riêng đối với cái tình-trạng của thanh-niên lúc bấy giờ, giữa một guồng sống mà sức khuynh-đảo của những tư-tưởng duy-vật phối-hợp với sức tàn-phá ác-liệt của chiến-tranh, đang cố xáo-trộn, dày xéo tất cả những nề nếp tốt đẹp của đời sống tinh-thần, tình-cảm, khích-thích mọi buông lung theo bản-năng, thú-tính, tôi càng coi Cúc-em như một đóa hoa thơm còn vướng sót lại giữa một khu vườn hoang phế. Và qua những nhận xét, chiêm nghiệm hàng ngày, tôi không thể cho Cúc-em là đần-độn, kém thông-minh như nhiều người thường tưởng. Với những tâm-hồn như Cúc-em, tôi thấy con người phải có hai thứ thông-minh. Một sức thông-minh của trí óc, một của buồng tim, của cõi lòng. Cúc-em có thể thiếu

sự thông-minh trên, thiếu cái tinh-khôn để tranh giành và giữ vững thế đứng trong một cuộc sinh-tồn « mạnh được, yếu thua ». Nhưng với buồng tim và cả cái tâm-hồn nhạy cảm, dễ rung động của Cúc, tôi lại thấy cô nữ-sinh bé nhỏ của tôi thật chẳng đần độn chút nào.

Rất nhiều lần, chính cái A Xíu đần độn, khờ dại thường phải ngồi cắn bút và chảy nước mắt chỉ vì một bài tập pháp-văn hay một bài luận Việt-văn không lấy gì làm khó lắm đối với trình-độ lớp mình, đã làm cho tôi phải ngạc-nhiên với những cảm nghĩ, băn-khoăn, thắc-mắc rất ngộ của ả trước cuộc sống. Tôi không ngờ chính ngay bên trong cái Ả Xíu ngẩn-ngơ và chừng như chỉ biết ham ăn, ham ngủ ấy có cả một tâm-hồn đã chìm lắng khá sâu vào nỗi đau thương chung của dân-tộc, của con người, trong lúc những thanh-niên và cả một số người trưởng-thành được tiếng là thông-minh khôn-khéo lại hững-hờ, lãnh-đạm với cuộc sống chung quanh.

Dạo ấy cuộc tác-chiến đã bùng nổ khá lâu rồi, nhưng sức tàn-phá của địch vẫn chưa lan rộng đến những vùng rừng núi hiểm-hóc, xa-xôi. Tuy chỗ tôi tản-cư, tính theo đường đất chỉ cách miền duyên-hải trên bốn chục cây số, người ta vẫn có cảm tưởng chừng như cái cảnh tượng thanh-bình, an-thái nơi này sẽ không bao giờ có thể rạn vỡ vì khói lửa. Những tiếng bom đạn, từ các địa-điểm bị oanh-tạc ở vùng dưới vẳng lên, nghe còn xa-xăm mơ-hồ quá và như thuộc về một thế-giới nào khác lạ, cách-biệt hẳn.

Tuy vậy, tôi còn nhớ nhiều hôm phải bỏ dở giờ học, cùng ngồi nhìn những chiếc phi-cơ oanh-tạc đang nhào lộn ở xa-xa và lóng nghe những loạt súng đỗ dài như tiếng khoai khô ai trút xuống mặt nong, Cúc-em thường buồn rầu bảo nhà tôi :

- Trông giống như một bầy diều hâu ấy chị nhỉ. Mình ngồi đây yên tĩnh mà ở dưới kia, ngay lúc này, có biết bao nhiêu người chết. Em buồn ghê đó chị ơi. Em thấy rồi... và cứ nghĩ tới, em lại rùng mình.

Thấy mắt Cúc rớm ướt, nhà tôi kéo nàng lại sát bên mình vuốt tóc :

— Thấy cái gì ?

— Thấy người chết. Thấy người bị thương. Thấy cả nhà cửa bốc cháy, sụp đổ. Có những người bị dập nát cả mình mẩy. có những người mất đầu, có những người mất chân, mất tay, có người dập óc. Chả ai chết mà còn được toàn thây. Tội nhất là trẻ con. Em cứ nhớ mãi hai cuộc oanh-tạc xảy ra gần trường em. Đi xem về, em bỏ ăn mất mấy ngày. Dễ sợ quá. Vì là bom lửa, nhà cháy, bị chết cháy nên có người giống như con bò thui... Đời sống bây giờ khổ quá phải không chị ? Ngày nào cũng nơm-nớp lo sợ... đủ thứ, lo lắng đủ thứ...

Nhà tôi tát nhẹ vào má Cúc-em, cười và bảo đùa :

— Thôi đi bà lão bảy-mươi. Khổ ai chứ có khổ Ả-Xíu đâu. Các cô chỉ biết có ăn học và nhảy múa. Cha mẹ giàu có, vô lo.

Cúc lắc đầu :

— Chị tưởng... Cứ thấy người ta khổ mình đủ khổ rồi. Em thấy người ta chết, em thương quá. Nhất là chết vì bom hay bị xử-tử. Rùng-rợn, tàn-nhẫn

quá. Chị đã xem xử-tử Việt-gian lần nào chưa ? Em xem rồi Lúc chưa đến nơi, nghe nói Việt-gian em sợ lắm, ghét nữa. Nhưng lúc tới địa-điểm xử-tử, nhìn thấy tên Việt-gian mặc toàn đồ vải ta còn nguyên màu hồ, đội nón lá mới, đứng một mình trước ụ đất, mặt xanh như tàu lá, em rùng mình và thương hại quá. Em thấy con người ấy không phải là người nữa. Một cái gì nửa người, nửa ma và tội nghiệp như một con thú sắp bị chọc huyết, mổ thịt vậy. Em vội chen ra ngoài, không dám coi nữa. Coi sao đành. Và em cũng không dám đứng trong đám đông nữa. Có cái này lạ lắm chị ơi ! là không hiểu sao lúc ấy em dâm ra ghê sợ cái đám đông đứng bu quanh, hô khẩu-hiệu yêu cầu xử-tử, và toán lính cầm súng lăm-le trong tay, hơn là sợ hổ. Khi em nói điều này ra với lũ bạn học, chúng bảo em liệu mà câm mồm không thì chết. Tư-tưởng phản-động, phản-quốc đấy. Thương người mà cũng phản-động, phản-quốc, lạ chị nhỉ. Nhiều cái khó hiểu quá. Nhưng em nói thật đấy. Có một dạo cách đây đã lâu, lên thăm chú em trên Rầm, em được xem người ta bắn cọp bị mắc kẹp. Lần đầu tiên em được thấy cọp tận mắt, trông khiếp quá. Nhưng đi xem bắn, em lại thấy đám đông và những người lính đi bắn càng đáng khiếp hơn. Và bây giờ thấy máy bay, em cũng khiếp quá. Biết đến khi nào cho hết những chuyện đáng sợ như thế hở chị ?

Lại một lần nhân thấy hai người lính mang súng giải một bọn bốn người lạ đi trên đường huyện-lộ chạy ngang trước [illegible]. Cúc-em ngồi tựa cằm vào bệ cửa sổ, vẻ mặt buồn rầu nhìn theo cho đến lúc khuất bóng rồi thở dài, quay sang hỏi nhà tôi :

— Họ đưa đi đâu thế chị ?

— Về nhà lao chứ đi đâu. Xa lắm.

— Những người bị đưa đi như thế chắc là khổ lắm hả chị ? Với lại đông lắm. Em biết.

— Ấ-Xíu làm sao mà biết ?

— Cái dạo súng mới bắt đầu nổ ấy, đồng-bào ở Hội-An và các vùng dưới chạy đi tản-cư, em thường được thấy người ta dẫn ngang qua Chợ không biết co-man nào là tù. Đông ghê lắm chị ơi. Hết tốp này đến tốp khác. Người nào cũng bị trói tay sau lưng và cột chuyền vào nhau thành một dãy dài, người này chỉ cách người kia một bước thôi. Họ đi trông khổ lắm. Nhiều người gầy ốm, xanh xao đến thảm thương và chừng như kiệt sức, đi không nổi. Nhưng họ cũng phải đi. Tới đến, người ta đốt đuốc lên sáng rực. Lính mang súng, lên đạn, kềm sát hai bên trông lại càng khiếp hơn.

Cúc-em ngừng lại, nhăn mặt :

— Lúc dừng trước nhà em, họ kêu khát nước, chị nhé. Nhưng không ai dám cho cả. Thương hại quá, thừa lúc nhá-nhem tối, em lén xách nước giếng cho họ uống. Em xách mỏi cả tay. Mẹ em biết được, la ngầy em ghê quá. Cha em và mấy cô em cũng thế. Bảo cho uống như vậy, Công an họ để ý thì khốn to Để ý gì thứ mình cho uống nước phải không chị ? Ai khát mà chịu được.

Rồi Cúc-em hạ giọng nói nhỏ :

— Anh hai em bảo thế này có thực không Anh ấy bảo đưa đi như thế chứ

khi lên đến nơi người ta sẽ thủ-tiêu bớt đi. Những người không bị thủ-tiêu cũng không sống nổi vì nước độc, vì bị hành hạ. Sao người ta lại ác thế ? Em nghe nhiều người nói như vậy lắm nên cứ gặp ai bị lính dẫn đi là em đâm lo cho họ rồi, em nghĩ là họ đi chết rồi. Mấy người lúc nãy chắc là cũng đi chết đấy chứ gì, chị nhỉ. Nhiều lúc em nghĩ dại dại là bọn Pháp chúng cứ đốt phá, bắn giết mình mãi rồi người mình lại cứ bắn giết, tù đầy người mình mãi mãi thế thì còn ai nữa mà hưởng độc-lập, hòa-bình. Cũng vì nghĩ dại thế rồi nói ra với mấy đứa bạn, chúng mách lại với Hiệu-đoàn, em bị kiểm-thảo đã ghê. Tức cười quá.

Ngày lại ngày, càng hiểu Cúc-em chính nhà tôi cũng không phàn-nàn nữa mà càng thương mến hơn. Cúc-em cũng triu mến chúng tôi hơn trước.

Qua vụ hè năm sau Cúc-em cùng Cam, Vân và Liễu lại trở lên học tư. Một điều khiến chúng tôi chú ý là dạo này Cúc-em hay nhắc tới Minh. Nhà tôi đã có nhiều lần hỏi đùa :

— Không sợ nó nữa sao, Ả Xíu ?

Cúc-em lắc đầu :

— Em hết sợ rồi vì anh Minh không kỳ cục như trước nữa. Anh ấy không trêu cợt và suốt niên-khóa này anh ấy còn bày em học thêm được nhiều về đại-số.

Cũng như dạo năm ngoái, cái trò chơi mà Cúc-em ham thích vẫn là nhảy múa. Những đêm trăng thế nào Cúc-em cũng rủ các thiếu-nữ trong xóm đến ca hát, nhảy múa, gây cả một cảnh vui nhộn ở vạt đất trống sau vườn. Nhận thấy lối múa nhảy riêng của thiếu-nữ với nhau như vậy vô hại và ít ra cũng giúp được một phần giải-trí cho đám trẻ đang héo-hắt giữa cái hoàn cảnh « kháng-chiến » đầy âu lo, gian khổ, nên chúng tôi vẫn để mặc cho Cúc-em được tự-do vui chơi.

Thế rồi có một đêm. Một đêm mười sáu, trăng rất tỏ Đang ngồi tập thêu với nhà tôi, Cam lắng tai nghe những tiếng hát sau vườn khẽ cười bảo Liễu :

— Cúc-em nó lại chạy đi múa rồi. Con cũng lanh thật. Mới có ba hôm nó đã tập cho tất cả mấy đứa trong xóm nhảy thuộc vũ-khúc « Giấc mơ Hòa-bình, Tự-do ».

Liễu cười bảo nhà tôi :

— Cúc-em nó thích điệu múa ấy lắm. Nó múa mãi thì thôi.

Cam nhìn ra sân :

— Ở đây chứ ở dưới trường, nhảy điệu ấy họ phê-bình chết.

Nhà tôi hỏi :

— Sao vậy ?

— Họ bảo là sai lập-trường.

— Tại sao mà sai lập-trường ?

Cam nhìn Liễu với cái vẻ lúng túng :

— Chúng em cũng không hiểu vì sao ? Một số các thầy và anh em trong Hiệu-đoàn phê-bình là sai lập-trường.

Tôi nghe thế liền hỏi :

— Thế ai đặt ra điệu múa ấy ? Không phải là một điệu múa của Trung-Quốc hay Nga-Xô à ?

Liễu ngừng tay thêu, nhìn tôi :

— Dạ không phải. Chính của anh Minh sáng-tác ra đấy. Phần đông học-sinh

MAI,

Sẽ giới-thiệu với bạn đọc Bách-khoa một số sáng-tác đặc sắc của những nhà văn đã từng được bạn đọc tin yêu và một số cây bút tươi trẻ, độc đáo mà các bạn hằng mong đợi:

VÂN-TRANG — PHAN-VĂN-TẠO — NGUYỄN — NGUYỄN-HOẠT — ĐỖ-TẤN — PHẠM-TĂNG — XUÂN-TÙNG — VÕ-PHIẾN — VŨ-HÂN — HOÀI-HƯƠNG — BỬU-KẾ — THIÊN-GIANG — VŨ-HẠNH — PHAN-DU — ĐOÀN-THÊM — NGUIỄN-HỮU-NGƯ — CỔ PHƯƠNG-THẢO — TRÚC-LIÊN — HOÀNG-THÁI-LINH — BÙI-KHÁNH-ĐẢN — YÃ-HẠC NGUYỄN-VĂN-TRUNG — NGUYỄN-VĂN-XUÂN — KIM-THU — BÙI-GIÁNG — NGUYỄN-VĂN-XUNG...

MAI,

Tạp chí tổ chức theo một thể tài hoàn toàn mới mẻ.

SỐ RA MẮT: HẠ TUẦN THÁNG VI 1960.

ai cũng thích, cũng cho là đẹp và hay nhưng Hiệu-đoàn thì cứ bảo là sai lập-trường.

Vân góp ý:

— Chắc là vì họ có thành-kiến với anh Minh chứ gì... Anh ấy trực-tính, hay nói thẳng, hay chống báng với anh em trong Hiệu-đoàn.

Chính vì câu chuyện này mà tôi chú ý đến cuộc múa của Cúc-em, tôi muốn biết vì sao Minh đã bị phê-bình. Và tôi rất đỗi ngạc-nhiên trước cái khả-năng sáng-tác về vũ-khúc của Minh khi ngồi nhìn Cúc-em và đám thiếu-nữ nhảy múa.

Trên một mô đất, Cúc-em đứng một mình dang hai tay, tượng trưng bóng chim bồ-câu Hòa-bình. Chung quanh mô đất, đám thiếu-nữ xoang tuổi Cúc-em với lối phục sức thường ngày trong thời « kháng-chiến »: áo cụt hoặc trắng hay màu tro, màu đen, quần đen để lộ gần nửa ống chân, kết thành hai vòng tròn, một trong, một ngoài, nhảy theo hai chiều ngược nhau. Lối múa thật giản-dị, bình-dân, nhưng điệu múa trong tiếng hát rập-ràng, đã hấp-dẫn tôi từ đầu đến cuối.

Dưới ánh trăng sáng rõ giải toả cho cả một vùng rừng núi trùng-điệp thoát khỏi cái nặng-nề của bóng đêm miền nguồn đầy những hăm dọa của ma thiêng thú dữ, điệu múa và giọng hát trong-trẻo của đám thiếu-nữ đã dìu-dắt tâm-hồn tôi vào một giấc mơ khá đẹp. Nhưng là một giấc mơ chập-chờn, một giấc mơ chưa tách rời hẳn được những ấn-tượng ghê rợn của một thực-tại thâm sầu, bi-đát. Và dần dần, giấc mơ biến thành một niềm khát-vọng, một thứ khao-khát hun đốt cả tâm can con người và làm cho tôi

phải nhớ đến cái khao-khát những gáo nước lã mát ngọt vào những buổi trưa hè, giữa cái trắng chói, nóng bỏng của động cát bốc hơi với những bóng thôn xóm còn xa-lắc, xa lơ trước mắt. Trong cái chập-chờn và niềm khát-vọng ấy lắm lúc tôi thấy bóng Cúc-em xa-xăm quá, bóng chim bồ-câu « sứ-giả Hòa-bình » mơ hồ quá qua những cái vói tay mệt-mỏi, chới-với, rồi loạn của đám thiếu-nữ chung quanh, những điệu-bộ thể-hiện tất cả nỗi kinh-hoàng, âu lo, mệt-mỏi của con người thời loạn, những câu hát như : ... *Máu trào, lửa réo... Đồng thấp, rừng sâu... Rẫy sắn, nương khoai đầy cạm bẫy... Đàn chim kinh cung bay về đâu ?* và những âm thanh, dáng dấp khéo nhái được tiếng cánh chim vừa sà thấp xuống đã vội sạt-sạt bay vút lên cao muôn trượng, biến đi mất hút, chừng như không chịu nổi luồng sát-khí đang phừng bốc dậy... Nhưng rồi giấc mơ không tan đi giữa cảnh tuyệt-vọng não-nề. Điệu múa được kết-thúc với một chuyển biến đột-ngột trong cái sức vùng lên mạnh như vũ-bão, trong cái cố kết keo sơn của đám nhân loại đau thương vừa bừng tỉnh, đang tiến tới không ngừng trong cuộc đấu tranh thắng đoạt cường quyền, bạo lực.

Điệu múa chấm dứt giữa những tiếng vỗ tay, reo cười của đám thiếu-nhi ngồi xem. Tôi nghe có đứa hỏi :

— Cứ múa « *Hòa-bình* », « *Giấc mơ Hòa-bình* » mãi mà bao giờ mới Hòa-bình hả ta ?

— Năm năm nữa.

— Mười năm nữa.

— Mười lăm, hai mươi năm nữa chưa biết chừng. Đừng trông thêm mỏi cổ.

Một thiếu-nhi con nhà tản-cư kêu lên :

— Sao không trông. Tao mong Hòa-bình được hồi-cư, khỏi cái khổ phải lên cấm Chùa vơ củi. Mỗi ngày phải vát ba bốn vát cũi nặng, ọc cả xương sống. Tao nghĩ tao lùn đi và chậm lớn là vì như vậy đó.

Nhiều tiếng cười phụ họa theo câu nói. Lại có đứa lên tiếng :

— Tao chả sợ vơ củi. Nhưng trông Hòa-bình để được khỏi ăn cơm sáo. Cứ một phần cơm, chín phần khoai sắn, nuốt trầy cả cổ. Đã thế lại còn phải đồng-tâm mãi, chán quá.

Một vài đứa ngáp dài :

— Thôi đừng trông Hòa-bình nữa. Về ngủ kẻo khuya.

Tôi mỉm cười thương hại. Tôi nghĩ đến Minh, đến điệu múa. Tôi hiểu vì sao hắn bị phê-bình là sai lập-trường. Kể ra phê-bình như vậy cũng đúng vì qua điệu múa tôi gặp cả một sức phản-ứng chung và ngấm-ngầm của đám quần-chúng đang quay-quắt một cuộc phiêu-lưu ngập tràn máu lửa. Tôi không ngạc-nhiên chút nào trước những ẩn ý mỉa-mai, sâu cay của vũ-khúc vừa rồi. Nhưng tôi đâm lo ngại cho Minh.

Và rồi quả thật tôi dự đoán không sai. Một đêm cả nhà đang ngồi ăn cơm trước sân thì có người nhà của Liễu, nhân mang gạo và tiền lên cho hai chị em nàng, cho biết là Minh đã bị bắt. Giữa cái thời mà sự bắt bớ xảy ra hàng ngày như cơm bữa, chúng tôi đã quen giữ được cái thái-độ bình-tĩnh trước những biến-cố như vậy. Nhà tôi hỏi :

— Vì sao mà bị bắt ?

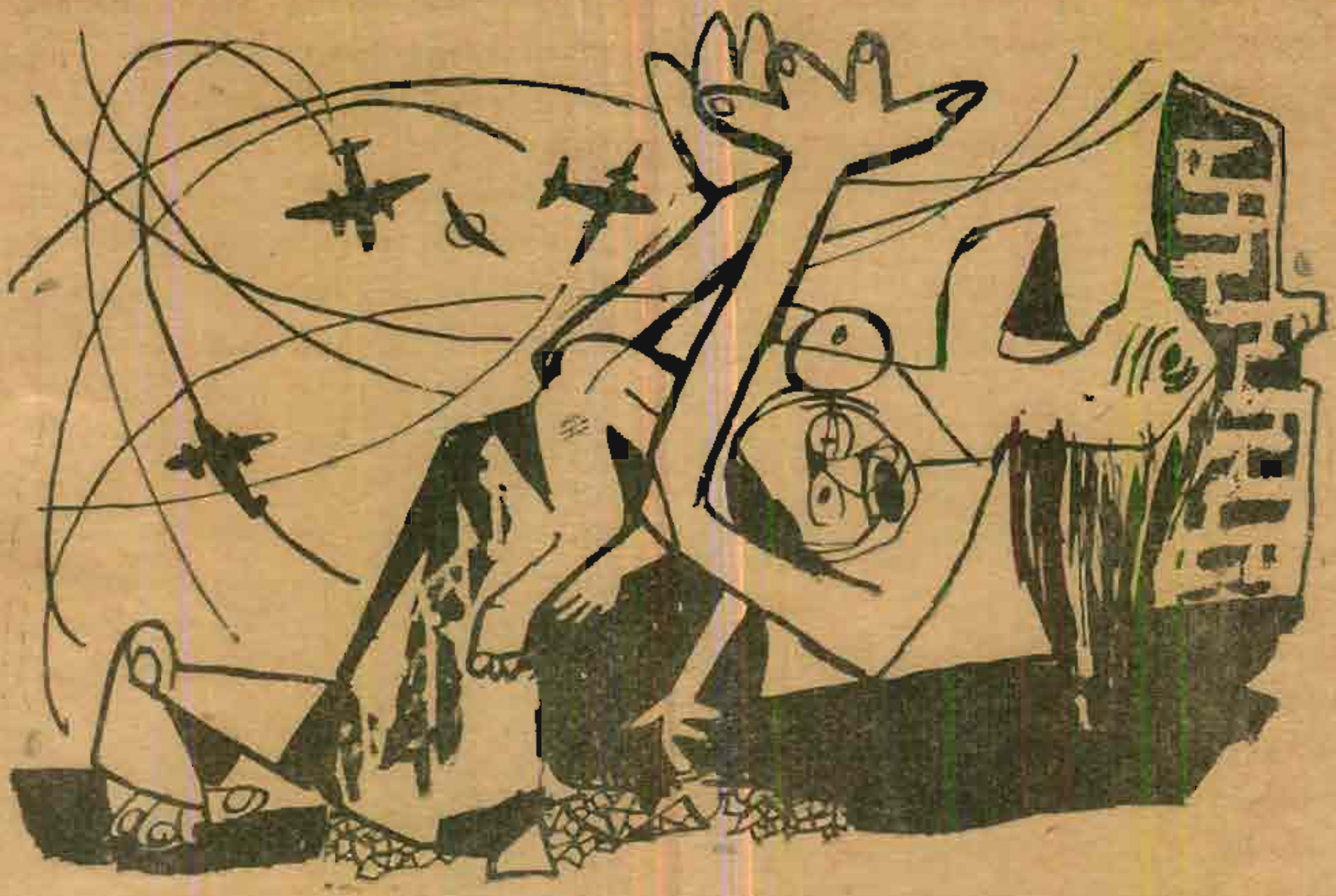

— Chừng như anh ấy có tham-gia tổ chức phản-động nào đó. Nghe người ta bảo thế mình hay thế thôi.

Cả nhà lại tiếp-tục ăn cơm. Riêng Cúc-em vừa ăn xong chén đầu tiên đã bỏ đũa đứng lên. Cam, Liễu, Vân liếc nhìn theo, cùng hỏi :

— Sao ăn cơm ít thế, Cúc-em ?

— Lúc chiều em ăn khoai nhiều quá, no rồi.

Rồi tiến lại phía bàn, Cúc-em vừa rót nước, vừa hỏi người nhà của Liễu :

— Bị bắt bao giờ ?

— Cách đây hai hôm.

Cúc-em thở dài. Là chỗ bạn học cùng trường, nghe Minh bị bắt, Cúc-em có không ai để ý lắm. Riêng tôi, qua cái vẻ lo ngại của Cúc-em, tôi thoáng nhận thấy được một cái gì đáng ngậm-ngùi hơn. Và tôi để ý, từ hôm ấy trở đi, những khi rảnh rỗi, nhất là vào lúc trời sẩm tối, Cúc-em thường ngồi bên cửa sổ, ngước mắt buồn rầu nhìn ra con đường huyện-lộ chạy ngang trước mặt nhà, với đôi môi mím chặt những sợi tóc rối lạc-lõng vào khoé miệng. Nhà tôi thấy vậy, thân-mật hỏi :

— Ả Xiu nhớ nhà hay sao mà ủ-rũ thế ?

Cúc-em gượng cười, cúi mặt xuống với đôi má ửng hồng, lắc đầu, tôi nhìn nhà tôi rồi lại quay đi vì tôi không muốn nói ra một sự thực não lòng. Và trên con đàng huyện-lộ theo hướng nhìn của Cúc-

em, tôi như thấy lại hình-ảnh của bốn người lạ mặt bị lính áp-giải, hình-ảnh những đoàn chính-trị phạm bị cột chuyền tay vào nhau đang nhọc nhằn lê bước dưới ánh đuốc, trước họng súng, hình-ảnh của Minh bị trói tay đang lũi-thủi tiến vào một địa-điểm âm-u, bí-mật...

Nhưng rồi Cúc-em không phải ngồi để nhìn như vậy lâu ngày.

Hai tháng sau, vùng tôi trú-ngụ xoang phải một trận oanh-tạc dữ-dội của phi-cơ địch. Và Cúc-em đã chết trong trận oanh-tạc ấy.

Cái chết của Cúc-em thảm-khốc quá. Nàng là nạn nhân độc-nhất. Ba quả bom, mỗi quả nặng có đến hai trăm rưỡi ký, và một cơn mưa đạn tầm-tã kéo dài gần ngót nửa tiếng đồng hồ, chỉ làm sụp đổ được một cái đình làng — nơi bộ-đội đóng tạm và đã rút lui cách đấy trên nửa tháng — cháy ba cái nhà tranh, chết hai con trâu, què một con nghé, thế thôi. Còn về người thì chỉ có một mình Cúc-em. Tai-họa xảy ra bất ngờ và gấp rút quá. Khi ba chiếc phi-cơ thình lình rượt tới, lượn quanh có mấy vòng rồi nhả đạn, thì Cúc-em đang ngồi giặt dưới bến, không thể chạy kịp về hầm trú-ẩn. Mãi đến lúc phi-cơ đã bay đi, chúng tôi đổ xô ra tìm thì nàng đã chết. Xác nàng nằm giữa mấy bụi xương rồng, dứa dại, cạnh một gành đá ở bờ sông.

Và Cúc-em không còn là Cúc-em nữa. Sức công-phá của những mảnh bôm đã mang lại cho tấm hình-hài xinh-xắn này nhiều thương tích ghê tởm đến nỗi bất cứ là ai nhìn vào cũng phải rùng mình, sởn gáy. Sự tàn ác được ghi dấu vết ở đây thật đã tột bực và đủ để cho loài người, nếu muốn, có quyền hãnh diện với giống ác-thú về cái cuồng tính man rợ, bạo tàn. Vì cái thi-hài của Cúc-em hay Ă-Xíu không còn là một tấm khu-xác của con người nữa mà là một sản-phẩm kỳ-quặc của thứ vũ-khí quý báu mà con người đã tạo nên để phụng-sự tham-vọng của con người, một khối xương thịt được cắt xén bởi các mảnh bom đúng theo cái dụng ý biểu-dương thanh-thế của kẻ mạnh trong cuộc tương tàn sát phạt, một vật-thể nhầy-nhụa, lấm láp trong lớp bụi đất vàng đẫm ướt máu đỏ. Đầu Cúc-em bị xén mất phần trên trông như một cái gáo dừa, óc phều vọt ra lầy-nhầy, hai chân bị đứt tiện ngang từ nửa đùi về và bay đi đâu mất. Bàn tay trái chỉ còn dính vào cánh tay bởi một chút da thôi. Mặt mày Cúc-em bầm nát cả.

Và Cúc-em hay A-Xíu đã băng ngang qua đời tôi một cách vội-vàng, phi-lý như thế đó. .

(Còn tiếp một kỳ)

PHAN-DU

CÙNG CÁC BẠN

Muốn gửi bài hoặc liên-lạc với tạp chí **MAI,** trân trọng các bạn theo địa-chỉ sau đây :

TẠP CHÍ MAI

160 Phan-Đình-Phùng — Saigon

Dây nói : 25.539

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Những bài đã nhận được : Đề tài — Bệnh-viện, Hoàng-hôn — Đề lại — (Phan - Duy - Nhân) Kiếp hoa — Xa quê (Trần - Ái - Nhân) Yêu — Con chim xanh — Gió chiều viễn khách (Ngô-Ngô) Chiếc áo thương (Cô Mộng-Trung) Trước Phi-cơ — Khóc thi bá Tagore (Hoàng-Oanh) Với lời em nói với môi (Bùi-Giáng) Gặp lại Anh (Vi-Long) Đêm đêm— Đầy Vơi (Võ Võ) Em thuở mắt xanh (Huyền) Tâm-sự (Trúc-Nam) Cảm tác (Lê-Phục-Thiện) Còn đâu em (V. Hoàng-Luyện) Lạc lõng (Trịnh - Khắc - Hồng) Rừng quê (Thanh-Việt-Thanh).

— Chim xuống (*Nghiêu-Nhựt*). Cụt vốn (*Hoài-Minh*). Đợi chờ (*Phương-Loan*). Tái ngộ (*Liên-Văn*). Cánh cửa sổ khép (*Phi-Khanh*).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng) thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

— **Anh Vũ-Hân** (*Đà-Nẵng*) Đã nhận được thư và tùy bút của anh. Xin anh cứ viết bài phê-bình nói trong thư. Sẽ có thư riêng thăm anh sau. Ngu-Í sẽ gửi quà .. « thơ Ngọt » ra anh nay mai.

— **Em Mai-Sau** (*Quảng - Trị*). Vì đi vắng nên mới nhận được thư em. Mừng em đã cố học thành tài mặc dầu gia-cảnh thiếu ấm-êm. Cảm động vì kỉ-niệm em gợi và chữ viết chẳng giống thiên hạ. Mong có dịp chỉ dạy, dắt dìu em như lúc em còn nhỏ dại. Vẫn chẳng quên em.

T.H. H.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Bách-Khoa vừa nhận được :

— **Gái thời Loạn**, tập truyện ngắn của Phạm-Hải-Hồ do tác giả gởi tặng gồm 5 truyện ngắn đã được giải văn-chương 1956 của Bộ Xã-Hội. Giá bán 25$.

— **Lang thang.** Thi phẩm của Minh-Đức, in thạch-bản tại Ba-Lê, trình bày mỹ-thuật, không giá bán.

— « **Tự luyện toán** » lớp nhì, nhất và luyện thi đệ thất do ông Tử-Phát soạn và gởi tặng.

— « **Sao rơi** » — thi-phẩm của *Trúc-Sĩ* do tác-giả gởi tặng « *Sao rơi* » bìa do họa-sĩ *Tạ-Tỵ* trình bày và do *Đức Hùng ấn quán* ấn hành. Giá bán 65$.

— « **Năm mươi năm cách-mạng hải ngoại** » hồi ký của Cụ *Hoàng-Nam-Hùng*, do tác-giả gửi tặng. Cụ *Hoàng-Nam-Hùng* ghi lại hình ảnh của những ngày tranh đấu cho Độc-lập nước nhà tại hải-ngoại. Sách dầy 250 trang giá bán 50$.

* * *

« **Quan điểm thế hệ mới : Con người thời đại** » do ông *Nguyễn-Hữu-Trọng* soạn và gửi tặng, dày 114 trang giá 20$.

— « **Bài tập Anh-văn** » « Đệ tử và Đệ tam » của ông *Quốc-Mỹ*, Giáo-sư sinh ngữ và do nhà sách *Yên-Sơn* xuất-bản gửi tặng. Sách soạn theo chương-trình bộ Q. G. G. D., giá bán 40$.

Tất cả những bạn HỌC-SINH và SINH-VIÊN, tất cả những nhà TRÍ-THỨC hằng quan tâm đến ý-thức hệ văn-hóa, tất cả những bậc PHỤ-HUYNH vẫn lo lắng đến sự đào tạo trí-tuệ của con em

ĐỀU CẦN ĐỌC, CỔ-ĐỘNG VÀ GÌN GIỮ :

Văn-Hóa Á-Châu

NGUYỆT-SAN CỦA HỘI VIỆT-NAM
NGHIÊN-CỨU LIÊN-LẠC VĂN-HÓA Á-CHÂU;

Gồm những bài khảo-luận cần-thiết và hữu-ích, những tài-liệu quí báu và hiếm có về văn-học, triết-học và lịch-sử, những bài nhận xét xác đáng và tế-nhị về sinh-hoạt của các ngành văn-hóa.

Đã phát hành : **Tập III, Loại Mới, Số 2.**
Tòa soạn : 201, Lê-văn-Duyệt, Saigon

PHIM 16mm

KÍNH MỜI Các đoàn thể :

Học-sinh — Quân-nhân
Công-nhân — Đồn điền
và các Tư Gia v. v...

HÃY TIẾP XÚC VỚI :

HÃNG PHIM COLUMBIA

23 ĐƯỜNG GIA-LONG SAIGON

Đ.T. 24.710

Quí vị sẽ tìm được những phim ưa thích để cùng thưởng thức trong những buổi chiều hè.

Spring

Thuốc thơm điếu dài :

"MÙA XUÂN"

HƯỞNG-VỊ HUÊ-KỲ-

GIÁ BÌNH DÂN

10$

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ
(ex Charner)
Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(Ex Doudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 543
B. P. 122

Succursale de Hongkong

8/8 A Queen's Road Central
Tel. 21.000 et 23.000
P. O. Box nº 763

Le B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International); à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama(Panama Trust Co. Inc.).

CALTEX (ASIA) LIMITED

Phát hành ở Việt-Nam

tất cả nguyên liệu có giá trị

CALTEX

REG. T.M.

và đặc biệt nhứt là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

Chận đứng : Mệt mỏi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ :

THIẾU MÁU

MỆT MỎI

YẾU SỨC

BIẾNG ĂN

GẦY CÒM

LÀM VIỆC

QUÁ SỨC

TỔNG PHÁT HÀNH : **Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc**

NGUYỄN-CAO-THĂNG, Dược-Sư

34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

Hút Thuốc Thơm

Mã nhật tân

Sảng Tinh Thần

Vận-

-Nghệ-

-Sĩ

GIÁ HẠ
15$

LA-VE "33" HẢO HẠNG

Chủ-nhiệm : HUỲNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Soạn :
160, Phan-Đình-Phùng — Sàigòn
Dây nói : 25.539

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Giá : 10$
Công sở : 15$